

QUYẾT ĐỊNH

Công bố Danh mục thủ tục hành chính được chuẩn hóa trong lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 19 thủ tục hành chính (TTHC) được chuẩn hóa trong lĩnh vực Địa chất và Khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế (*xem Phụ lục kèm theo*).

Điều 2. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm:

a) Cập nhật các TTHC được chuẩn hóa tại Quyết định này Hệ thống thông tin TTHC tỉnh Thừa Thiên Huế theo đúng quy định; Niêm yết công khai TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của đơn vị tại trụ sở cơ quan và trên Trang thông tin điện tử của đơn vị;

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, hoàn chỉnh và trình UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết các TTHC này và hoàn thành việc cấu hình TTHC trên phần mềm Hệ thống xử lý một cửa tập trung;

c) Triển khai thực hiện giải quyết các TTHC thuộc thẩm quyền theo hướng dẫn tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

2. Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm:

a) Cập nhật các TTHC được chuẩn hóa tại Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu thủ tục hành chính trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

b) Công khai các TTHC này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Cổng thông tin điện tử tỉnh.


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các TTHC này thay thế 16 TTHC có số thứ tự 20 đến 35 tại Mục IV (lĩnh vực địa chất và khoáng sản) của Phụ lục Danh mục TTHC ban hành kèm theo Quyết định số 2893/QĐ-UBND ngày 12/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã và thành phố Huế; Thủ trưởng các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC (Văn phòng CP);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- UBND các huyện, TX, TP (gửi qua mạng);
- Lãnh đạo VP và CV;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, KSTT.


KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Nguyễn Văn Phương

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC ĐỊA CHẤT VÀ KHOÁNG SẢN
THUỘC TRAM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**



Kèm theo Quyết định số 1563/QĐ-UBND ngày 26/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế

**PHẦN I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

Stt	Tên TTHC (Mã số TTHC)	Thời gian giải quyết (ngày làm việc)	Cách thức - Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Đăng ký mức độ Dịch vụ công trực tuyến	Căn cứ pháp lý
I	DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH					
1	Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình 1.0044 46	+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản: 115 ngày. + Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: 40 ngày.	* <i>Cách thức:</i> - <i>Nộp hồ sơ:</i> Chủ giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn).	1. Đối với giấy phép khai thác khoáng sản và giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính) như sau: 1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm: 1.000.000 đồng/giấy phép b. Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm: 10.000.000 đồng/giấy phép c. Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm: 15.000.000 đồng/giấy phép 2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm: 15.000.000 đồng/giấy phép b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới	Mức độ 4	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định

		<p>+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: 70 ngày. (Kê từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ)</p>	<p>- <i>Trà kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Trung tâm PV hành chính công tỉnh (Số 01 đường Lê Lai, thành phố Huế) trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân sau khi đã nộp phí, lệ phí (nếu có)</p>	<p>100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm VLXD thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 40.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 60.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 80.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>II. Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: Không.</p>		<p>mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.</p> <p>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;</p> <p>- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.</p>
--	--	--	---	--	--	---

2	<p>Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản VLXD thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch</p> <p>1.004132</p>	<p>55 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p><i>* Cách thức:</i></p> <p>- <i>Nộp hồ sơ:</i> Chủ giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn).</p> <p>- <i>Trà kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Trung tâm PV hành chính công tỉnh (Số 01 đường Lê Lai, thành phố Huế) trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân sau khi đã nộp phí, lệ phí (nếu có)</p>	Không	Mức độ 4	<p>Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;</p> <p>- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường</p>
3	<p>Thủ tục chấp thuận tiến hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích</p>	<p>Không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	<p><i>* Cách thức:</i></p> <p>- <i>Nộp hồ sơ:</i> Chủ giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành</p>	Không	Mức độ 3	<p>Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.</p> <p>- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;</p>

	lập đề án thăm dò khoáng sản 1.004083		chính công tình hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn). - <i>Trà kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Trung tâm PV hành chính công tình (Số 01 đường Lê Lai, thành phố Huế) trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân sau khi đã nộp phí, lệ phí (nếu có)			- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.
II DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG						
4	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản 1.004434	Không quá 112 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	* <i>Cách thức:</i> - <i>Nộp hồ sơ:</i> Chủ giấy phép nộp hồ sơ trực tiếp, nộp hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến hoặc gửi hồ sơ qua dịch vụ bưu chính tới Trung tâm Phục vụ hành chính công tình hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn). - <i>Trà kết quả giải quyết thủ tục hành chính:</i> Trung tâm PV hành chính công tình (Số 01 đường Lê Lai, thành phố Huế) trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân sau khi đã nộp phí, lệ phí (nếu có)	Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm với mức thu tối đa: - Từ 1 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng: 4.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng: 6.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 8.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 10.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 100 tỷ đồng: 12.000.000 đồng/hồ sơ	Mức độ 4	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và MT, Bộ Tài chính. - Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh TT Huế.
5	Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò	Không quá 112 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm với mức thu tối đa: - Từ 1 tỷ đồng trở xuống: 2.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng:	Mức độ 4	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP

	<p>khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt</p> <p>1.004433</p>			<p>4.000.000 đồng/hồ sơ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng: 6.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng: 8.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng: 10.000.000 đồng/hồ sơ - Từ trên 100 tỷ đồng: 12.000.000 đồng/hồ sơ 		<p>ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính. - Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22/7/2015 của UBND tỉnh TT Huế.
6	<p>Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản</p> <p>1.004264</p>	<p>Không quá 100 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	nt	Không quy định	Mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ
7	<p>Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản</p> <p>1.000778</p>	<p>Không quá 95 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	nt	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép. 	Mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ; - Nghị định số 136 /2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày

						09/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26/3/2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.
8	Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản 1.004481	Không quá 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép. 	Mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
9	Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản 2.001814	Không quá 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	<ul style="list-style-type: none"> - Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép; - Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép. 	Mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Nghị định số 136 /2018/NĐ-CP ngày 05/10/2018 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.
10	Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản 1.005408	Không quá 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	Không quy định	Mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
11	Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản	Không quá 190 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT): - Đến 01 tỷ đồng với mức phí: 10 triệu đồng - Trên 01 đến 10 tỷ đồng với mức phí: 10	Mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP

	2.001787	đủ hồ sơ hợp lệ.		<p>triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)</p> <p>- Trên 10 đến 20 tỷ đồng với mức phí: 55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)</p> <p>- Trên 20 tỷ đồng với mức phí: 85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng).</p>		<p>ngày 29/11/2016 của Chính phủ;</p> <p>- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;</p> <p>- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.</p>
12	<p>Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>1.004446</p>	Không quá 120 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối</p> <p>a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 1.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 10.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>c. Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 15.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép</p>	Mức độ 4	nt

				<p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm VLXD thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 40.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 40.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 50.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 60.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 80.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 100.000.000 đồng/giấy phép</p>		
13	<p>Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản</p> <p>2.001783</p>	<p>Không quá 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.</p>	nt	<p>1. Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối</p> <p>a. Có công suất khai thác dưới 5.000 m³/năm: 500.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Có công suất khai thác từ 5.000 m³ đến 10.000 m³/năm: 5.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>c. Có công suất khai thác trên 10.000 m³/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép</p> <p>2. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp</p> <p>a. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm: 7.500.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Giấy phép khai thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m³/năm hoặc loại hoạt động khai</p>	Mức độ 4	nt

				<p>thác khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 10.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>c. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm VLXD thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m³/năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này: 15.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>3. Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm VLXD thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>4. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này</p> <p>a. Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 20.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>b. Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp: 25.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>5. Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này: 30.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>6. Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm: 40.000.000 đồng/giấy phép</p> <p>7. Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại: 50.000.000 đồng/giấy phép</p>		
14	Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản	Không quá 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	nt	Mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT

	1.004345					ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
15	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản 1.004135	Không quá 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	Không	Mức độ 4	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường;
16	Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 2.001781	Không quá 35 ngày	nt	Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01giấy phép	Mức độ 4	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
17	Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 1.004343	Không quá 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01 giấy phép.	Mức độ 4	- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12; - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.

18	Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản 2.001777	Không quá 50 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	Không	Mức độ 4	<ul style="list-style-type: none"> - Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010. - Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ; - Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.
19	Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản 1.004367	Không quá 123 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.	nt	Không	Mức độ 4	nt

PHẦN II

NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Thủ tục cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản; cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản, cấp Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

+ Gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp, điều chỉnh hoặc không cấp, điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản

+ Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản; Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt;

+ Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chủ trương đầu tư (đối với trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài); các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định như sau:

* Đối với doanh nghiệp mới thành lập gồm một trong các văn bản sau:

- Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức.

* Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau:

- Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất.

* Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm một trong các văn bản sau:

- Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã;

- Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.

Trường hợp đề nghị khai thác quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

+ Bản chính: Đơn đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản; Dự án đầu tư điều chỉnh theo trữ lượng mới được phê duyệt hoặc theo công suất điều chỉnh, thay đổi phương pháp khai thác, công nghệ khai thác kèm theo quyết định phê duyệt; Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo kết quả khai thác

khoáng sản, nghĩa vụ đã thực hiện tính đến thời điểm đề nghị điều chỉnh nội dung Giấy phép khai thác khoáng sản và các văn bản phê duyệt, cho phép điều chỉnh của cơ quan có thẩm quyền.

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Thuyết minh báo cáo, các bản vẽ kèm theo và quyết định phê duyệt kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; các văn bản, tài liệu liên quan đến thay đổi tên gọi, cơ cấu tổ chức của tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản.

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

+ Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; bản đồ khu vực khai thác khoáng sản trên đó thể hiện phạm vi, diện tích xây dựng dự án công trình; phương án khai thác khoáng sản trong diện tích dự án kèm theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, văn bản quyết định chủ trương đầu tư dự án đầu tư xây dựng công trình (nếu có); Quyết định phê duyệt dự án xây dựng công trình của cơ quan có thẩm quyền; bản đồ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt; quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản nằm trong diện tích xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có); Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án đầu tư xây dựng công trình kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Số lượng hồ sơ: 02bộ.

đ.) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ:

+ Đối với hồ sơ cấp giấy phép khai thác khoáng sản:

Trong thời gian không quá 25 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

* Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định;

* Trong thời gian không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định.

* Trong thời gian không quá 40 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

+ Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 20 ngày.

Trong thời hạn không quá 20 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản.

+ Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 45 ngày

* Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

* Trong thời gian không quá 35 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời hạn cấp giấy phép:

+ Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày.

* Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Bộ Tài nguyên và Môi trường.

* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

+ Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày

* Trong thời gian không quá 05 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh;

* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc điều chỉnh hoặc không điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do

+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: không quá 12 ngày

* Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

+ Đối với giấy phép khai thác khoáng sản: trong thời gian không quá 07 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền cấp phép, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.

+ **Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:** trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

+ **Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả.

- **Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính:**

+ **Đối với giấy phép khai thác khoáng sản:** 115 ngày.

+ **Đối với Quyết định điều chỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản:** 40 ngày.

+ **Đối với giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:** 70 ngày.

e) **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân

g) **Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: các Sở, Ban, ngành có liên quan trực thuộc tỉnh.

h) **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép khai thác khoáng sản; Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản

i) **Phí, lệ phí:** Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- **Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản và Giấy phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:**

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10	20.000.000

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
	ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

- Đối với Quyết định điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không

k. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Đối với hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản:

+ Mẫu số 07: Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

+ Mẫu số 24 - Phụ lục 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

+ Mẫu số 07b: Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

- Đối với hồ sơ điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản:

+ Mẫu số 11: Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016);

+ Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Đối với hồ sơ khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình:

+ Mẫu số 12: Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

+ Mẫu số 26 - Phụ lục số 02: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đối với hồ sơ cấp phép khai thác khoáng sản:

+ Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác khoáng sản chung cả nước; Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

+ Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

- Đối với hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản: không.

- Đối với hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình: Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 07. Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm...do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò (tên khoáng sản).....tại xã.....huyện.....tỉnh.... đã được(cơ quan phê duyệt) phê duyệt theo Quyết định số..... ngày.... tháng.... năm....

Trữ lượng(tên khoáng sản) được phê duyệt:tấn (m³/kg).

Đề nghị được cấp phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại khu vực ... thuộc xã..... huyện..... tỉnh..... với các nội dung như sau:

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Trữ lượng huy động vào khai thác: (tấn, m³,...)

Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...)

Phương pháp khai thác:..... (Hầm lò/lộ thiên).

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...) /năm

Mức sâu khai thác: từ mức ... m đến mức ... m.

Thời hạn khai thác:..... năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là:....năm (tháng).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

Đối với trường hợp đề nghị cấp phép khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên cần bổ sung thông tin về công trình khai thác theo các thông số:

Số hiệu, C.sâu	Tọa độ	Lưu lượng	Hạ thấp	Mức nước	Ghi chú
GK (m)	X Y	(m ³ /ngày)	Smax (m)	tĩnh (m)	

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

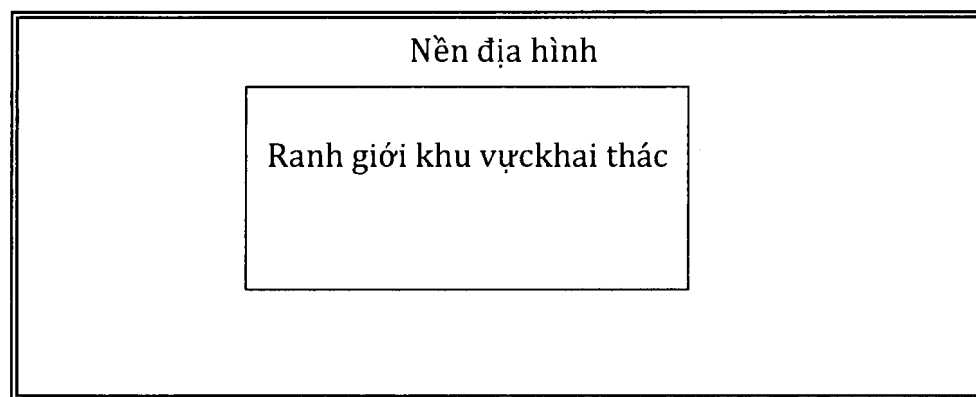
Mẫu số 24 - Phụ lục 2. Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)***ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...****BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....

CHỈ DẪN**Tọa độ các điểm khép góc**

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ...ha		

(Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu...”

Mẫu số 11. Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép khai thác khoáng sản
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác ... (tên khoáng sản) tại xã....., huyện....., tỉnh.....
 theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng năm của Bộ Tài
 nguyên và Môi trường

Đề nghị điều chỉnh ... (nội dung điều chỉnh) của Giấy phép khai thác khoáng
 sản như sau:

- ... (nội dung theo Giấy phép đã cấp);

- ... (nội dung đề nghị điều chỉnh);

(thay đổi về công suất; trữ lượng; thời hạn khai thác, tên chủ đầu tư)

Lý do đề nghị điều chỉnh:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp
 luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 43. Báo cáo hoạt động khai thác khoáng sản và
kế hoạch tiếp tục khai thác**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP
KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số/.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO

**HOẠT ĐỘNG KHAİ THÁC KHOÁNG SẢN VÀ
KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAİ THÁC**

(Trong trường hợp điều chỉnh, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp:.....(Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên.....;
 - Năm sinh.....;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:.....;
 - Cơ quan cấp phép.....;
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:.....(m², ha, km²);
 - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức.....m;
 - Trữ lượng được phép khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
 - Công suất được phép khai thác:.....:(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn Giấy phép khai thác: (tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (điều chỉnh) số.... ngày tháng....năm ...
 - Cơ quan ban hành:
 - Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:.....;
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp tiếp tục khai thác:.....(lộ thiên/hầm lò/....);
 - Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:.....(m², ha, km²);
 - Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mứcm, đến mức.....m;
 - Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);

- Công suất được phép tiếp tục khai thác:.....:(tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm);

- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

....

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng.... năm.....(từ khi được cấp phép) **đến ngày..... tháng.... năm.....**(thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản).....(VND);

2. Tổng vốn đầu tư:(VND);

3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND);

4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm.....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):(tấn, m³);

5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm:.....(VND/tấn, m³);

6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế...../thực tế:;

7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:

- Khối lượng.....(tấn, m³), hàm lượng khoáng sản nguyên khai /(tấn, m³) đưa vào tuyển, làm giàu.;

- Khối lượng..... (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: (tấn, m³);

- Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: (tấn, m³);

8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);

9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: (tấn, m³);

10. Tổng doanh thu:(VND);

11. Nộp ngân sách Nhà nước: (VND);

Trong đó: - Thuế Tài nguyên:(VND);

- Thuế xuất khẩu khoáng sản.....(VND);

- Thuế môi trường:.....(VND);

- Tiền thuê đất:.....(VND)

- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);

- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);

- Thuế thu nhập doanh nghiệp.....(VND).

- Khác (nếu có):

12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản.....(VND).

13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:(VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.....năm.....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):(tấn, m³).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):.....(tấn, m³), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác.....(tấn, m³);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận.....(tấn, m³);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tin.. đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):.....(tấn, m³).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền.....(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ....) quy đổi thành tiền.....(VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày.....tháng.....năm....

2. Thời gian khai thác:..... tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 12. Đơn đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ở khu vực có dự án đầu tư xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
Ở KHU VỰC CÓ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Được cấp phép đầu tư dự án xây dựng công trình ... (tên dự án) tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cơ quan) cấp.

Đề nghị được khai thác khoáng sản ... (tên khoáng sản) trong phạm vi ranh giới, diện tích của dự án:

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc:..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Trữ lượng được phép huy động vào khai thác: (tấn, m³,...)

Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...)

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)/năm

Mức sâu khai thác: từ mức ... m đến mức ... m.

Thời hạn khai thác:..... năm, kể từ ngày được cấp phép.

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 26 - Phụ lục 2. Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

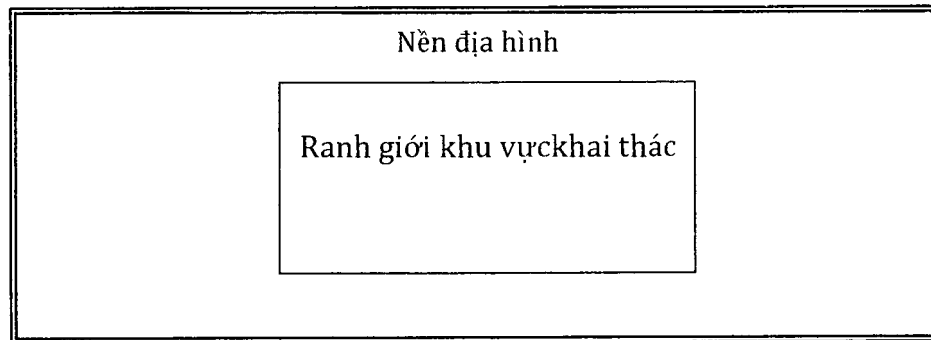
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mò)....., xã....., huyện....., tỉnh....

(Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trục...múi chiếu ...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ...ha		



Khung tọa độ



Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tỷ lệ:.....

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu...”

2. Thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt hoặc cho phép đầu tư mà sản phẩm khai thác chỉ được sử dụng cho xây dựng công trình đó) bao gồm cả đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

+ Hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, xác nhận hoặc không xác nhận đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình/ thu hồi cát, sỏi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch. Trong trường hợp không xác nhận đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (Bản xác nhận) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

- Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình

+ Bản chính: Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Bản vẽ quy hoạch tổng thể khu vực xây dựng dự án và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đối với thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch

+ Bản chính: Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi, kèm theo bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạo vét, khơi thông luồng; bản đăng ký khối lượng, kế hoạch, phương pháp, thiết bị dùng để thu hồi cát, sỏi;

+ Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Kế hoạch, thời gian thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch và quyết định phê duyệt dự án của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt; hợp đồng thuê bến bãi chứa cát (nếu có).

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 35 ngày.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra tại thực địa;

+ Trong thời gian không quá 25 ngày, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời hạn cấp Giấy phép khai thác khoáng sản: không quá 12 ngày

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày hoàn thành công việc thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ đăng ký cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố nơi có dự án xây dựng công trình/ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch;

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố hoàn thành việc đăng ký. Trong trường hợp không đăng ký thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ từ cơ quan có thẩm quyền, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký khối lượng khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác.

- Tổng thời gian thực hiện thủ tục hành chính: 55 ngày.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Bản xác nhận đăng ký khai thác

i) Phí, lệ phí: không

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- **Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình:**

Mẫu số 18: Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- **Đối với Thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch:**

+ Mẫu số 16: Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi trong quá trình thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

+ Mẫu số 17: Bản đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi trong quá trình thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- **Đối với thủ tục đăng ký khai thác khoáng sản vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình:**

+ Có quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- **Đối với Thủ tục đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi từ dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch:**

+ Có quyết định phê duyệt dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

Mẫu số 18. Bản đăng ký khu vực, công suất, khối lượng, phương pháp, thiết bị và kế hoạch khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường trong diện tích dự án xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**BẢN ĐĂNG KÝ KHU VỰC, CÔNG SUẤT, KHỐI LƯỢNG,
PHƯƠNG PHÁP, THIẾT BỊ VÀ KẾ HOẠCH KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG
TRONG DIỆN TÍCH DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố ... cấp;

Được cấp phép thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình ... (tên dự án) tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy chứng nhận đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cơ quan) phê duyệt;

Đăng ký khai thác khoáng sản ... (tên khoáng sản) trong phạm vi ranh giới, diện tích của dự án... với các nội dung như sau:

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc:..... có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác kèm theo.

Khối lượng khai thác: (tấn, m³,...)

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)/năm

Mức sâu khai thác: từ mức ... đến mức ... m.

Thời gian khai thác: đến ngày ... tháng ... năm....

Kế hoạch khai thác:

(Kế hoạch là thời gian dự kiến khai thác cho từng khu vực tương ứng với thời gian triển khai dự án)

Máy móc, thiết bị sử dụng trong hoạt động khai thác: ...

(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo khối lượng đã đăng ký và cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

**Mẫu số 16. Đơn đề nghị thu hồi cát, sỏi trong quá trình thực hiện dự án nạo vét,
khơi thông luồng lạch**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của
Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ THU HỒI CÁT, SỎI
TỪ DỰ ÁN NẠO VÉT, KHƠI THÔNG LUỒNG LẠCH**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở
Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/ thành phố ... cấp;

Được cho phép thực hiện dự án cải tạo, khơi thông luồng lạch ... (tên dự án) tại
xã....., huyện....., tỉnh..... theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... do
.... (tên cơ quan) cấp.

Đề nghị cho phép thu hồi cát, sỏi trong quá trình nạo vét, khơi thông luồng lạch
trong phạm vi ranh giới, diện tích của dự án.

Diện tích khu vực thu hồi:..... (ha, km²), được giới hạn bởi các điểm
góc:..... có toạ độ xác định trên bản vẽ vị trí, phạm vi khu vực dự án nạo vét, khơi
thông luồng lạch kèm theo.

Khối lượng khoáng sản thu hồi: (tấn, m³,...)

Thời gian thu hồi: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm....

(Tên tổ chức, cá nhân).....cam kết nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản
theo khối lượng đã đăng ký và cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về
khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 17. Bản đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi trong quá trình thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BẢN ĐĂNG KÝ KHỐI LƯỢNG CÁT, SỎI THU HỒI TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN NẠO VÉT, KHƠI THÔNG LUỒNG LẠCH

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:....., Fax.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số ... ngày ... tháng ... năm ... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/ thành phố ... cấp;

Được phép thực hiện dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch ... (tên dự án) tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Quyết định số ... ngày ... tháng ... năm ... do (tên cơ quan) phê duyệt.

Đăng ký khối lượng cát, sỏi thu hồi trong quá trình nạo vét, khơi thông luồng lạch với các nội dung như sau:

- Tổng khối lượng thu hồi trong quá trình nạo vét: (tấn, m³,...);

- Khối lượng khoáng sản thu hồi: (tấn, m³,...);

- Phương pháp thu hồi:

- Máy móc, thiết bị sử dụng để thu hồi: ...

- Thời hạn thu hồi.....(tháng, năm), kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.

...

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết chỉ thu hồi cát, sỏi theo đúng khối lượng, kế hoạch, phương pháp đã đăng ký trong phạm vi dự án nạo vét, khơi thông luồng lạch theo Quyết định nêu trên./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

3. Thủ tục chấp thuận tiên hành khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đăng ký và kiểm tra thực địa (nếu cần); gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan (nếu cần); hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc đăng ký khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, chấp thuận hoặc không chấp thuận đề nghị khảo sát thực địa, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (Thông báo) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc nộp qua đường bưu điện hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

Bản chính: Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản;

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết hồ sơ: không quá 10 ngày

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Thông báo chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản

i) Phí, lệ phí: Không

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 46: Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 47: Thông báo chấp thuận Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016).

m) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

Mẫu số 46. Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lập đề án thăm dò khoáng sản
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

Địa danh....., ngày ... tháng... năm

KẾ HOẠCH KHẢO SÁT, LẤY MẪU
ĐỀ LỰA CHỌN DIỆN TÍCH LẬP ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(Kèm theo Công văn số ... ngày ... tháng ... năm ... của)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố cấp lần đầu ngày... tháng... năm....

Căn cứ Điều 37 Luật khoáng sản, lập kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản Tại xã ... huyện ... tỉnh/thành phố ... với nội dung như sau:

1. Phạm vi (diện tích, tọa độ khu vực đề nghị khảo sát, lấy mẫu ...;
2. Thời gian: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...;
3. Số km khảo sát tại thực địa: km
4. Tổng số lượng mẫu: mẫu, trong đó:
 - 4.1. Mẫu (trọng sa, kim lượng...):
 - + Số lượng:
 - + Khối lượng/kích thước mẫu: ...
 - 4.2. Mẫu...:

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam kết chỉ khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất và quy định về số lượng, thời gian, khối lượng, kích thước mẫu quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản./.

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 47. Thông báo chấp thuận Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập đề án thăm dò khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/TB-UBND

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

THÔNG BÁO

Về việc chấp thuận kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập Đề án thăm dò khoáng sản

Kính gửi: ... (tên tổ chức, cá nhân)

- Căn cứ Điều 37 Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Xét đề nghị của (tên tổ chức, cá nhân) tại Công văn số.... ngày ... tháng ... năm về việc Và Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập Đề án thăm dò khoáng sản tại Xã.... Huyện... tỉnh/thành phố...

- Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.... chấp thuận Kế hoạch khảo sát, lấy mẫu để lựa chọn diện tích lập Đề án thăm dò khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân)... cụ thể như sau:

1. Phạm vi (diện tích, tọa độ khu vực khảo sát, lấy mẫu ...);
2. Thời gian: từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...;
3. Số km khảo sát tại thực địa: km
4. Tổng số lượng mẫu: mẫu, trong đó:
 - 4.1. Mẫu (trọng sa, kim lượng...):
 - + Số lượng:
 - + Khối lượng/kích thước mẫu: ...
 - 4.2. Mẫu...:

(Tên tổ chức, cá nhân) có trách nhiệm thực hiện việc khảo sát, lấy mẫu trên mặt đất theo đúng kế hoạch nêu trên và quy định về khối lượng, kích thước mẫu quy định tại khoản 2 Điều 32 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản; không được lợi dụng khảo sát, lấy mẫu để thăm dò, khai thác khoáng sản./.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

4. Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá là Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bước 2. Tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản

- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong thời gian là 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

- Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

- Đối với hồ sơ được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến phiên đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.

Bước 3. Nộp tiền đặt trước

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia phiên đấu giá. Tiền đặt trước có thể nộp bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

- Trường hợp nộp bằng tiền mặt, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 4. Tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản

- Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá;

- Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tiến hành điều hành phiên đấu giá theo quy định.

Bước 5. Trình, phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sau khi kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

Bước 6. Thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Bản Cam kết thực hiện dự án.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định.

- Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày làm việc.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

Tổng thời gian: không quá 112 ngày làm việc.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá thì các cơ quan liên quan là các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

h) Phí, lệ phí:

Theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thì mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014, cụ thể:

Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm	Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ)
Từ 1 tỷ đồng trở xuống	2.000.000
Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	4.000.000
Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	6.000.000
Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	8.000.000
Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.000.000
Từ trên 100 tỷ đồng	12.000.000

Sau khi Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định về mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2, Điều 11,

Thông tư số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 thì áp dụng theo mức thu phí của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

j) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 02: Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 03: Cam kết thực hiện dự án (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản;

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

- Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá:

+ Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được Sở Tài nguyên và Môi trường xét chọn;

+ Đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định;

+ Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành phiên đấu giá;

+ Tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được Hội đồng đấu giá chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá đó.

- Đối tượng không được tham gia đấu giá quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2012/NĐ-CP, cụ thể là:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

+ Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

MẪU SỐ 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường

(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân):

Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày ... tháng năm.... (Đăng ký kinh doanh số ngày tháng ... năm

Trụ sở tại:

Điện thoại:; Fax:

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....*) thông báo tại khu vực mỏ:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ mời đấu giá, Quy chế đấu giá tại (*Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố*) và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....*) thông báo.
2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....*) lựa chọn cho phiên đấu giá.
3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày tháng năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)

Ký tên, đóng dấu

MẪU SỐ 02**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC KINH NGHIỆM TRONG THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ ĐẦU GIÁ QUYỀN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỒ SƠ GIỚI THIỆU**Năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản****I. Thông tin chung:****1. Tính pháp lý****(1) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

a) Họ tên (họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

b) Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (số, ngày, nơi cấp)

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

c) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

d) Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

(2) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:

a) Tên doanh nghiệp/tổ chức

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập (Số, Ngày cấp, Nơi cấp)

c) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

- Họ tên (họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

- Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (số, ngày, nơi cấp)

- Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

- Chức vụ

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

2. Tổng số năm kinh nghiệm:

Loại hình công việc	Số năm kinh nghiệm
- Thăm dò	
- Khai thác	
- Chế biến	
- Khác	

.....	
-------	--

3. Năng lực tài chính (3 năm gần nhất theo kết quả kiểm toán độc lập)

TT		Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			

4. Bảng kê khai máy móc thiết bị khai thác, chế biến chủ yếu

Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu)	Số lượng	Công suất	Năm sản xuất	Số thiết bị		Chất lượng thực hiện nay
				Thuộc sở hữu	Đi thuê	

II. Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Nội dung dự án đầu tư (phác thảo).
- Giới thiệu về công nghệ của dự án (nếu có).
- Giới thiệu về năng lực kinh nghiệm: Kinh nghiệm của Nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư này hoặc có đơn vị có kinh nghiệm tham gia với Nhà đầu tư.
- Giới thiệu về năng lực tài chính thực hiện dự án.

III. Kiến nghị và cam kết.

- Kiến nghị của tổ chức, cá nhân.
- Cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị tham gia đầu giá.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Đại diện tổ chức, cá nhân

MẪU SỐ 03**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ QUYỀN
Khai thác khoáng sản**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Số điện thoại:; Fax:

Đại diện tổ chức, cá nhân:

Chức vụ/nghề nghiệp:

CAM KẾT

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước đưa ra mời đấu giá.

Nếu doanh nghiệp chúng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này, doanh nghiệp chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm 20...
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

5. Thủ tục đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã có kết quả thăm dò khoáng sản được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1. Nộp hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá

Tổ chức, cá nhân có nhu cầu tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải lập hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản và nộp cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá là Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

Bước 2. Tiếp nhận, xét chọn hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Sở Tài nguyên và Môi trường tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản trong thời gian là 30 ngày, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Sau khi hết thời hạn tiếp nhận hồ sơ đăng ký tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành xét chọn hồ sơ để lựa chọn tổ chức, cá nhân đủ điều kiện tham gia phiên đấu giá.

- Đối với hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản không được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường phải thông báo cho tổ chức, cá nhân liên quan bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được xét chọn.

- Đối với hồ sơ được xét chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo công khai danh sách tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá tại trụ sở cơ quan và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước khi tiến hành phiên đấu giá; thông báo bằng văn bản về thời gian, địa điểm họp trao đổi về các thông tin liên quan đến phiên đấu giá; thời điểm khảo sát thực địa khu vực đấu giá; thời gian nộp phí tham gia đấu giá và tiền đặt trước cho tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá.

Bước 3. Nộp tiền đặt trước

Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản phải nộp tiền đặt trước trước khi tham gia phiên đấu giá. Tiền đặt trước có thể nộp bằng tiền mặt hoặc bằng bảo lãnh dự đấu giá theo phương thức như sau:

- Trường hợp nộp bằng tiền mặt, tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá phải nộp vào tài khoản tạm giữ của Sở Tài nguyên và Môi trường;

- Trường hợp nộp bằng bảo lãnh dự đấu giá, tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia đấu giá phải nộp bảo lãnh dự đấu giá cho Sở Tài nguyên và Môi trường.

Bước 4. Tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản chỉ được tiến hành khi có ít nhất 02 tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá;

- Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc người điều hành phiên đấu giá tiến hành điều hành phiên đấu giá theo quy định.

Bước 5. Trình, phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sau khi kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét và phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

Bước 6. Thông báo kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tại trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ đấu giá và trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Bản Cam kết thực hiện dự án;

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao có bản chính kèm theo để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; văn bản giới thiệu năng lực, kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản; giới thiệu năng lực tài chính và khả năng huy động tài chính.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản là 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thông báo thông tin về phiên đấu giá.

- Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hết hạn tiếp nhận hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành phương án xét chọn hồ sơ của tổ chức, cá nhân đề nghị tham gia phiên đấu giá và báo cáo Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc chuyển hồ sơ đấu giá của tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia đấu giá cho tổ chức đấu giá chuyên nghiệp (trường hợp đấu giá thông qua tổ chức đấu giá chuyên nghiệp) để thực hiện đấu giá theo quy định.

- Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả xét chọn hồ sơ tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Chủ tịch Hội đồng đấu giá hoặc tổ chức đấu giá chuyên nghiệp phải tổ chức phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

- Thời gian nộp tiền đặt trước được thông báo trong hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản trước khi tổ chức phiên đấu giá ít nhất là 07 ngày làm việc.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải trình Ủy ban nhân dân tỉnh hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ phê duyệt kết quả trúng đấu giá, Ủy ban nhân dân tỉnh phải ban hành văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

- Thời gian thông báo và đăng tải công khai kết quả trúng đấu giá là 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá.

Tổng thời gian: không quá 112 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định theo quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện (nếu có): Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản); Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp (trong trường hợp thành lập Hội đồng đấu giá thì các cơ quan liên quan là các Sở: Tư pháp, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công Thương, Xây dựng và Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có khu vực khoáng sản được đưa ra đấu giá).

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Văn bản phê duyệt kết quả trúng đấu giá.

h) Phí, lệ phí:

Theo Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế thì mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại Điều 11, Thông tư số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014, cụ thể:

Giá trị quyền khai thác khoáng sản theo giá khởi điểm	Mức thu tối đa (đồng/hồ sơ)
Từ 1 tỷ đồng trở xuống	2.000.000
Từ trên 1 tỷ đồng đến 5 tỷ đồng	4.000.000
Từ trên 5 tỷ đồng đến 10 tỷ đồng	6.000.000
Từ trên 10 tỷ đồng đến 50 tỷ đồng	8.000.000

Từ trên 50 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	10.000.000
Từ trên 100 tỷ đồng	12.000.000

Sau khi Hội đồng nhân dân Tỉnh ban hành Quyết định về mức thu phí tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định tại khoản 2, Điều 11, Thông tư số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09/9/2014 thì áp dụng theo mức thu phí của Hội đồng nhân dân Tỉnh.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Đơn đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 02: Hồ sơ giới thiệu năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014);

- Mẫu số 03: Cam kết thực hiện dự án (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân được xét chọn tham gia phiên đấu giá quyền khai thác khoáng sản khi đủ các yêu cầu sau:

+ Có văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản được lập theo quy định;

+ Đáp ứng các quy định của tổ chức, cá nhân thăm dò khoáng sản hoặc khai thác khoáng sản;

+ Có cam kết về thiết bị, công nghệ khai thác, chế biến khoáng sản và phương án tiêu thụ sản phẩm phù hợp với quy định trong hồ sơ mời đấu giá.

- Điều kiện của tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá:

+ Là tổ chức, cá nhân có hồ sơ đề nghị tham gia phiên đấu giá được Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam xét chọn;

+ Đã nộp phí tham gia đấu giá, nộp tiền đặt trước theo quy định;

+ Trường hợp khi có sự thay đổi về tư cách pháp nhân, tổ chức, cá nhân được tham gia phiên đấu giá phải nộp bổ sung văn bản liên quan cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước khi tiến hành phiên đấu giá.

+ Tổ chức, cá nhân tham gia phiên đấu giá và trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản nhưng từ chối không nhận kết quả trúng đấu giá mà chưa được Hội đồng đấu giá chấp thuận thì không được tham gia bất kỳ phiên đấu giá nào trong thời hạn 01 năm, kể từ ngày kết thúc phiên đấu giá đó.

- Đối tượng không được tham gia đấu giá quy định tại Điều 9 Nghị định 22/2012/NĐ-CP cụ thể:

+ Chủ tịch, thành viên Hội đồng đấu giá; cán bộ công chức được giao tiếp nhận, chuẩn bị hồ sơ mời đấu giá quyền khai thác khoáng sản của Sở Tài nguyên

và Môi trường nơi có khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản; cha, mẹ, vợ, chồng, con của những người nêu trên.

+ Những đối tượng bị cấm khác theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản.

l) Căn cứ pháp lý của TTHC:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;
- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;
- Thông tư số 16/2014/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Quyết định số 28/2015/QĐ-UBND ngày 22 tháng 07 năm 2015 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế ban hành quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

MẪU SỐ 01

ĐƠN ĐỀ NGHỊ THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
THAM GIA ĐẤU GIÁ QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân):

Quyết định thành lập doanh nghiệp số..., ngày ... tháng năm.... (Đăng ký kinh doanh số ngày tháng ... năm

Trụ sở tại:

Điện thoại:; Fax:

Xin đăng kí và nộp tiền đặt trước tham gia đấu giá quyền khai thác khoáng sản mà Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....*) thông báo tại khu vực mở:

.....

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) xin cam kết:

1. Đã nghiên cứu tài liệu khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản và hồ sơ mời đấu giá, Quy chế đấu giá tại (*Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố*) và tự nguyện đăng ký tham gia đấu giá mà Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....*) thông báo.
2. Chấp nhận tham gia đấu giá theo hình thức đấu giá mà Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....*) lựa chọn cho phiên đấu giá.
3. Khi tham gia đấu giá (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết thực hiện đúng các quy định hiện hành của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

Ngày tháng năm 20...
(Tên tổ chức, cá nhân làm đơn)
 Ký tên, đóng dấu

MẪU SỐ 02**HỒ SƠ GIỚI THIỆU NĂNG LỰC KINH NGHIỆM TRONG THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ ĐẦU GIÁ QUYỀN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

HỒ SƠ GIỚI THIỆU**Năng lực kinh nghiệm trong thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản****I. Thông tin chung:****1. Tính pháp lý****(1) Đối với nhà đầu tư là cá nhân:**

a) Họ tên (họ tên, chức vụ, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

b) Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (số, ngày, nơi cấp)

Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

c) Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

d) Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

(2) Đối với nhà đầu tư là doanh nghiệp/ tổ chức:

a) Tên doanh nghiệp/tổ chức

b) Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư/Quyết định thành lập (Số, Ngày cấp, Nơi cấp)

c) Thông tin về người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp/tổ chức đăng ký đầu tư, gồm:

- Họ tên (họ tên, ngày sinh, dân tộc, quốc tịch)

- Chứng minh nhân dân/hộ chiếu (số, ngày, nơi cấp)

- Giấy tờ chứng thực cá nhân khác đối với trường hợp không có CMND/hộ chiếu (tên giấy, số, ngày, nơi cấp)

- Chức vụ

- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

- Chỗ ở hiện nay: (địa chỉ, điện thoại, Fax, Email)

2. Tổng số năm kinh nghiệm:

Loại hình công việc	Số năm kinh nghiệm
- Thăm dò	
- Khai thác	
- Chế biến	
- Khác	
-	

3. Năng lực tài chính (3 năm gần nhất theo kết quả kiểm toán độc lập)

TT		Năm 20..	Năm 20..	Năm 20..
1	Tổng tài sản			
2	Tổng nợ phải trả			
3	Tài sản ngắn hạn			
4	Nợ ngắn hạn			
5	Doanh thu			
6	Lợi nhuận trước thuế			
7	Lợi nhuận sau thuế			

4. Bảng kê khai máy móc thiết bị khai thác, chế biến chủ yếu

Tên thiết bị (loại, kiểu, nhãn hiệu)	Số lượng	Công suất	Năm sản xuất	Số thiết bị		Chất lượng thực hiện nay
				Thuộc sở hữu	Đi thuê	

II. Kế hoạch sơ bộ về đầu tư thăm dò, khai thác, chế biến, tiêu thụ sản phẩm

- Nội dung dự án đầu tư (phác thảo).
- Giới thiệu về công nghệ của dự án (nếu có).
- Giới thiệu về năng lực kinh nghiệm: Kinh nghiệm của Nhà đầu tư trong lĩnh vực đầu tư này hoặc có đơn vị có kinh nghiệm tham gia với Nhà đầu tư.
- Giới thiệu về năng lực tài chính thực hiện dự án.

III. Kiến nghị và cam kết.

- Kiến nghị của tổ chức, cá nhân.
- Cam kết về tính chính xác của nội dung hồ sơ đề nghị tham gia đấu giá.

....., ngày ... tháng ... năm 20...

Đại diện tổ chức, cá nhân

MẪU SỐ 03**BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN**

(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐĂNG KÝ ĐẤU GIÁ QUYỀN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Số điện thoại:; Fax:

Đại diện tổ chức, cá nhân:

Chức vụ/nghề nghiệp:

CAM KẾT

Doanh nghiệp chúng tôi xin cam kết khi trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản thực hiện đúng yêu cầu của cơ quan nhà nước đưa ra mời đấu giá.

Nếu doanh nghiệp chúng tôi không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các cam kết này, doanh nghiệp chúng tôi sẽ chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

....., ngày tháng năm 20...

Người lập
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên)

6. Thủ tục tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản về Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế theo thẩm quyền cấp phép khai thác.

- Bước 2. Kiểm tra và thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan tiếp nhận, kiểm tra, xác nhận tính pháp lý, mức độ đầy đủ của các hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản do tổ chức, cá nhân nộp.

- Bước 3. Trình phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản

Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản; kết quả xác định tại Hội đồng thẩm định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo thẩm quyền cấp phép khai thác khoáng sản.

- Bước 4. Thông báo kết quả

Sở Tài nguyên và Môi trường gửi Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác để ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

- *Nộp hồ sơ:* Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản cấp trước ngày Nghị định Nghị định số 203/2013/NĐ-CP có hiệu lực:

Tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản về Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế theo thẩm quyền cấp phép khai thác trong thời gian không quá 60 (sáu mươi) ngày làm việc, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành (nộp trực tiếp).

Đối với Giấy phép khai thác khoáng sản cấp không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản và sau ngày Nghị định này có hiệu lực, phải thực hiện nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định trước khi cấp phép (nộp trực tiếp).

- *Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Khi nhận được văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc, Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định 203/2013/NĐ-CP, gửi tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP

- Bản sao có chứng thực: Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Bản sao có chứng thực: Báo cáo nộp thuế tài nguyên hàng năm; các chứng từ, tài liệu hợp pháp chứng minh trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011.

* Số lượng hồ sơ:

- 02 (hai) Bản tự kê khai thông tin tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP.

- 01 (một) Bản sao Giấy phép khai thác khoáng sản.

- 01 (một) Báo cáo nộp thuế tài nguyên hàng năm; các chứng từ, tài liệu hợp pháp chứng minh trữ lượng khoáng sản đã khai thác tính đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2011.

d) Thời hạn giải quyết:

Tổng thời gian: không quá 100 ngày làm việc.

- Chậm nhất là 10 (mười) ngày làm việc khi nhận được văn bản phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, Cục thuế địa phương nơi có khu vực khoáng sản được cấp phép khai thác ra thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II của Nghị định số 203/2013/NĐ-CP, gửi tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Thời điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản chậm nhất lần đầu là 90 (chín mươi) ngày tính từ ngày nhận được thông báo của Cục thuế địa phương; thời điểm các lần sau chậm nhất là ngày 31 tháng 3 các năm tiếp theo. Sau các thời điểm này, ngoài số tiền phải nộp theo thông báo, tổ chức, cá nhân còn phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép khai thác không thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Cục thuế tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của cơ quan thuế.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Bản tự kê khai thông tin tính tiền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013).

- Mẫu số 03: Quyết định về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản khu vực (tên mỏ) của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh (Ban hành kèm theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013).

- Mẫu số 04: Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013).

- Mẫu số 05: Văn bản đề nghị điều chỉnh số lần nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và số tiền phải nộp từng lần (Ban hành kèm theo Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ KÊ KHAI
THÔNG TIN TÍNH TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam
(Sở Tài nguyên và Môi trường)

- Tên tổ chức, cá nhân:
- Địa chỉ:
- Số điện thoại:; Fax:
- Người đại diện pháp luật:
- Chức vụ/nghề nghiệp:
- Mã số thuế:
1. Giấy phép khai thác khoáng sản số:
2. Ngày cấp: Thời hạn:
3. Loại khoáng sản:
4. Vị trí (*hành chính, địa lý*) của khu vực cấp phép khai thác:
.....
5. Trữ lượng sử dụng tính tiền cấp quyền khai thác ghi trong Giấy phép khai thác:
- + Trữ lượng địa chất (nếu có):
 - + Trữ lượng khai thác (nếu có):
 - + Trữ lượng khác (*tài nguyên, sản phẩm hàng hóa, lưu lượng,...*) (nếu có):
.....
6. Trữ lượng khoáng sản đã khai thác (căn cứ theo thông tin nộp thuế tài nguyên tính đến ngày 30/6/2011):
7. Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm kê khai:
.....
8. Phương pháp khai thác mỏ (lộ thiên, hầm lò):
9. Địa bàn ưu đãi đầu tư xác định hệ số liên quan đến điều kiện kinh tế xã hội:

10. Dự tính số tiền cấp quyền khai thác của khu vực khoáng sản được phép khai thác:

11. (Tên tổ chức, cá nhân) cam kết số lần nộp tiền khai thác khoáng sản:

12. Địa điểm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản:

....., ngày tháng năm

NGƯỜI LẬP
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi rõ họ tên)

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC PHÊ DUYỆT TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
KHU VỰC (TÊN MỎ)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ quy định của Nghị định số /2013/NĐ-CP ngày / /2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Tờ trình số.../TTr ngày...tháng...năm...của Sở Tài nguyên và Môi trường về hồ sơ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị tiền cấp quyền khai thác khoáng sản đối với (tên khoáng sản) tại khu vực:

a) Tổ chức, cá nhân nộp tiền:

b) Giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm lần đầu (G):

c) Tổng số tiền phải nộp tính theo giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại thời điểm phê duyệt:

d) Tổng số lần nộp:

đ) Số tiền nộp hàng năm (T_{hn}):

Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...	Năm 20...
...						

e) Diện tích huyện (*tên huyện*) chiếm %. Diện tích huyện (*tên huyện*) chiếm %

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*) có trách nhiệm nộp tiền theo đúng quy định tại Điều 1 Quyết định này và theo Thông báo của Cục Thuế (*tên Cục Thuế*).

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Thuế (để phối hợp);
- (*Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền*) (để thực hiện);
- Tổng cục ĐC&KSVN (để biết);
- Lưu: HS, VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(*Ký tên, đóng dấu*)

TÊN CƠ QUAN THUẾ CẤP TRÊN
TÊN CƠ QUAN THUẾ RA THÔNG BÁO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/TB-.....

....., ngày ...tháng ... năm 20...

THÔNG BÁO NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: (Tên tổ chức, cá nhân nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản)

- Mã số thuế:
- Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): Số:
- Ngày cấp Cơ quan cấp:
- Địa chỉ:
- Điện thoại: Fax: E-mail:

I. PHẦN THÔNG BÁO CỦA CƠ QUAN THUẾ:

Căn cứ Luật khoáng sản và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật khoáng sản;

Căn cứ Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật quản lý thuế, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số .../2013/NĐ-CP ngày...tháng...năm 2013 của Chính phủ quy định phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ văn bản phê duyệt tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số ... ngày ... tháng ... năm 20... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (*Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố*),

Cục thuế thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 20... như sau:

1. Tên khu vực khoáng sản:

- Địa chỉ khu vực khoáng sản:
- Trữ lượng khoáng sản được cấp quyền khai thác:
- Thời gian được cấp quyền khai thác:

2. Tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp năm 20...:..... đồng

(Viết bằng chữ:))

3. Thời gian nộp chậm nhất ngày...tháng...năm 20...:

Trường hợp chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản vào NSNN sau thời hạn nộp thì ngoài số tiền phải nộp, còn phải nộp tiền phạt theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

4. Tài khoản thu ngân sách nhà nước:

a) Cục thuế:

- Số tiền phải nộp: đồng.

- Số tài khoản:Kho bạc Nhà nước/NH:

b) Cục thuế:

- Số tiền phải nộp: đồng.

- Số tài khoản: Kho bạc Nhà nước/NH:

Tổ chức, cá nhân có trách nhiệm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Thông báo này.

Nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân liên hệ với cơ quan Thuế theo số điện thoại: địa chỉ:

Trường hợp có vướng mắc về tổng số tiền cấp quyền khai thác khoáng sản phải nộp và tỷ lệ nộp theo từng địa phương, đề nghị tổ chức, cá nhân liên hệ với Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (*Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...*) để được xem xét giải quyết cụ thể.

Cơ quan Thuế thông báo để tổ chức, cá nhân được biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (*Sở TNMT tỉnh/thành phố...*);
- Lưu: VT,

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THUẾ RA
THÔNG BÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

II. PHẢN XỬ LÝ PHẠT CHẬM NỘP TIỀN CẤP QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN (Dành cho cơ quan thuế):

1. Số ngày chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định:

.....

2. Số tiền phạt chậm nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: đồng
(Viết bằng chữ:)

....., ngày ... tháng ... năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN THU TIỀN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm 20...

**VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH SỐ LẦN NỘP TIỀN CẤP QUYỀN
KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ SỐ TIỀN PHẢI NỘP TỪNG LẦN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....)

Tên tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản:

- Mã số thuế (nếu có):

- Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân): Số

Ngày cấp: Cơ quan cấp:

- Địa chỉ:

- Điện thoại: Fax: Email:

Theo Thông báo nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản số ngày tháng....năm... của (ghi tên Cục thuế có liên quan).... đối với khu vực khoáng sản... (ghi tên và địa chỉ của khu vực khoáng sản..., ... (ghi tên Tổ chức, cá nhân được cấp quyền khai thác khoáng sản) đã thực hiện như sau:

- Số lần đã đến kỳ nộp:

- Tổng số tiền đã nộp: đồng

- Số lần còn phải nộp:

- Tổng số tiền còn phải nộp: đồng

Đề nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....) xem xét điều chỉnh giảm số lần còn phải nộp và số tiền phải nộp từng lần như sau:

- Số lần còn phải nộp:

- Số tiền phải nộp từng lần: đồng

- Các năm nộp:

Lý do điều chỉnh:

Tài liệu gửi kèm: (ghi rõ tên tài liệu, bản chính hay bản sao)

(1)

(2)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Cục Thuế... (để biết);
- Lưu: VT, ...

NGƯỜI NỘP TIỀN

(hoặc người đại diện hợp pháp)

Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có)

7. Thủ tục cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ:

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp giấy phép thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị thăm dò cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ (bao gồm 02 trường hợp)

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản ở khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản:

Khi nhận được hồ sơ của tổ chức, cá nhân đầu tiên có nhu cầu thăm dò khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân đó, tên loại khoáng sản và vị trí khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo đấu thầu.

Khi lựa chọn được hồ sơ của tổ chức, cá nhân để cấp phép thăm dò, Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ và thông báo công khai tên tổ chức, cá nhân được lựa chọn tại trụ sở cơ quan và trên trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Đối với các tổ chức, cá nhân không được lựa chọn, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản về lý do không được lựa chọn.

+ Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò khoáng sản của tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực chưa thăm dò khoáng sản:

Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đáp ứng đúng theo quy định thì ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị thăm dò chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản kể cả kiểm tra thực địa;

+ Gửi văn bản đến các cơ quan có liên quan về khu vực đề nghị thăm dò khoáng sản trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 48 Luật khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả thẩm định hồ sơ pháp lý, đề án thăm dò cho Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh để xem xét, họp thẩm định.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện đề án hoặc phải lập lại đề án thăm dò khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ

lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án kèm theo biên bản họp Hội đồng thẩm định.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn chỉnh và trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 5: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân để nhận kết quả (giấy phép) và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản; đề án thăm dò khoáng sản.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định thành lập văn phòng đại diện, chi nhánh tại Việt Nam trong trường hợp là doanh nghiệp nước ngoài; Kế hoạch bảo vệ môi trường được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đối với trường hợp thăm dò khoáng sản độc hại; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò khoáng sản; các văn bản chứng minh về vốn chủ sở hữu theo quy định như sau:

** Đối với doanh nghiệp mới thành lập gồm một trong các văn bản sau:*

- Biên bản góp vốn của các cổ đông sáng lập đối với công ty cổ phần hoặc của các thành viên sáng lập đối với công ty trách nhiệm hữu hạn từ hai thành viên trở lên; điều lệ công ty đối với công ty cổ phần, sổ đăng ký thành viên đối với công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên;

- Quyết định giao vốn của chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà chủ sở hữu là một tổ chức.

** Đối với doanh nghiệp đang hoạt động quy định như sau:*

- Đối với doanh nghiệp thành lập trong thời hạn 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: Nộp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

- Đối với doanh nghiệp thành lập trên 01 năm tính đến ngày nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản, Giấy phép khai thác khoáng sản: nộp bản sao Báo cáo tài chính của năm gần nhất.

** Đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm một trong các văn bản sau:*

- *Vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tổng số vốn do thành viên hợp tác xã, hợp tác xã thành viên của liên hiệp hợp tác xã góp hoặc cam kết góp trong một thời hạn nhất định và được ghi vào điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật hợp tác xã;*

- *Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm vốn góp của thành viên, hợp tác xã thành viên, vốn huy động, vốn tích lũy, các quỹ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; các khoản trợ cấp, hỗ trợ của Nhà nước, của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài; các khoản được tặng, cho và các nguồn thu hợp pháp khác theo quy định.*

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ hồ sơ

đ) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày

- Thời hạn thẩm định hồ sơ: không quá 55 ngày

+ Trong thời gian không quá 40 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi đề án thẩm dò để lấy ý kiến góp ý của một số chuyên gia thuộc lĩnh vực chuyên sâu và tổ chức thẩm định nội dung đề án thẩm dò khoáng sản. Thời gian trả lời ý kiến của chuyên gia không quá 10 ngày, kể từ khi nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp nội dung đề án thẩm dò khoáng sản phức tạp, cơ quan tiếp nhận hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng kỹ thuật để thẩm định đề án. Thời gian quyết định việc thành lập, họp Hội đồng kỹ thuật được tính vào thời gian tổ chức thẩm định đề án thẩm dò khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được ý kiến góp ý của các chuyên gia, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm tổng hợp các ý kiến và gửi kèm theo hồ sơ đề nghị thẩm dò khoáng sản cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị thẩm dò khoáng sản kèm theo ý kiến góp ý của các chuyên gia, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc thông qua nội dung đề án thẩm dò khoáng sản để cấp phép hoặc thành lập Hội đồng thẩm định trong trường hợp cần thiết.

Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa đề án thẩm dò khoáng sản theo ý kiến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc ý kiến của Hội đồng thẩm định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ lý do chưa thông qua đề án hoặc những nội dung cần bổ sung, hoàn thiện đề án thẩm dò khoáng sản.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thẩm dò bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án thẩm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định đề án thẩm dò khoáng sản.

- Thời hạn cấp Giấy phép thẩm dò:

+ Trong thời hạn không quá 21 ngày kể từ ngày tổ chức, cá nhân nộp lại hồ sơ đã hoàn chỉnh theo thông báo của Sở Tài nguyên và Môi trường về kết quả

thẩm định hồ sơ, đề án, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép thăm dò cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản để nhận kết quả.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.
- Cơ quan được ủy quyền thực hiện: Không
- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: không.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản

i) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hecta (ha), mức thu là 4.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 10.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 15.000.000 đồng/01 giấy phép.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 01: Đề án thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 03: Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 22, phụ lục 2: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 07b: Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014).

D) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp phép thăm dò phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

- + Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;
- + Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;
- + Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

* Được lựa chọn theo quy định tại Điều 36 của Luật khoáng sản; Điều 25 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

* Là tổ chức, cá nhân trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực chưa thăm dò theo quy định của Luật khoáng sản; nếu tổ chức, cá nhân không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm:

(1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản

- Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.
- Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.
- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã.
- Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản.

(2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản

- Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm:
 - + Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - + Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp;
 - + Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định;
 - + Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết

định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4, 5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản..

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

(3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 (một) đề án thăm dò khoáng sản độc hại hoặc đã làm chủ nhiệm 01 (một) đề án thăm dò khoáng sản từ khi lập đề án đến lập báo cáo kết thúc được cấp trên phê duyệt.

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 (hai) đề án thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dụng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

* Khu vực đề nghị thăm dò có diện tích:

+ Không quá 50 kilômét vuông (km²) đối với đá quý, đá bán quý, khoáng sản kim loại, trừ bauxit;

+ Không quá 100 kilômét vuông (km²) đối với than, bauxit, khoáng sản không kim loại ở đất liền có hoặc không có mặt nước, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 200 kilômét vuông (km²) đối với khoáng sản các loại ở thềm lục địa, trừ khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km²) ở đất liền, không quá 01 kilômét vuông (km²) ở vùng có mặt nước đối với khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường;

+ Không quá 02 kilômét vuông (km²) đối với nước khoáng, nước nóng thiên nhiên.

* Khu vực đề nghị thăm dò:

+ Không có tổ chức, cá nhân đang thăm dò hoặc khai thác khoáng sản hợp pháp và không thuộc khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, khu vực dự trữ khoáng sản quốc gia hoặc khu vực đang được điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản cùng loại với khoáng sản xin cấp giấy phép thăm dò;

* Đề án thăm dò phù hợp với quy hoạch khoáng sản; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

* Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 50% tổng vốn đầu tư thực hiện đề án thăm dò khoáng sản.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

- Nghị định số 136 /2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản;

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 53/2013/TT-BTNMT ngày 30 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng thăm định đề án thăm dò khoáng sản;

- Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản.

Mẫu số 01. Đề án thăm dò khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

Địa danh, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân đề nghị thăm dò khoáng sản)

Danh sách tác giả lập Đề án:

- KSĐC... (Chủ biên)
- KS Trắc địa...
- KS ĐCTV-ĐCCT
- KS Khoan....
-

ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, Năm 20...

A. NỘI DUNG ĐỀ ÁN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Những căn cứ pháp lý để lập đề án và đối tượng khoáng sản.
- Mục tiêu, nhiệm vụ đề án.
- Cơ sở tài liệu để lập đề án (nêu rõ và mô tả chi tiết những tài liệu đã có trước đây và tài liệu, kết quả khảo sát sử dụng lập Đề án).
- Quá trình xây dựng đề án, tổ chức và các cá nhân tham gia lập đề án.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

1. Đặc điểm địa lý tự nhiên-kinh tế nhân văn

- Vị trí địa lý hành chính, toạ độ, diện tích của khu vực thăm dò.
- Các thông tin về đặc điểm địa lý tự nhiên - kinh tế, nhân văn.

2. Lịch sử nghiên cứu

- Lịch sử nghiên cứu địa chất và khoáng sản khu vực thăm dò. Thông tin về các cơ sở khai thác, chế biến khoáng sản khoáng sản trong khu vực.
- Các kết quả nghiên cứu, điều tra, thăm dò khoáng sản liên quan đến diện tích lựa chọn thăm dò khoáng sản.

3. Đánh giá hiện trạng, kết quả nghiên cứu khu vực thăm dò

- Nêu rõ hiện trạng mức độ đầu tư, khai thác trong khu vực thăm dò.
- Đánh giá hiệu quả các phương pháp, chất lượng tài liệu và khả năng sử dụng tài liệu địa chất đã có cho công tác thăm dò.

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT, KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm địa chất vùng:

Trình bày những nét chính về đặc điểm địa tầng, kiến tạo, magma, khoáng sản có trong vùng xung quanh khu vực thăm dò.

2. Đặc điểm địa chất khoáng sản khu vực thăm dò

- Các tiền đề, dấu hiệu có liên quan đến đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Đặc điểm địa chất, chất lượng, quy mô, nguồn gốc khoáng sản trong khu vực thăm dò.
- Mức độ nghiên cứu từng thân khoáng sản.

CHƯƠNG 3

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG

1. Cơ sở lựa chọn phương pháp

- Các quy chuẩn, quy phạm kỹ thuật áp dụng với đối tượng khoáng sản thăm dò.
- Cơ sở tài liệu, số liệu ban đầu về loại hình nguồn gốc và điều kiện thành

tạo quặng; tính chất vật lý của đối tượng khoáng sản thăm dò; thành phần vật chất, mức độ phân bố quặng, điều kiện thi công;

- Dự kiến phân nhóm mỏ theo mức độ phức tạp và lựa chọn mạng lưới công trình thăm dò với đối tượng khoáng sản; đề xuất lựa chọn mạng lưới, tổ hợp phương pháp thăm dò.

2. Các phương pháp và khối lượng các dạng công trình chủ yếu

Tất cả các phương pháp, hạng mục công việc thiết kế phải làm rõ mục đích yêu cầu, số lượng, khối lượng; cách thức thực hiện chi tiết theo từng giai đoạn, từng năm thực hiện và lập bảng tổng hợp chung. Các công trình thiết kế phải thể hiện trên các bản vẽ kỹ thuật, sơ đồ bố trí công trình.

Các phương pháp chủ yếu:

- Công tác trắc địa: bao gồm trắc địa địa hình và trắc địa công trình (tỷ lệ phụ thuộc vào diện tích và mục tiêu thăm dò).

- Phương pháp lập bản đồ địa chất khoáng sản (tỷ lệ phụ thuộc vào đặc điểm đối tượng thăm dò).

- Phương pháp địa hoá (tùy thuộc loại khoáng sản thăm dò).

- Phương pháp địa vật lý (tùy thuộc vào đặc tính vật lý, loại khoáng sản thăm dò).

- Thi công công trình khai đào (dọn vết lộ, hào, hố, giếng, lò), khoan.

- Công tác mẫu: lấy, gia công, phân tích, kiểm soát chất lượng mẫu.

- Công tác địa chất thủy văn - địa chất công trình.

- Công tác nghiên cứu đặc tính công nghệ khoáng sản: mục đích, cách thức lấy mẫu nghiên cứu, yêu cầu nghiên cứu và dự kiến nơi nghiên cứu.

- Công tác văn phòng, lập báo cáo tổng kết.

CHƯƠNG 4

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ TÀI NGUYÊN KHOÁNG SẢN

- Dự báo các tác động đến môi trường và dự kiến biện pháp giảm thiểu khi thực hiện đề án thăm dò.

- Đối với các mỏ phóng xạ và đi kèm phóng xạ: Thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường phóng xạ theo luật năng lượng nguyên tử hiện hành (mỏ Urani, thori ...).

- Những biện pháp bảo vệ tài nguyên khoáng sản trong quá trình thi công đề án thăm dò.

CHƯƠNG 5

ĐỰ TÍNH TRỮ LƯỢNG

Trình bày dự kiến chỉ tiêu tính trữ lượng, phương pháp khoan vẽ thân quặng, dự tính trữ lượng các cấp dự kiến đạt được trong diện tích thăm dò.

CHƯƠNG 6

TỔ CHỨC THI CÔNG

Dựa vào các căn cứ địa chất, kinh tế-kỹ thuật và phương pháp kỹ thuật, khối lượng đề ra trong đề án phải lập kế hoạch, tiến độ, thực hiện các dạng công tác phù hợp theo từng giai đoạn và tuân thủ theo đúng các quy chuẩn, tiêu chuẩn và các quy định về chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật hiện hành.

Thời gian thi công để hoàn thành các hạng mục và khối lượng thăm dò kể từ ngày được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản; thời gian lập báo cáo thăm dò, dự kiến trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trữ lượng khoáng sản; thời gian lập dự án đầu tư khai thác khoáng sản (Đây là cơ sở để cơ quan có thẩm quyền cấp phép thăm dò xác định thời hạn của Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 2 Điều 41 Luật khoáng sản).

CHƯƠNG 7

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Ngoài các căn cứ và danh mục dự toán, khi lập dự toán cần nêu rõ nguồn vốn đầu tư, đơn giá sử dụng và khả năng đáp ứng để thực hiện đầy đủ các phương pháp kỹ thuật, khối lượng các dạng công tác. Dự toán kinh phí thăm dò phải được lập trên cơ sở các quy định hiện hành của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

KẾT LUẬN

- Dự kiến kết quả và hiệu quả kinh tế sẽ đạt được.
- Đặc điểm khoáng sản (hình thái, chất lượng quặng).
- Tính khả thi mục tiêu trữ lượng, thi công Đề án.
- Các yêu cầu, kiến nghị.

DANH MỤC BẢN VẼ KÈM THEO

TÀI LIỆU THAM KHẢO

B. PHẦN BẢN VẼ

- Bản đồ (sơ đồ) vị trí giao thông.
- Sơ đồ lịch sử nghiên cứu.
- Bản đồ địa chất vùng.
- Bản đồ địa chất khoáng sản khu vực thăm dò.
- Sơ đồ bố trí công trình và lấy mẫu dự kiến.
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao.
- Mặt cắt địa chất, khoáng sản thiết kế công trình thăm dò.
- Các bản vẽ bình đồ, mặt cắt dự kiến tính trữ lượng khoáng sản.
- Các biểu, bảng khác liên quan.

C. CÁC TÀI LIỆU KÈM THEO

- Tài liệu khảo sát trong quá trình lập đề án.
- Tài liệu thu thập, tổng hợp phục vụ cho lập đề án thăm dò.

Mẫu số 03. Đơn đề nghị cấp phép thăm dò khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:..... Điện thoại:..... Fax:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm... do...
(tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... do ...
(Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập văn phòng đại diện
số ngày ... tháng ... năm ... do ... (cơ quan quyết định thành lập văn phòng
đại diện) cấp (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Đề nghị được thăm dò khoáng sản (tên khoáng sản).....tại xã.....,
huyện..... tỉnh.....;

Diện tích thăm dò:.....ha (km²), được giới hạn bởi các điểm góc..... có
toạ độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò kèm theo Đơn này.

Chiều sâu thăm dò: từ.....đến mức.....m.

Thời gian thăm dò: tháng (năm), kể từ ngày được cấp Giấy phép.

Hợp đồng kinh tế kỹ thuật số, ngày..... tháng...năm... với ... (tên tổ
chức lập đề án thăm dò) (trong trường hợp chủ đầu tư không có đủ điều kiện
hành nghề thăm dò khoáng sản).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

*Đối với trường hợp đề nghị cấp phép thăm dò nước khoáng, nước nóng
thiên nhiên cần bổ sung thông tin về công trình thăm dò theo các thông số:*

Số hiệu C.sâu Tọa độ Ghi chú

GK (m) X Y

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của
pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn

(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 22 - Phụ lục 2. Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản*(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)***ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

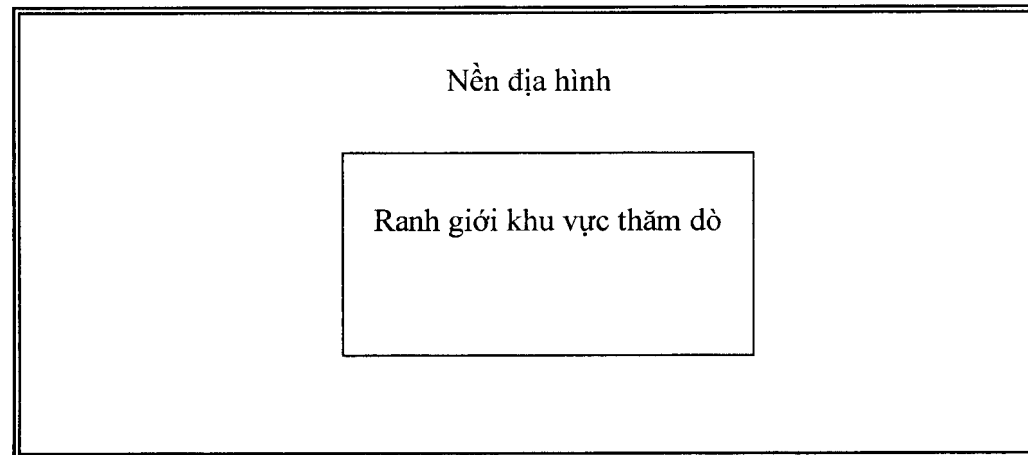
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số...../GP-UBND ngày....
tháng.....năm.....của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... a		



Khung tọa độ

Tỷ lệ:.....

Người thành lập
(Ký, họ tên)Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...,
kinh tuyến trực...,múi chiếu..., số hiệu...”

Mẫu số 07b. Quyết định về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản
(Ban hành kèm theo Thông tư liên tịch số 54/2014/TTLT-BTNMT-BTC ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, Bộ Tài chính)

UBND TỈNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-UBND

....., ngày tháng năm 20...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

- Căn cứ quy định của Nghị định số 22/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản;
- Căn cứ Biên bản đấu giá của Hội đồng đấu giá quyền khai thác khoáng sản tổ chức ngày...tháng...năm 20...

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận kết quả trúng đấu giá quyền khai thác (tên, loại khoáng sản) tại khu vực: (vị trí, tọa độ, diện tích khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản)

1. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá:
2. Giá trúng đấu giá:đồng (% mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản).
3. Thời gian nộp tiền trúng đấu giá
4. Diện tích huyện (tên huyện) chiếm ...%. Diện tích huyện (tên huyện) chiếm...%.

Điều 2. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá phải nộp hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản trước ngày...tháng...năm 20...

Điều 3. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tiếp nhận và thẩm định hồ sơ theo quy định cấp phép, trình cấp phép...

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Sở Tài nguyên và Môi trường, các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- (Tên tổ chức, cá nhân trúng đấu giá);
- Tổng cục ĐC&KSVN;
- Lưu: HS, VT. ().

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)

8. Thủ tục gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- *Bước 1. Nộp hồ sơ*

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bước 2. Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ*

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả; hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- *Bước 3. Thẩm định hồ sơ*

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan.

- *Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị gia hạn hoặc không gia hạn*

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- *Bước 5: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*

Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị gia hạn và kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (sau khi đã trả lại 30% diện tích khu vực thăm dò trước đó).

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ:* Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc.

- *Thời gian thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra toạ độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- *Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Trả kết quả giải quyết hồ sơ:*

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản.

Tổng thời gian: không quá 50 ngày làm việc.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:* Không.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường

- *Cơ quan phối hợp:* không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản

h) Phí, lệ phí:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 04: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 23, phụ lục số 2: Bản đồ khu vực tiếp tục thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 23: Giấy phép thăm dò khoáng sản (gia hạn) thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016)

- Mẫu số 39: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày, trong đó, giải trình rõ lý do việc đề nghị gia hạn.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn chưa thực hiện hết khối lượng các hạng mục công việc theo Giấy phép thăm dò khoáng sản đã cấp hoặc có sự thay đổi về cấu trúc địa chất; phương pháp thăm dò so với đề án thăm dò đã được chấp thuận.

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép thăm dò khoáng sản đã thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận; báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò có chi phí lớn hơn 10% dự toán bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra (nếu có); thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện; thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật..

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản, hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax.....

Được phép thăm dò (tên khoáng sản) tại xã, huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số..... ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

Đề nghị được gia hạn thời gian thăm dò đến ngàytháng ... năm

Diện tích đã được cấp phép thăm dò: ...ha (km²).

Diện tích đề nghị trả lại: ha (km²).

Diện tích đề nghị tiếp tục thăm dò: ha (km²)

(Diện tích tích đề nghị tiếp tục thăm dò, diện tích đề nghị trả lại được giới hạn bởi các điểm góc..... có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản kèm theo).

Lý do đề nghị gia hạn:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

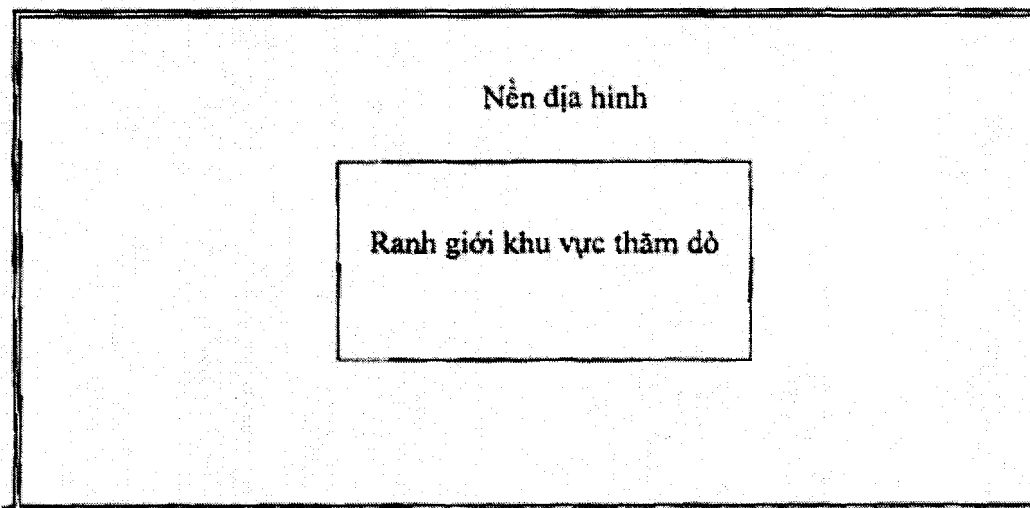
Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục thăm dò		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Quyết định số...../GP-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

CHI DẪN



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....
 “Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ....,
 kinh tuyến trực...,múi chiều..., số hiệu...”

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...) cấp cho ... (tên tổ chức, cá nhân);

Căn cứ Công văn số.... ngày.... tháng.... năm.... của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...(Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...) (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép thăm dò khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân)ngày tháng năm..... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép thăm dò số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... để **(Tên tổ chức, cá nhân)** được tiếp tục thăm dò (tên khoáng sản).... tại...., xã...., huyện...., tỉnh.... đến ngày ... tháng ... năm ...

Diện tích khu vực tiếp tục thăm dò:....(ha, km²) được giới hạn bởi các điểm khép góc.... có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Quyết định này.

Điều 2. **(tên tổ chức, cá nhân)**..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Tiếp tục thực hiện khối lượng công tác thăm dò còn lại theo phương pháp và khối lượng tại Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-BTNMT(UBND) ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố;

3. Hoàn thành việc san lấp và đưa về trạng thái an toàn các công trình đã thăm dò; bàn giao diện tích không tiếp tục thăm dò cho chính quyền địa phương quản lý theo quy định; thông báo chương trình tiếp tục hoạt động thăm dò cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố ... và chính quyền địa phương để quản lý, kiểm tra theo quy định;

4. Thực hiện đúng các quy định tại Điều 2 Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-BTNMT (UBND) ngày ... tháng ... năm ... Kết thúc thăm dò, trình thẩm định, xét duyệt báo cáo kết quả thăm dò tại Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố... và nộp báo cáo theo quy định của pháp luật về khoáng sản; nộp báo cáo vào Lưu trữ Địa chất theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép thăm dò khoáng sản sốGP-BTNMT/UBND ngày... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố...).

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TIẾP TỤC THẨM DÒ

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BTNMT/UBND ngày tháng năm của Bộ
 Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ... ha		

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

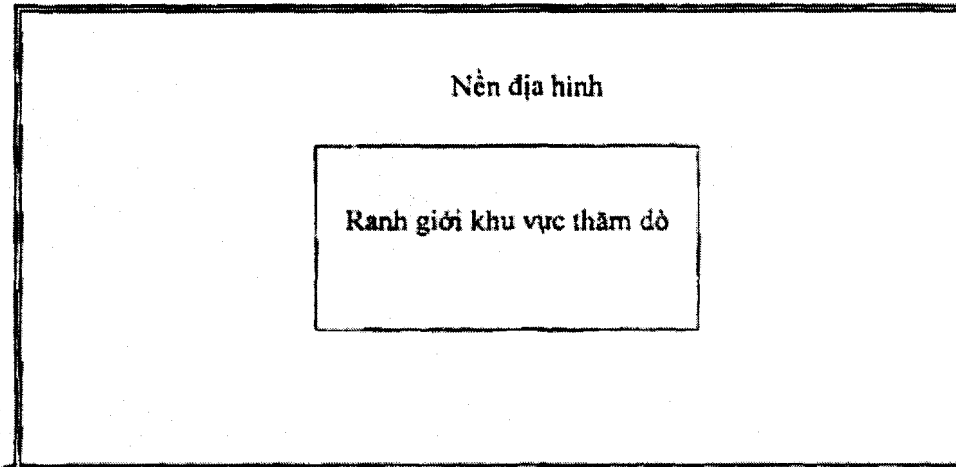
Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Kèm theo Quyết định số...../GP-BTNMT/UBND ngày....
tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân
tỉnh/thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục thăm dò		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ....,
kinh tuyến trục...,múi chiếu..., số hiệu..."

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)...., tại xã..., huyện..., tỉnh...

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

Địa danh, tháng... năm...

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Tác giả:.....

Chủ biên:

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)....., tại xã..., huyện..., tỉnh...

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
(Chức danh)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, tháng..... năm.....

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo.
- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, cơ quan giám sát.
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò, thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình chủ yếu đã hoàn thành, trữ lượng đạt được.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

- Vị trí hành chính và địa lý của khu thăm dò, ranh giới và diện tích thăm dò;
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí khu thăm dò trong cấu trúc địa chất chung của vùng (khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo vv);
- Đặc điểm địa chất mỏ: khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng.
- Đặc điểm các thân khoáng sản: Số lượng, vị trí phân bố, mối liên kết của các thân khoáng sản theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân khoáng: Hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương, hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn, công trình khống chế. Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số của thân khoáng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại, đặc điểm phân bố các khoáng giàu, nghèo quặng, quan hệ giữa thân khoáng và đá vây quanh. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân khoáng. Đặc điểm phong hóa, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh.

Ở những mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với các mỏ sa khoáng tiến hành mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng, điều kiện thế nằm của sa khoáng, đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của vỉa sản phẩm, thành phần và chiều dày lớp phủ, cấu tạo địa chất đáy sa khoáng, hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích, hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (đối với vàng: tuổi vàng). Thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, sũng nước v.v...

Đối với các mỏ than cần thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Các vỉa có thể khai thác mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu để nối vỉa. Diện phân bố chung và phân bố công nghiệp của vỉa; số công trình bắt vỉa... Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác, chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với thăm dò.

CHƯƠNG 3

CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác thăm dò địa chất

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ cần căn cứ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả nghiên cứu thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như hệ số biến đổi chiều dày, hàm lượng, tính dị hướng, bán kính ảnh hưởng....;
- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố trí công trình thăm dò;
- Báo cáo chi tiết hệ phương pháp, khối lượng đã thực hiện và kết quả đạt được theo các yêu cầu như sau:

1.1. Công tác trắc địa:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện;

b) Nội dung công tác kỹ thuật

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu từng loại lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tầng dày đã thành lập; thiết bị đã sử dụng đo, phương pháp đo, phương pháp tính toán, bình sai; so sánh sai số đo đạc với hạn sai quy định tại quy định hiện hành và đề án phê duyệt.
- Thành lập bản đồ địa hình: nêu phương pháp, thiết bị thành lập bản đồ địa hình, khoảng cao đều, múi chiếu và kinh tuyến trực khu vực thành lập bản đồ, mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ...
- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa và đo thu về bản đồ; phương pháp định tuyến thăm dò, điểm trên tuyến...
- Đánh giá chung về chất lượng công tác trắc địa và kết quả đạt được.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: File gốc đo lưới giải tích 1,2 bằng công nghệ GPS cùng số đo trạm máy; Số đo lưới giải tích 1, 2 và đa giác 2 (nếu đo bằng phương pháp truyền thống); Số đo lưới đường chuyên kinh vĩ; Số đo mặt cắt chi tiết; Số đo chi tiết địa hình với hệ thống tọa độ được trút ra từ các file đo của máy toàn đạc điện tử; Số đo tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Số thống kê tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Số đo độ cao (nếu dẫn độ cao bằng phương pháp đo cao hình học); Phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm góc và bản đồ địa hình (nếu có);
- Tài liệu tổng hợp: Bảng tính toán bình sai lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tầng dày, hành trình thủy chuẩn các cấp (nếu có); Bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập, tọa độ, độ cao công

trình địa chất và bảng (hoặc file) tọa độ, độ cao các điểm đo chi tiết địa hình; Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; Bản đồ địa hình và mặt cắt địa hình (nếu có); (thành lập phụ lục riêng cho công tác trắc địa).

1.2. Công tác địa chất:

Gồm các dạng công việc: đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản và các dạng công việc khác như: địa hóa, trọng sa, nghiên cứu chuyên đề ... (nếu có).

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các dạng công việc đã thực hiện.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký địa chất và bản đồ hành trình kèm theo; Bản đồ/sơ đồ bố trí công trình (thực tế); Các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thăm dò; Ảnh chụp vết lộ quan trọng.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

1.3. Công tác địa vật lý:

a) Đối với công tác địa vật lý chung:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành, máy móc-thiết bị sử dụng, chất lượng tài liệu, đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả từng phương pháp.

b) Đối với công tác địa vật lý lỗ khoan:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp đã lựa chọn; cách thức đo, ghi, biểu diễn biểu đồ địa vật lý lỗ khoan; phương pháp phân tích tài liệu, xác định chiều dày, vách, trụ, hàm lượng khoáng sản...theo từng phương pháp tương ứng; xác lập cột địa tầng địa vật lý lỗ khoan và so sánh với cột địa tầng thực tế khoan; mức độ sử dụng kết quả địa vật lý lỗ khoan trong việc xác định chiều dày và tính trữ lượng...

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đo các phương pháp địa vật lý thực hiện trong đề án (điện, từ, xạ, trọng lực...); Các tài liệu hiệu chuẩn, kiểm chuẩn thiết bị địa vật lý theo quy định; Các sổ đo kiểm tra, sổ đánh giá chất lượng tài liệu thực địa; Nhật ký đo carota lỗ khoan; Các file kết quả đo địa vật lý lưu trên thiết bị đo hoặc máy tính; Các tài liệu thực tế hàng ngày, từng hành trình biểu diễn dưới dạng đường cong, sơ đồ, đồ thị, mặt cắt tương ứng với từng phương pháp thi công thực tế.

- Tài liệu tổng hợp: báo cáo thuyết minh và các bản vẽ phân tích, xử lý tương ứng với từng phương pháp đã thi công theo quy định địa vật lý hiện hành (thành lập phụ lục riêng về công tác địa vật lý).

1.4. Thi công công trình thăm dò

a) Công trình khai đào:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; khối lượng đã thực hiện; quy cách kỹ thuật áp dụng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

b) Công trình khoan:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua đá, qua quặng (có thể tính theo trọng lượng hoặc thể tích đối với khoan lấy mẫu sa khoáng). Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đăng ký công trình; Thiết đồ công trình khai đào (vét lộ, hố, hào, giếng, lò); Sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; Nhật ký khoan (sổ khoan); Thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; Ảnh chụp mẫu công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

1.5. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của từng loại mẫu về các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công mẫu phân tích định lượng, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính trữ lượng khoáng sản.

b) Nội dung kỹ thuật

- Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng (tất cả quá trình này đều phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán sai số.

c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ lấy mẫu; Sổ đăng ký mẫu gia công, phân tích; Phiếu gửi mẫu; Phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm.

- Tài liệu tổng hợp: Sổ tổng hợp các loại mẫu; Phụ lục thống kê, đánh giá sai số theo biểu mẫu quy định.

2. Các vấn đề về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Các loại mẫu đã lấy để thí nghiệm, xác định sự có mặt của các khoáng sản khác, khoáng sản quý hiếm, phóng xạ vv để đề xuất phương án thu hồi bảo vệ khi khai thác khoáng sản chính.

Ảnh hưởng của công tác thăm dò đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bản bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

3. Những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng: nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.

CHƯƠNG 4

ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;
- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.
- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, hạng quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hóa (oxy hóa), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ phong hóa.
- Thành phần hóa: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại. Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

Đối với than, cần thông kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu. Đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy của tro than, thành phần lưu huỳnh, photpho đối với than giàu lưu huỳnh, photpho... Tính chất cơ lý của than: Tỷ trọng, độ kiên cố, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa). Đối với vỉa phức tạp cần mô tả chi tiết thành phần, cấu tạo địa chất, đặc tính cơ lý các lớp đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt các khoáng sản có ích trong than, lớp phủ, đá vây quanh (nếu có). Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; sản phẩm đi kèm (nếu có).

2. Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân khoáng sản, toàn mỏ.
- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng, bán công nghiệp vv.
- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.
- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.
- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của xí nghiệp chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

CHƯƠNG 5

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

1. Công tác đo vẽ ĐCTV-ĐCCT

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (ĐCTV) và địa chất công trình (ĐCCT) đã tiến hành.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (Đo vẽ lập sơ đồ/bản đồ ĐCTV-ĐCCT, Khoan ĐCTV- ĐCCT chuyên môn, Quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT, Quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm, Bơm nước thí nghiệm, Mức nước thí nghiệm, Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu cơ lý đất đá, nước, vi sinh...), đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký ĐCTV-ĐCCT và bản đồ tài liệu thực tế kèm theo; Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT; Các loại sổ liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV-ĐCCT công trình khoan, khai đào; Sổ bơm nước thí nghiệm lỗ khoan; Sổ đổ nước thí nghiệm; Sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; Sổ tổng hợp Tài liệu khí tượng thủy văn; Sổ lấy mẫu cơ lý đất, Sổ lấy mẫu cơ lý đá, Sổ lấy mẫu nước, Sổ lấy mẫu vi sinh...).
- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

2. Đặc điểm địa chất thủy văn

a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông suối, chiều dài, rộng và sâu của các dòng sông suối. Độ dốc lòng sông, mức độ uốn khúc, đặc điểm phù sa...
- Độ cao mực nước sông suối, lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng.
- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ địa chất thủy văn, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hóa, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.
- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thủy lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hóa, của đới phá hủy kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.
- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.
- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khác phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.
- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ, biện pháp xử lý.
- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.
- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hóa học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

3. Đặc điểm địa chất công trình

Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hóa. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá hủy, đới phong hóa. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

Các hiện tượng địa chất tự nhiên và địa chất công trình.

Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, mương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

4. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất - khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).
- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hóa, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mô dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hóa, karst, đới dập vỡ kiến tạo v.v...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hóa trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bụi nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khỏe con người.
- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

CHƯƠNG 6

CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng theo Phụ lục báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;
- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng được áp dụng;
- Nguyên tắc, cách thức khoan nôi thân khoáng tính trữ lượng;
- Phân khối và xếp cấp trữ lượng.
- Xác định các thông số tính trữ lượng.
- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp.
- Tổng hợp trữ lượng có khả năng khai thác lộ thiên, trữ lượng khai thác hầm lò (nếu có).

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: tọa độ công trình thăm dò, hành trình lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu. Nguyên tắc nội ngoại suy, kết quả xác lập mô hình hóa thân khoáng, mô tả các đặc trưng về tính dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích của chúng).

CHƯƠNG 7

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

- Chi phí chung cho công tác thăm dò, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;
- Giá thành thăm dò một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng.
- Phân tích tính đúng đắn của các phương pháp công tác đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;
- Kết quả chính báo cáo thăm dò đã đạt được;
- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;
- Kết quả tính trữ lượng;

- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT;
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

NỘI DUNG BÁO CÁO LUẬN GIẢI CHỈ TIÊU TẠM THỜI TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;
- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò đã tiến hành;
- Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Các thông số cần luận giải trong báo cáo:

a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản:

- Hàm lượng biên các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân khoáng không rõ ràng;
- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng hoặc toàn mỏ;
- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng hoặc toàn mỏ;
- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, khi trữ lượng đạt chỉ tiêu không thể khoanh nổi riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn địa chất hoặc điều kiện kinh tế kỹ thuật và việc tính trữ lượng phải thực hiện bằng phương pháp xác suất trong phạm vi đới quặng (vía quặng, thân quặng);

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng:

- Chiều dày tối thiểu thân khoáng (vía, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu (hoặc gam.met tối thiểu);
- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân khoáng được khoanh vào ranh giới tính trữ lượng;
- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng tối ưu cho mỏ.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình Hội đồng ĐGTLKSQG. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

1. **Phụ lục số 1:** Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản
2. **Phụ lục số 2:** Công tác trắc địa (toàn bộ nội dung công tác trắc địa)
3. **Phụ lục số 3:** Kết quả phân tích các loại mẫu
4. **Phụ lục số 4:** Kết quả tính toán (gồm sai số phân tích mẫu, thống kê hàm lượng, chiều dày theo mẫu đơn, công trình, thân quặng...)
5. **Phụ lục số 5:** Kết quả tính trữ lượng (gồm kết quả tính hàm lượng trung bình công trình, khối trữ lượng, thể trọng, trữ lượng, tài nguyên....)
6. **Phụ lục số 6:** Công tác ĐCTV-ĐCCT (bao gồm toàn bộ các hạng mục của thủy văn và công trình)
7. **Phụ lục số 7:** Công tác Địa vật lý (*nếu có*)
8. **Phụ lục số 8:** Kết quả thí nghiệm mẫu công nghệ
9. **Phụ lục số 9:** Tập thiết đồ công trình (khoan, hào, giếng, lò, vết lộ)

CÁC BẢN VẼ KÈM THEO BÁO CÁO

Các bản vẽ phải thành lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ nhất các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò và thể hiện được cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, chỉ dẫn đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất.

Dưới đây là các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (đóng cùng thuyết minh);
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000;
- Bản đồ địa hình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 và mặt cắt qua mỏ (có thể đóng cùng thuyết minh);
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000);
- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000), kèm theo mặt cắt địa chất;
- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất;

- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò bố trí theo tầng);
- Các bình đồ đồng đẳng trụ vỉa (thân khoáng), đồng đẳng vách (đối với mỏ khai thác lộ thiên). Bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại. Bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ;
- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ, bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện. Bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng. Các mặt cắt địa vật lý - địa chất. Các giản đồ karota lỗ khoan;
- Các bình đồ phân khối tính trữ lượng, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng phải thể hiện ranh giới các khối tính. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng. Con số trữ lượng, hàm lượng trung bình và trữ lượng các khoáng sản có ích chính và đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng tính theo số liệu trắc địa mỏ;
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5000
- Bản đồ địa chất thủy văn khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Các mặt cắt ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV, ĐCCT.
- Các đồ thị khí tượng thủy văn, đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm. Đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm. Các đồ thị quan trắc địa chất công trình (quan trắc trượt lở, búng nền lò, sụt lún mặt đất v.v...).

9. Thủ tục chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị chuyển nhượng cho Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp:

+ Văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng; các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị chuyển nhượng hoặc không cho phép chuyển nhượng

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>).

- Trả kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

c) Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; hợp đồng chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản;

các văn bản chứng minh việc tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành nghĩa vụ quy định gồm: Thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận; Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò có chi phí lớn hơn 10% dự toán; Bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra; Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản.

d) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

đ) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: không quá 05 ngày.

- Thời thẩm định hồ sơ:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày có văn bản tiếp nhận hồ sơ, hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò.

+ Trong thời hạn không quá 30 ngày, phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng quyền thăm dò.

- Thời hạn giải quyết chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép chuyển nhượng quyền thăm dò.

Trong trường hợp không cấp chuyển nhượng quyền thăm dò Giấy phép thăm dò khoáng sản thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thời hạn thông báo và trả kết quả hồ sơ:

Trong thời hạn không quá 03 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản từ cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép.

e) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

g) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

h) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép thăm dò khoáng sản

i) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ

Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản, cụ thể:

- Diện tích thăm dò nhỏ hơn 100 hec-ta (ha), mức thu là 2.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò từ 100 ha đến 50.000 ha, mức thu là 5.000.000 đồng/01 giấy phép;

- Diện tích thăm dò trên 50.000 ha, mức thu là 7.500.000 đồng/01 giấy phép.

k) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 06: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 22, phụ lục 2: Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016);

- Mẫu số 43: Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản và kế hoạch tiếp tục thăm dò (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

l) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 34 Luật khoáng sản bao gồm:

+ Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp;

+ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp nước ngoài có văn phòng đại diện hoặc chi nhánh tại Việt Nam.

- Nếu không có đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản thì phải có hợp đồng với tổ chức đủ điều kiện hành nghề thăm dò khoáng sản để tiếp tục thực hiện đề án thăm dò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật khoáng sản và tại Chương III Nghị định số 60/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định một số điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường bao gồm:

(1) Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản

- Doanh nghiệp thành lập theo quy định của Luật doanh nghiệp.

- Tổ chức khoa học và công nghệ thành lập theo quy định của Luật khoa học và công nghệ.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thành lập theo quy định của Luật hợp tác xã.

- Tổ chức sự nghiệp chuyên ngành địa chất được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập có chức năng, nhiệm vụ thăm dò khoáng sản.

(2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản

- Tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản quy định tại Điều 12 Nghị định số 60/2016/NĐ-CP khi thi công đề án thăm dò khoáng sản phải có hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản, gồm:

+ Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận hoạt động khoa học và công nghệ hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Hợp đồng thi công đề án thăm dò khoáng sản với tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản, kèm theo giấy phép thăm dò khoáng sản được cơ quan có thẩm quyền cấp;

+ Danh sách cán bộ, công nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản; các hợp đồng lao động (hoặc văn bản tương đương) của người phụ trách kỹ thuật và công nhân kỹ thuật tham gia trực tiếp thi công đề án theo quy định;

+ Tài liệu của các cá nhân tham gia thi công đề án thăm dò khoáng sản (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu) gồm: Quyết định giao nhiệm vụ cho người phụ trách kỹ thuật (sau đây được gọi là chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản) kèm theo văn bằng chứng chỉ ngành nghề, lý lịch khoa học của chủ nhiệm đề án; hợp đồng lao động hoặc quyết định tuyển dụng; quyết định bổ nhiệm chức danh hoặc giao nhiệm vụ; văn bằng chứng chỉ ngành nghề phù hợp với nhiệm vụ giao; bản sao chứng minh nhân dân, căn cước công dân hoặc hộ chiếu;

+ Danh mục các thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phù hợp với đề án thăm dò khoáng sản.

- Trường hợp đề án thăm dò khoáng sản do tổ chức có giấy phép thăm dò khoáng sản trực tiếp thi công thì phải có hồ sơ đáp ứng yêu cầu quy định tại dấu cộng thứ 3, 4, 5 mục (2) Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản..

- Hồ sơ hành nghề thăm dò khoáng sản được quản lý, lưu giữ tại tổ chức, cá nhân có giấy phép thăm dò khoáng sản và tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

(3) Điều kiện đối với chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản

- Có người phụ trách kỹ thuật tốt nghiệp đại học chuyên ngành địa chất thăm dò đã công tác thực tế thăm dò trong khoáng sản ít nhất 05 năm; có hiểu biết, nắm vững tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật

- Là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài có giấy phép lao động tại Việt Nam theo quy định của pháp luật về lao động;

- Có văn bằng đào tạo trình độ đại học trở lên thuộc chuyên ngành địa chất thăm dò khoáng sản hoặc tương đương; đối với đề án thăm dò nước khoáng, nước nóng là chuyên ngành địa chất thủy văn - địa chất công trình;

- Có kinh nghiệm tham gia thi công đề án điều tra địa chất, thăm dò khoáng sản tối thiểu 05 năm; có chứng chỉ chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp;

- *Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian tham gia thi công với tư cách là cán bộ kỹ thuật địa chất ít nhất 01 (một) đề án thăm dò khoáng sản độc hại hoặc đã làm chủ nhiệm 01 (một) đề án thăm dò khoáng sản từ khi lập đề án đến lập báo cáo kết thúc được cấp trên phê duyệt.*

- Chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ thực hiện chức trách khi có quyết định giao nhiệm vụ của tổ chức được phép thăm dò khoáng sản hoặc tổ chức hành nghề thăm dò khoáng sản.

- Trong cùng một thời gian, chủ nhiệm đề án thăm dò khoáng sản chỉ đảm nhận chức trách tối đa 02 (hai) đề án thăm dò khoáng sản.

(4) Điều kiện đối với đội ngũ công nhân kỹ thuật thực hiện đề án thăm dò khoáng sản

- Đội ngũ công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành trắc địa, địa chất, địa chất thủy văn, địa chất công trình, địa vật lý, thi công công trình (khai đào, khoan) và các chuyên ngành khác có liên quan phải đáp ứng yêu cầu phù hợp về số lượng theo đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Các nhóm công nhân kỹ thuật theo các chuyên ngành khi thi công phải cử người phụ trách đáp ứng yêu cầu chuyên môn và thời gian kinh nghiệm như sau:

+ Đối với đề án thăm dò khoáng sản độc hại, phải có thời gian công tác tối thiểu 05 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 03 năm đối với người có trình độ đại học; trong đó, có ít nhất 01 năm tham gia thi công đề án điều tra địa chất hoặc thăm dò đối với khoáng sản độc hại;

+ Đối với các đề án thăm dò khoáng sản còn lại, phải có thời gian làm việc tối thiểu 03 năm đối với người có trình độ trung cấp nghề hoặc 02 năm đối với người có trình độ đại học.

(5) Điều kiện về thiết bị, công cụ chuyên dùng thi công công trình thăm dò khoáng sản

- Thiết bị, công cụ chuyên dùng để thi công công trình thăm dò khoáng sản phải đảm bảo số lượng, chất lượng, tính năng kỹ thuật đáp ứng với hạng mục, công việc trong đề án thăm dò đã được thẩm định khi cấp giấy phép thăm dò khoáng sản.

- Thăm dò khoáng sản phóng xạ, đất hiếm phải có thiết bị, công cụ chuyên dùng và đội ngũ cán bộ kỹ thuật vận hành đáp ứng các yêu cầu về an toàn phóng xạ theo quy định của pháp luật về an toàn bức xạ hạt nhân.

- Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã hoàn thành các nghĩa vụ quy định tại các điểm b, c, d và e khoản 2 Điều 42 Luật khoáng sản:

+ Thực hiện đúng Giấy phép thăm dò khoáng sản, đề án thăm dò khoáng sản đã được chấp thuận;

+ Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép xem xét, chấp thuận trong trường hợp thay đổi phương pháp thăm dò hoặc thay đổi khối lượng thăm dò có chi phí lớn hơn 10% dự toán bồi thường thiệt hại do hoạt động thăm dò gây ra (nếu có);

+ Thông báo kế hoạch thăm dò cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi thăm dò khoáng sản trước khi thực hiện;

+ Thu thập, lưu giữ thông tin về khoáng sản và báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước về khoáng sản; báo cáo các hoạt động khác cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức, cá nhân chuyển nhượng đã thực hiện được ít nhất 50% dự toán của đề án thăm dò khoáng sản theo quy định tại khoản 3 Điều 43 Luật khoáng sản

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng phải có đủ điều kiện để được cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản theo quy định của Luật khoáng sản.

- Quy định trong Giấy phép thăm dò khoáng sản:

+ Tại thời điểm chuyển nhượng không có tranh chấp về quyền, nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò.

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép thăm dò khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.

m) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản;

- *Nghị định số 136/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 10 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi một số điều của các nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường.*

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 22 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về Đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

Mẫu số 06. Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế

.... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Được phép thăm dò khoáng sản ... (tên khoáng sản) tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép thăm dò số....., ngày.... tháng.... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

Đề nghị được chuyển nhượng quyền thăm dò khoáng sản cho:

.... (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)

Trụ sở tại:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm...do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp/Quyết định thành lập văn phòng đại diện số ngày ... tháng ... năm ... do ...(cơ quan quyết định thành lập văn phòng đại diện) cấp (đối với doanh nghiệp nước ngoài).

Hợp đồng chuyển nhượng số..... ngày.... tháng.... năm.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng
 (Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng
 (Ký tên, đóng dấu)

Mẫu số 23 - Phụ lục 2. Bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản

(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

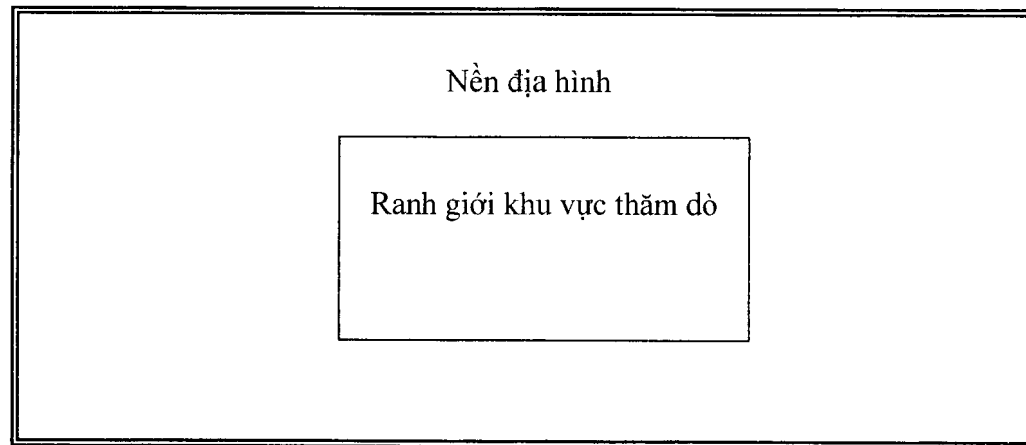
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....

(Kèm theo Giấy phép thăm dò số...../GP-UBND ngày....
tháng.....năm....của Ủy ban nhân dân tỉnh)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, k nh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		



Tỷ lệ:.....

Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ....,
kinh tuyến trục...,múi chiều..., số hiệu...”

Mẫu số 43. Báo cáo hoạt động thăm dò khoáng sản và kế hoạch tiếp tục thăm dò
(Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016
của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN) CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số/.....

Địa danh....., ngày.... tháng.... năm

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG THĂM DÒ KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ

(Trong trường hợp gia hạn giấy phép thăm dò khoáng sản)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

(Tên tổ chức, cá nhân):

Địa chỉ trụ sở:

Điện thoại: Fax:

Đăng ký kinh doanh số... do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh/thành phố cấp lần đầu ngày... tháng... năm.... (hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp số....., ngày.... tháng... năm.... của ...)

Được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-..... ngày ... tháng ... năm ... cho phép thăm dò khoáng sản ... tại khu vực ... xã ..., huyện, tỉnh/thành phố ... ; được gia hạn tại Giấy phép (gian hạn) số .../GP-..... ngày ... tháng ... năm ..., thời hạn gia hạn ... tháng/năm;

(Tên tổ chức, cá nhân)..... báo cáo kết quả công tác thăm dò khoáng sản kể từ ngày ... tháng ... năm đến ngày ... tháng ... năm ... và thông báo kế hoạch tiếp tục thăm dò khoáng sản trong thời gian giấy phép được gia hạn như sau:

I. KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(Theo nội dung báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản; báo cáo thăm dò nước khoáng tại theo mẫu số 41, mẫu số 42 tại Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016)

II. THỜI GIAN, KHỐI LƯỢNG, KẾ HOẠCH TIẾP TỤC THĂM DÒ

1. Thời gian tiếp tục thăm dò: tháng/năm, từ ngày.... tháng.....năm.... đến ngày..... tháng.....năm...

2. Khối lượng tiếp tục thăm dò (1):

STT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng			Ghi chú; tăng giảm, lý do
			Theo đề án	Đã thực hiện	Còn lại tiếp tục thăm dò	
I	Công tác trắc địa					
1	Đo vẽ Bản đồ địa hình tỷ lệ ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
II	Công tác địa chất					
1	Đo vẽ bản đồ địa chất tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
2	Khoan thăm dò	m				
2.1	...					
3	...					
III	Công tác địa vật lý					
1	Đo ...					
2	Đo...					
IV	Công tác ĐCTV-ĐCCT					
1	Đo vẽ bản đồ ĐCTV-ĐCCT tỷ lệ...	Km ² (ha)				
1.1	...					
V	Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu					
1	Lấy mẫu	Mẫu				
1.1	...					
2	Gia công mẫu	Mẫu				
2.2	...					
3	Phân tích mẫu	Mẫu				
3.3	...					
VI	Lập báo cáo					

	tổng kết					
1	...					
VII	Các công tác khác					
1	Lắp hào					
2	...					

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng thời hạn gia hạn và khối lượng công tác thăm dò theo quy định.

Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Theo danh mục, khối lượng còn lại theo Đề án đã được Hội đồng thẩm định đề án thăm dò khoáng sản của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... thẩm định và thông qua kèm theo Giấy phép thăm dò.

10. Thủ tục trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. Trường hợp, hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì tiếp nhận và ghi phiếu hẹn trả kết quả; hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì phải hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan.

- Bước 4. Trình hồ sơ đề nghị cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản

Căn cứ Báo cáo thẩm định của Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

- Bước 5: Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản; Giấy phép thăm dò khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản đã thực hiện đến thời điểm đề nghị trả lại; bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản, kế hoạch thăm dò khoáng sản tiếp theo trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản thực hiện nghĩa vụ liên quan đến hoạt động thăm dò tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

*** Số lượng hồ sơ: 02 bộ.**

d) Thời hạn giải quyết:

- Thời hạn kiểm tra và trả lời về tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ: Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc.

- Thời gian thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

- Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

Tổng thời gian: không quá 50 ngày làm việc.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 05: Đơn đề nghị trả lại giấy phép thăm dò khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 33, phụ lục số 2: Bản đồ ranh giới khu vực trả lại một phần diện tích giấy phép thăm dò và phần diện tích còn lại tiếp tục thăm dò (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 39: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 33: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép thăm dò (trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò) khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC THĂM DÒ KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân):

Trụ sở tại:

Điện thoại:, Fax:.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép thăm dò khoáng sản/một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản của Giấy phép thăm dò khoáng sản số....., ngày..... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cho phép thăm dò ...(khoáng sản)... tại khu vực... thuộc xã.... huyện... tỉnh...

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò cần nêu rõ các nội dung sau:

- Diện tích trả lại:..... ha (km²)

- Diện tích tiếp tục thăm dò:.....ha (km²).

Diện tích trả lại và diện tích tiếp tục thăm dò được thể hiện bởi tọa độ các điểm khép góc xác định trên bản đồ khu vực thăm dò khoáng sản kèm theo Đơn này.

Lý do đề nghị trả lại:

.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

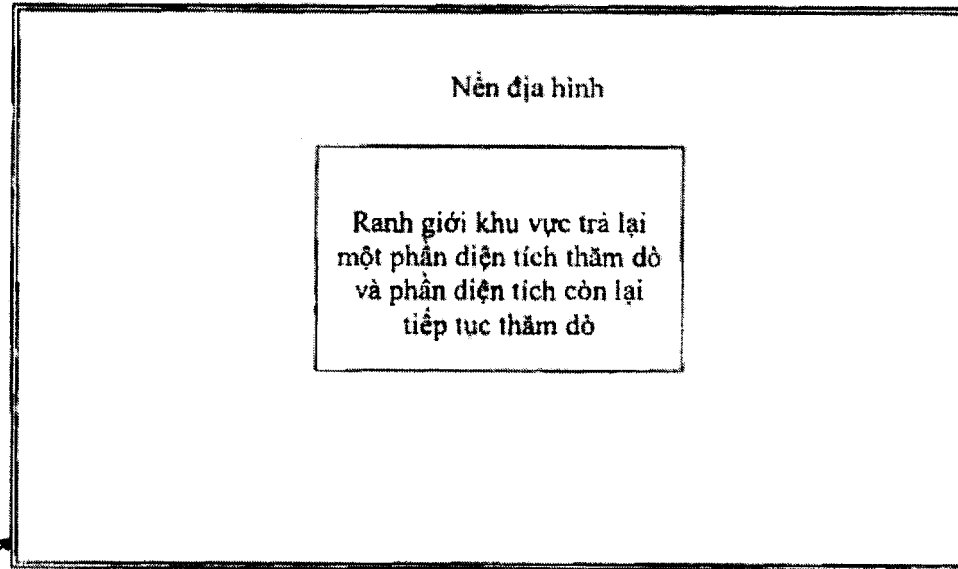
Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP THĂM ĐÒ VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC THĂM ĐÒ
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh/thành phố...))

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục thăm dò		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu..."

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)...., tại xã..., huyện..., tỉnh...

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

Địa danh, tháng... năm...

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Tác giả:.....

Chủ biên:

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)...., tại xã...., huyện...., tỉnh...

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
(Chức danh)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, tháng..... năm.....

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo.
- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, cơ quan giám sát.
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò, thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình chủ yếu đã hoàn thành, trữ lượng đạt được.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

- Vị trí hành chính và địa lý của khu thăm dò, ranh giới và diện tích thăm dò;
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí khu thăm dò trong cấu trúc địa chất chung của vùng (khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo vv);
- Đặc điểm địa chất mỏ: khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng.
- Đặc điểm các thân khoáng sản: Số lượng, vị trí phân bố, mối liên kết của các thân khoáng sản theo đường phương và hướng cảm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân khoáng: Hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương, hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn, công trình khống chế. Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số của thân khoáng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại, đặc điểm phân bố các khoáng giàu, nghèo quặng, quan hệ giữa thân khoáng và đá vây quanh. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân khoáng. Đặc điểm phong hóa, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh.

Ở những mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với các mỏ sa khoáng tiến hành mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng, điều kiện thế nằm của sa khoáng, đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của vỉa sản phẩm, thành phần và chiều dày lớp phủ, cấu tạo địa chất đáy sa khoáng, hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích, hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (đối với vàng: tuổi vàng). Thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, sũng nước v.v...

Đối với các mỏ than cần thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Các vỉa có thể khai thác mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách, trụ vỉa than, các dấu hiệu để nối vỉa. Diện phân bố chung và phân bố công nghiệp của vỉa; số công trình bắt vỉa... Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác, chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với thăm dò.

CHƯƠNG 3

CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác thăm dò địa chất

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ cần căn cứ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả nghiên cứu thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như hệ số biến đổi chiều dày, hàm lượng, tính dị hướng, bán kính ảnh hưởng....;
- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố trí công trình thăm dò;
- Báo cáo chi tiết hệ phương pháp, khối lượng đã thực hiện và kết quả đạt được theo các yêu cầu như sau:

1.1. Công tác trắc địa:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện;

b) Nội dung công tác kỹ thuật

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu từng loại lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tầng dày đã thành lập; thiết bị đã sử dụng đo, phương pháp đo, phương pháp tính toán, bình sai; so sánh sai số đo đạc với hạn sai quy định tại quy định hiện hành và đề án phê duyệt.
- Thành lập bản đồ địa hình: nêu phương pháp, thiết bị thành lập bản đồ địa hình, khoảng cao đều, múi chiếu và kinh tuyến trực khu vực thành lập bản đồ, mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ...
- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa và đo thu về bản đồ; phương pháp định tuyến thăm dò, điểm trên tuyến...
- Đánh giá chung về chất lượng công tác trắc địa và kết quả đạt được.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: File gốc đo lưới giải tích 1,2 bằng công nghệ GPS cùng số đo trạm máy; Sổ đo lưới giải tích 1, 2 và đa giác 2 (nếu đo bằng phương pháp truyền thống); Sổ đo lưới đường chuyền kinh vĩ; Sổ đo mặt cắt chi tiết; Sổ đo chi tiết địa hình với hệ thống tọa độ được trút ra từ các file đo của máy toàn đạc điện tử; Sổ đo tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Sổ thống kê tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Sổ đo độ cao (nếu dẫn độ cao bằng phương pháp đo cao hình học); Phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc và bản đồ địa hình (nếu có);
- Tài liệu tổng hợp: Bảng tính toán bình sai lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tầng dày, hành trình thủy chuẩn các cấp (nếu có); Bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập, tọa độ, độ cao công

trình địa chất và bảng (hoặc file) tọa độ, độ cao các điểm đo chi tiết địa hình; Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao; Bản đồ địa hình và mặt cắt địa hình (nếu có); (thành lập phụ lục riêng cho công tác trắc địa).

1.2. Công tác địa chất:

Gồm các dạng công việc: đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản và các dạng công việc khác như: địa hóa, trọng sa, nghiên cứu chuyên đề ... (nếu có).

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các dạng công việc đã thực hiện.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký địa chất và bản đồ hành trình kèm theo; Bản đồ/sơ đồ bố trí công trình (thực tế); Các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thăm dò; Ảnh chụp vết lộ quan trọng.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

1.3. Công tác địa vật lý:

a) Đối với công tác địa vật lý chung:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành, máy móc-thiết bị sử dụng, chất lượng tài liệu, đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả từng phương pháp.

b) Đối với công tác địa vật lý lỗ khoan:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp đã lựa chọn; cách thức đo, ghi, biểu diễn biểu đồ địa vật lý lỗ khoan; phương pháp phân tích tài liệu, xác định chiều dày, vách, trụ, hàm lượng khoáng sản...theo từng phương pháp tương ứng; xác lập cột địa tầng địa vật lý lỗ khoan và so sánh với cột địa tầng thực tế khoan; mức độ sử dụng kết quả địa vật lý lỗ khoan trong việc xác định chiều dày và tính trữ lượng...

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đo các phương pháp địa vật lý thực hiện trong đề án (điện, từ, xạ, trọng lực...); Các tài liệu hiệu chuẩn, kiểm chuẩn thiết bị địa vật lý theo quy định; Các sổ đo kiểm tra, sổ đánh giá chất lượng tài liệu thực địa; Nhật ký đo carota lỗ khoan; Các file kết quả đo địa vật lý lưu trên thiết bị đo hoặc máy tính; Các tài liệu thực tế hàng ngày, từng hành trình biểu diễn dưới dạng đường cong, sơ đồ, đồ thị, mặt cắt tương ứng với từng phương pháp thi công thực tế.

- Tài liệu tổng hợp: báo cáo thuyết minh và các bản vẽ phân tích, xử lý tương ứng với từng phương pháp đã thi công theo quy định địa vật lý hiện hành (thành lập phụ lục riêng về công tác địa vật lý).

1.4. Thi công công trình thăm dò

a) Công trình khai đào:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; khối lượng đã thực hiện; quy cách kỹ thuật áp dụng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

b) Công trình khoan:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua đá, qua quặng (có thể tính theo trọng lượng hoặc thể tích đối với khoan lấy mẫu sa khoáng). Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đăng ký công trình; Thiết đồ công trình khai đào (vét lộ, hố, hào, giếng, lò); Sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; Nhật ký khoan (sổ khoan); Thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; Ảnh chụp mẫu công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

1.5. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của từng loại mẫu về các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công mẫu phân tích định lượng, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính trữ lượng khoáng sản.

b) Nội dung kỹ thuật

- Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng (tất cả quá trình này đều phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán sai số.

c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ lấy mẫu; Sổ đăng ký mẫu gia công, phân tích; Phiếu gửi mẫu; Phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm.

- Tài liệu tổng hợp: Sổ tổng hợp các loại mẫu; Phụ lục thống kê, đánh giá sai số theo biểu mẫu quy định.

2. Các vấn đề về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Các loại mẫu đã lấy để thí nghiệm, xác định sự có mặt của các khoáng sản khác, khoáng sản quý hiếm, phóng xạ vv để đề xuất phương án thu hồi bảo vệ khi khai thác khoáng sản chính.

Ảnh hưởng của công tác thăm dò đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bản bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

3. Những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng: nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.

CHƯƠNG 4

ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;
- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.
- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, hạng quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hóa (oxy hóa), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ phong hóa.
- Thành phần hóa: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại. Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu. Đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy của tro than, thành phần lưu huỳnh, photpho đối với than giàu lưu huỳnh, photpho... Tính chất cơ lý của than: Tỷ trọng, độ kiên cố, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa). Đối với vỉa phức tạp cần mô tả chi tiết thành phần, cấu tạo địa chất, đặc tính cơ lý các lớp đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt các khoáng sản có ích trong than, lớp phủ, đá vây quanh (nếu có). Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; sản phẩm đi kèm (nếu có).

2. Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân khoáng sản, toàn mỏ.
- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng, bán công nghiệp vv.
- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.
- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.
- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của xí nghiệp chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

CHƯƠNG 5

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

1. Công tác đo vẽ ĐCTV-ĐCCT

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (ĐCTV) và địa chất công trình (ĐCCT) đã tiến hành.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (Đo vẽ lập sơ đồ/bản đồ ĐCTV-ĐCCT, Khoan ĐCTV- ĐCCT chuyên môn, Quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT, Quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm, Bơm nước thí nghiệm, Mức nước thí nghiệm, Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu cơ lý đất đá, nước, vi sinh...), đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký ĐCTV-ĐCCT và bản đồ tài liệu thực tế kèm theo; Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT; Các loại sổ liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV-ĐCCT công trình khoan, khai đào; Sổ bơm nước thí nghiệm lỗ khoan; Sổ đổ nước thí nghiệm; Sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; Sổ tổng hợp Tài liệu khí tượng thủy văn; Sổ lấy mẫu cơ lý đất, Sổ lấy mẫu cơ lý đá, Sổ lấy mẫu nước, Sổ lấy mẫu vi sinh...).

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

2. Đặc điểm địa chất thủy văn

a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông suối, chiều dài, rộng và sâu của các dòng sông suối. Độ dốc lòng sông, mức độ uốn khúc, đặc điểm phù sa...

- Độ cao mực nước sông suối, lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng.

- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ địa chất thủy văn, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hóa, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.

- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thủy lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hóa, của đới phá hủy kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.
- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.
- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khác phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.
- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ, biện pháp xử lý.
- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.
- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hóa học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

3. Đặc điểm địa chất công trình

Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hóa. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá hủy, đới phong hóa. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

Các hiện tượng địa chất tự nhiên và địa chất công trình.

Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, mương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

4. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất - khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).
- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hóa, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mỏ dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hóa, karst, đới dập vỡ kiến tạo v.v...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hóa trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bụi nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khỏe con người.
- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

CHƯƠNG 6

CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng theo Phụ lục báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;
- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng được áp dụng;
- Nguyên tắc, cách thức khoan nổ thân khoáng tính trữ lượng;
- Phân khối và xếp cấp trữ lượng.
- Xác định các thông số tính trữ lượng.
- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp.
- Tổng hợp trữ lượng có khả năng khai thác lộ thiên, trữ lượng khai thác hầm lò (nếu có).

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: tọa độ công trình thăm dò, hành trình lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu. Nguyên tắc nội ngoại suy, kết quả xác lập mô hình hóa thân khoáng, mô tả các đặc trưng về tính dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích của chúng).

CHƯƠNG 7

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

- Chi phí chung cho công tác thăm dò, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;
- Giá thành thăm dò một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng.
- Phân tích tính đúng đắn của các phương pháp công tác đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;
- Kết quả chính báo cáo thăm dò đã đạt được;
- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;
- Kết quả tính trữ lượng;

- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT;
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

NỘI DUNG BÁO CÁO LUẬN GIẢI CHỈ TIÊU TẠM THỜI TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;
- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò đã tiến hành;
- Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Các thông số cần luận giải trong báo cáo:

a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản:

- Hàm lượng biên các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân khoáng không rõ ràng;
- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng hoặc toàn mỏ;
- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng hoặc toàn mỏ;
- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, khi trữ lượng đạt chỉ tiêu không thể khoan nổi riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn địa chất hoặc điều kiện kinh tế kỹ thuật và việc tính trữ lượng phải thực hiện bằng phương pháp xác suất trong phạm vi đới quặng (vía quặng, thân quặng);

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng:

- Chiều dày tối thiểu thân khoáng (vía, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu (hoặc gam.met tối thiểu));
- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân khoáng được khoan vào ranh giới tính trữ lượng;
- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng tối ưu cho mỏ.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình Hội đồng ĐGTLKSQG. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

- 1. Phụ lục số 1:** Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản
- 2. Phụ lục số 2:** Công tác trắc địa (toàn bộ nội dung công tác trắc địa)
- 3. Phụ lục số 3:** Kết quả phân tích các loại mẫu
- 4. Phụ lục số 4:** Kết quả tính toán (gồm sai số phân tích mẫu, thống kê hàm lượng, chiều dày theo mẫu đơn, công trình, thân quặng...)
- 5. Phụ lục số 5:** Kết quả tính trữ lượng (gồm kết quả tính hàm lượng trung bình công trình, khối trữ lượng, thể trọng, trữ lượng, tài nguyên....)
- 6. Phụ lục số 6:** Công tác ĐCTV-ĐCCT (bao gồm toàn bộ các hạng mục của thủy văn và công trình)
- 7. Phụ lục số 7:** Công tác Địa vật lý (*nếu có*)
- 8. Phụ lục số 8:** Kết quả thí nghiệm mẫu công nghệ
- 9. Phụ lục số 9:** Tập thiết đồ công trình (khoan, hào, giếng, lò, vét lộ)

CÁC BẢN VẼ KÈM THEO BÁO CÁO

Các bản vẽ phải thành lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ nhất các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò và thể hiện được cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, chỉ dẫn đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất.

Dưới đây là các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (đóng cùng thuyết minh);
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000;
- Bản đồ địa hình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 và mặt cắt qua mỏ (có thể đóng cùng thuyết minh);
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000);
- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000), kèm theo mặt cắt địa chất;
- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất;

- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò bố trí theo tầng);
- Các bình đồ đồng đẳng trụ vỉa (thân khoáng), đồng đẳng vách (đối với mỏ khai thác lộ thiên). Bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại. Bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ;
- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ, bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện. Bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng. Các mặt cắt địa vật lý - địa chất. Các giản đồ karota lỗ khoan;
- Các bình đồ phân khối tính trữ lượng, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng phải thể hiện ranh giới các khối tính. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng. Con số trữ lượng, hàm lượng trung bình và trữ lượng các khoáng sản có ích chính và đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng tính theo số liệu trắc địa mỏ;
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5000
- Bản đồ địa chất thủy văn khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Các mặt cắt ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV, ĐCCT.
- Các đồ thị khí tượng thủy văn, đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm. Đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm. Các đồ thị quan trắc địa chất công trình (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất v.v...).

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại Giấy phép thăm dò/trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG **(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....)**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm);

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị trả lại Giấy phép thăm dò hoặc trả lại một phần diện tích thăm dò khoáng sản của (Tên tổ chức, cá nhân) nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố...;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục địa chất và khoáng sản Việt Nam/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được trả lại Giấy phép thăm dò (một phần diện tích khu vực của Giấy phép thăm dò) khoáng sản số... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy-ban nhân dân tỉnh/ thành phố...

Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực thăm dò khoáng sản cần quy định cụ thể:

Diện tích trả lại: (ha, km²),

Diện tích còn lại tiếp tục thăm dò: (ha, km²),

(được giới hạn bởi các điểm khép góc.... có tọa độ theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Quyết định này).

Thời hạn thăm dò tiếp tục:tháng, đến ngày.... tháng.... năm....

Điều 2. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực thi hành, *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... phải chấm dứt hoạt động thăm dò khoáng sản ở khu vực ...(theo Giấy phép đã trả lại hoặc theo diện tích thăm dò đã trả lại) và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản, tài liệu nguyên thủy, tài liệu pháp lý liên quan cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố ... theo quy định của pháp luật;
2. San lấp công trình đã khai đào, phục hồi môi trường khu vực thăm dò và các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật.

(Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích thăm dò, cần quy định cụ thể trách nhiệm của tổ chức, cá nhân về việc thực hiện Quyết định này và chương trình thăm dò tiếp tục với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật);

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Tổng cục địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ... có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện quyết định này.

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...)

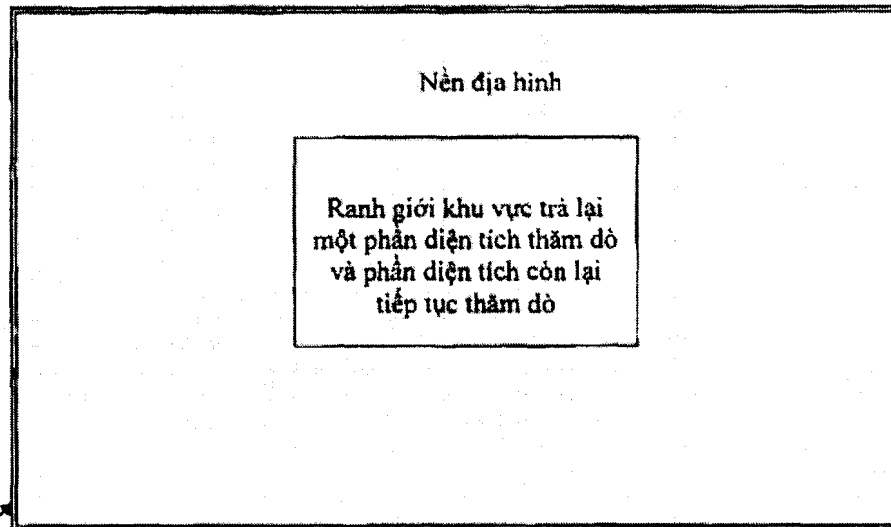
Phụ lục 2

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục thăm dò		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP THĂM DÒ VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC THĂM DÒ
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh/thành phố...))

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu..."

11. Thủ tục phê duyệt trữ lượng khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế tỉnh.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đúng quy định Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo quy định và ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ ngay sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ nộp phí thẩm định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày, kể từ ngày nhận được đề nghị của cơ quan tiếp nhận hồ sơ.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu để trình Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, kèm theo ý kiến nhận xét bằng văn bản của các chuyên gia.

Thời gian tổ chức, cá nhân đang hoàn chỉnh báo cáo trữ lượng khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

- Bước 4. Trình phê duyệt

+ Tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến của Hội đồng, cơ quan tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

+ Sau khi nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

+ Sau khi nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sau khi nhận được kết quả của Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản; báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản hoặc báo cáo kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản, các phụ lục, bản vẽ và tài liệu nguyên thủy có liên quan; tài liệu luận giải chỉ tiêu tính trữ lượng hoặc báo cáo khả thi của dự án đầu tư khai thác khoáng sản; biên bản nghiệm thu khối lượng, chất lượng công trình thăm dò khoáng sản đã thi công của tổ chức, cá nhân; báo cáo kết quả giám sát thi công đề án thăm dò khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Đề án thăm dò khoáng sản đã được thẩm định và Giấy phép thăm dò khoáng sản; Giấy phép khai thác khoáng sản trong trường hợp thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong khu vực được phép khai thác.

- Dữ liệu của tài liệu báo cáo kết quả thăm dò ghi trên đĩa CD (02 bộ).

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời gian giải quyết:

- Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

+ Tổ chức, cá nhân được phép thăm dò khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu đúng quy định tại khoản 1 Điều 50 Luật khoáng sản và Điều 50 Nghị định 158/2016/NĐ-CP thì Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng nộp phí thẩm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo quy định. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ ngay

sau khi tổ chức, cá nhân hoàn thành nghĩa vụ nộp phí thẩm định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận chỉ thực hiện một lần.

- Việc kiểm tra báo cáo trữ lượng khoáng sản thực hiện như sau:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra toàn bộ hồ sơ tài liệu báo cáo; kiểm tra thực địa khu vực thăm dò khoáng sản, mẫu lõi khoan, hào, giếng trong trường hợp xét thấy cần thiết;

+ Trong thời gian không quá 60 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi báo cáo kết quả thăm dò đến các chuyên gia thuộc các lĩnh vực chuyên sâu để lấy ý kiến góp ý về các nội dung có liên quan trong báo cáo thăm dò khoáng sản. Thời gian trả lời của chuyên gia không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc công việc nêu trên Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của các chuyên gia và chuẩn bị hồ sơ, tài liệu thông qua Hội đồng đánh giá trữ lượng.

Trường hợp báo cáo không đạt yêu cầu để thông qua Hội đồng đánh giá trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo bằng văn bản, nêu rõ lý do để tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo, kèm theo ý kiến nhận xét bằng văn bản của các chuyên gia.

Thời gian tổ chức, cá nhân đang hoàn chỉnh báo cáo trữ lượng khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

- Việc thẩm định báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản và phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo thăm dò được thực hiện như sau:

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành nội dung công việc nêu trên, Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản tổ chức phiên họp Hội đồng.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc phiên họp của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, chỉnh sửa để hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản theo ý kiến Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản thông báo nêu rõ nội dung cần bổ sung, hoàn thiện kèm theo biên bản họp Hội đồng.

Thời gian tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng bổ sung, hoàn thiện báo cáo thăm dò khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định báo cáo.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thăm dò đã bổ sung, hoàn chỉnh của tổ chức, cá nhân đề nghị phê

duyet trữ lượng, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh phê duyệt trữ lượng quy định tại khoản 1 Điều 49 Luật khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình phê duyệt trữ lượng khoáng sản của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh ban hành quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản trong báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản.

- *Trả kết quả phê duyệt trữ lượng khoáng sản*

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị phê duyệt trữ lượng đến nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan.

Tổng thời gian: không quá 190 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân hoạt động thăm dò khoáng sản.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh

- *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:* Không.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh.

- *Cơ quan phối hợp:* Các Sở ban ngành tham gia hội đồng phê duyệt trữ lượng.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản.

h) Phí, lệ phí :

Nộp phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản theo Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính.

Số tt	Tổng chi phí thăm dò khoáng sản thực tế (không bao gồm thuế GTGT)	Mức phí
1	Đến 01 tỷ đồng	10 triệu đồng
2	Trên 01 đến 10 tỷ đồng	10 triệu đồng + (0,5% x phần tổng chi phí trên 1 tỷ đồng)
3	Trên 10 đến 20 tỷ đồng	55 triệu đồng + (0,3% x phần tổng chi phí trên 10 tỷ đồng)
4	Trên 20 tỷ đồng	85 triệu đồng + (0,2% x phần tổng chi phí trên 20 tỷ đồng)

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 19: Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 30: Quyết định phê duyệt/công nhận trữ lượng, tài nguyên khoáng sản; Phê duyệt/công nhận trữ lượng, tài nguyên nước khoáng (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 39: Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

l) Căn cứ pháp lý

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
 (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Đã hoàn thành công tác thi công các công trình thăm dò khoáng sản..... theo Giấy phép thăm dò khoáng sản số ngày.... tháng..... năm.... của .../hoặc theo đề án thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản trong phạm vi khu vực được phép khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng.... năm.... của.... (Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương);

(Tên tổ chức, cá nhân)..... đã thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản (tên báo cáo).....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... xin chịu trách nhiệm trước (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương)..... về tính trung thực, chính xác của các tài liệu nguyên thủy trong nội dung báo cáo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... kính đề nghị (Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương).....thẩm định thông qua báo cáo và phê duyệt trữ lượng khoáng sản..... đã tính trong báo cáo./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
 (Ký tên, đóng dấu)

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA
(UBND TỈNH/ THÀNH PHỐ...)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/QĐ-HĐTLQG/UBND

Địa danh, ngày..... tháng năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt/công nhận trữ lượng/tài nguyên khoáng sản ... trong “Báo cáo kết quả
thăm dò khoáng sản... tại khu vực xã..., huyện..., tỉnh...”**

(Trữ lượng tính đến tháng năm)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm..... của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương..... ngày.... tháng năm;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-HĐTLQG ngày tháng năm của Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia ban hành quy chế của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Quyết định số ngày tháng... năm của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số .../BTNMT ngày ... tháng ... năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản rắn/ Căn cứ Thông tư số ... ngày ... tháng... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và tài nguyên khoáng sản

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố.....;

Xét đề nghị của tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày..... tháng năm

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Hội đồng tư vấn tỉnh/thành phố tại phiên họp ngày.... tháng..... năm..... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố.....,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt/công nhận trữ lượng và tài nguyên khoáng sản trong “Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản tại khu vực xã....., huyện....., tỉnh.....”, với các nội dung chính sau:

1. Diện tích khu vực thăm dò, phê duyệt trữ lượng làha (*Bằng chữ.....*), có tọa độ xác định tại Phụ lục số 01 và Bình đồ phân khối trữ lượng kèm theo Quyết định này.

2. Phê duyệt/công nhận trữ lượng khoáng sản..... đã tính trong báo cáo:

Cấp 121: tấn/m³.

Cấp 122: tấn/m³.

3. Tài nguyên cấp 333:..... tấn/m³

4. Các khoáng sản đi kèm (nếu có):

Trữ lượng cấp 121: tấn/m³.

Trữ lượng cấp 122: tấn/m³.

5. Mức sâu các khối trữ lượng phê duyệt: như Phụ lục số 2 kèm theo.

Trữ lượng và tài nguyên khoáng sản..... của từng khối, cấp được thống kê chi tiết tại Phụ lục số 02 kèm theo của Quyết định này.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng-Chủ tịch Hội đồng/Chủ tịch tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh/thành phố
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT) ,
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam/ Sở TNMT;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDTL;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu VT, VPTLKS.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH,
THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH)**

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)**

Phụ lục số 02

**THỐNG KÊ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN..... TẠI KHU VỰC XÃ
....., HUYỆN, TỈNH**

(Kèm theo Quyết định phê duyệt trữ lượng số: /QĐ-HĐTLQG(UBND) ngày ... tháng ... năm ... của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/UBND tỉnh/thành phố...)

STT	Khối trữ lượng	Mức sâu thấp nhất khối trữ lượng (m)	Trữ lượng (tấn/m ³)	Ghi chú (nếu có)
1	1-121			
2	2-121			
...	...			
Tổng 121				
	1-122			
	2-122			
			
Tổng 122				
121+122				

**HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG
KHOÁNG SẢN QUỐC GIA
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /QĐ-HĐTLQG/UBND

Địa danh, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt/công nhận trữ lượng/tài nguyên nước khoáng tại lỗ khoan trong
“Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng tại khu vực xã, huyện.....,
tỉnh.....”**

(Trữ lượng tính đến tháng năm)

HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN QUỐC GIA (ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-TTg ngày ... tháng ... năm của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương tỉnh ngày.... tháng năm

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-HĐTLQG ngày ... tháng ...năm ... của Chủ tịch Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia ban hành quy chế của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Căn cứ Quyết định số ngày...tháng... năm ... của Chủ tịch UBND tỉnh/Thành phố ban hành quy chế của Hội đồng tư vấn thăm dò khoáng sản.

Căn cứ Thông tư số 52/2014/TT-BTNMT ngày 09 tháng 9 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Quy định về thăm dò, phân cấp trữ lượng và cấp tài nguyên nước khoáng, nước nóng thiên nhiên;

Căn cứ Giấy phép thăm dò khoáng sản số ... /GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố.....;

Xét đề nghị của ...(tên tổ chức, cá nhân) tại Đơn đề nghị phê duyệt trữ lượng khoáng sản ngày ... tháng ... năm ... nộp tại Văn phòng Hội đồng Đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố ...;

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Hội đồng tư vấn tỉnh/thành phố ...tại phiên họp ngày ... tháng ...năm ... và phiếu đánh giá của các Ủy viên Hội đồng;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Hội đồng đánh giá trữ lượng khoáng sản quốc gia/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thông qua báo cáo và phê duyệt/công nhận trữ lượng và tài nguyên nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan trong “Báo cáo kết quả thăm dò nước khoáng/nước nóng ... tại khu vực xã....., huyện....., tỉnh.....”, với các nội dung chính sau:

1. Tọa độ lỗ khoan.... Được xác định theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trung tâm....., múi chiếu.....:

X(m)..... Y(m).....

2. Trữ lượng nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan.....:

Cấp B:m³/ngày.

Cấp C₁:m³/ngày

3. Nguồn nước khoáng/nước nóng thiên nhiên tại lỗ khoan... là nước khoáng thiên nhiên khoáng hóa; tổng khoáng hóa..... mg/l, nhiệt độ....°C.

Điều 2. Các tài liệu của báo cáo kết quả thăm dò được sử dụng để lập dự án đầu tư khai thác mỏ/thiết kế khai thác mỏ và giao nộp lưu trữ địa chất. Quá trình khai thác và sử dụng nước khoáng phải tiến hành lấy mẫu định kỳ, quan trắc theo yêu cầu chuyên môn, bảo vệ nguồn nước, bảo vệ môi trường.

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ trưởng-Chủ tịch Hội đồng/Chủ tịch tỉnh (để báo cáo);
- UBND tỉnh
- Văn phòng một cửa (Bộ TN&MT)
- Tổng cục ĐC&KS Việt Nam/Sở TNMT;
- Tổ chức, cá nhân đề nghị PDDL;
- TT Thông tin Lưu trữ địa chất;
- Lưu VT, VPTLKS.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/
THÀNH PHỐ....
CHỦ TỊCH)**

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

(tên khoáng sản)....., tại xã..., huyện..., tỉnh...

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

Địa danh, tháng... năm...

**TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY PHÉP
THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**

Tác giả:.....

Chủ biên:

BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản)....., tại xã..., huyện..., tỉnh...

THUYẾT MINH

(Trữ lượng tính đến ngày...tháng...năm...)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC CẤP GIẤY
PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN**
(Chức danh)

ĐƠN VỊ TƯ VẤN
(Chức danh)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, tháng..... năm.....

NỘI DUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ THĂM DÒ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

- Cơ sở pháp lý thành lập báo cáo.
- Chủ đầu tư, đơn vị tư vấn, cơ quan giám sát.
- Mục tiêu và nhiệm vụ của công tác thăm dò, thời gian thực hiện.
- Phương pháp, khối lượng công trình chủ yếu đã hoàn thành, trữ lượng đạt được.

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KHU THĂM DÒ

- Vị trí hành chính và địa lý của khu thăm dò, ranh giới và diện tích thăm dò;
- Khái quát về địa hình, khí hậu, mạng lưới sông suối, tình hình dân cư, kinh tế, văn hóa. Điều kiện giao thông vận tải, cơ sở công nghiệp, nông nghiệp.
- Khái quát công tác nghiên cứu địa chất khu vực, lịch sử phát hiện, công tác điều tra, tìm kiếm và thăm dò đã tiến hành trước đây và hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG 2

ĐẶC ĐIỂM CẤU TẠO ĐỊA CHẤT MỎ

- Khái quát về vị trí khu thăm dò trong cấu trúc địa chất chung của vùng (khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo vv);
- Đặc điểm địa chất mỏ: khái quát về địa tầng, magma, kiến tạo và các yếu tố khống chế các thân quặng.
- Đặc điểm các thân khoáng sản: Số lượng, vị trí phân bố, mối liên kết của các thân khoáng sản theo đường phương và hướng cắm.
- Khái quát đặc điểm cấu tạo từng thân khoáng: Hình dáng, chiều dày, kích thước theo đường phương, hướng dốc, thế nằm, đặc điểm vót nhọn, công trình khống chế. Trình bày đặc điểm biến đổi các thông số của thân khoáng trong không gian, sự phân bố các thành phần có ích chính, đi kèm, các tạp chất có hại, đặc điểm phân bố các khoáng giàu, nghèo quặng, quan hệ giữa thân khoáng và đá vây quanh. Thành phần và đặc điểm phân bố các lớp kẹp không chứa quặng hoặc quặng không đạt chỉ tiêu tính trữ lượng, tỷ lệ của chúng trong thân khoáng. Đặc điểm phong hóa, sự biến đổi nguyên sinh và thứ sinh của khoáng sản và đá vây quanh.

Ở những mỏ có biểu hiện karst ngầm hoặc lộ trên mặt phải lý giải các phương pháp xác định mức độ karst.

Đối với các mỏ sa khoáng tiến hành mô tả đặc điểm địa mạo (cổ địa lý) tích tụ sa khoáng, điều kiện thế nằm của sa khoáng, đặc điểm hình dáng, kích thước, cấu tạo và thành phần của vỉa sản phẩm, thành phần và chiều dày lớp phủ, cấu tạo địa chất đáy sa khoáng, hàm lượng các thành phần có ích chính trong cát quặng, trong lớp phủ và trong đá lót đáy; hình dáng, kích thước, mức độ mài tròn các khoáng vật có ích, hàm lượng các thành phần chứa trong khoáng vật (đối với vàng: tuổi vàng). Thành phần cấp hạt, độ chứa sét, chứa đá tảng, sùng nước v.v...

Đối với các mỏ than cần thống kê số lượng vỉa đã phát hiện có thể khai thác, không khai thác. Các vỉa có thể khai thác mô tả chi tiết vị trí, chiều sâu, đặc tính đất đá vách,

trụ vỉa than, các dấu hiệu để nổi vỉa. Diện phân bố chung và phân bố công nghiệp của vỉa; số công trình bất vỉa... Đối với các vỉa đang khai thác cần chỉ dẫn diện tích và độ sâu khai thác, chiều dày, cấu tạo vỉa; so sánh kết quả khai thác với thăm dò.

CHƯƠNG 3

CÔNG TÁC THĂM DÒ ĐỊA CHẤT VÀ CÁC VẤN ĐỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Công tác thăm dò địa chất

- Cơ sở phân chia nhóm mỏ cần căn cứ trên cơ sở đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ, kết quả nghiên cứu thống kê và địa thống kê một số thông số đặc trưng thân quặng như hệ số biến đổi chiều dày, hàm lượng, tính dị hướng, bán kính ảnh hưởng....;
- Mạng lưới công trình thăm dò đã được áp dụng cho từng cấp trữ lượng, cách thức bố trí công trình thăm dò;
- Báo cáo chi tiết hệ phương pháp, khối lượng đã thực hiện và kết quả đạt được theo các yêu cầu như sau:

1.1. Công tác trắc địa:

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng các hạng mục công việc đã thực hiện;

b) Nội dung công tác kỹ thuật

- Thành lập lưới khống chế mặt phẳng và độ cao: Nêu từng loại lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tầng dày đã thành lập; thiết bị đã sử dụng đo, phương pháp đo, phương pháp tính toán, bình sai; so sánh sai số đo đạc với hạn sai quy định tại quy định hiện hành và đề án phê duyệt.
- Thành lập bản đồ địa hình: nêu phương pháp, thiết bị thành lập bản đồ địa hình, khoảng cao đều, múi chiếu và kinh tuyến trực khu vực thành lập bản đồ, mật độ trung bình điểm chi tiết trên dm^2 bản đồ...
- Công tác trắc địa công trình: Phương pháp xác định vị trí công trình từ thiết kế ra thực địa và đo thu về bản đồ; phương pháp định tuyến thăm dò, điểm trên tuyến...
- Đánh giá chung về chất lượng công tác trắc địa và kết quả đạt được.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: File gốc đo lưới giải tích 1,2 bằng công nghệ GPS cùng sổ đo trạm máy; Sổ đo lưới giải tích 1, 2 và đa giác 2 (nếu đo bằng phương pháp truyền thống); Sổ đo lưới đường chuyên kinh vĩ; Sổ đo mặt cắt chi tiết; Sổ đo chi tiết địa hình với hệ thống tọa độ được trút ra từ các file đo của máy toàn đạc điện tử; Sổ đo tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Sổ thống kê tọa độ, độ cao điểm công trình địa chất; Sổ đo độ cao (nếu dẫn độ cao bằng phương pháp đo cao hình học); Phiếu cấp tọa độ, độ cao các điểm gốc và bản đồ địa hình (nếu có);
- Tài liệu tổng hợp: Bảng tính toán bình sai lưới khống chế mặt phẳng, độ cao khu vực và lưới đo vẽ tầng dày, hành trình thủy chuẩn các cấp (nếu có); Bảng thống kê tọa độ, độ cao các điểm lưới khống chế mặt phẳng, độ cao đã thành lập, tọa độ, độ cao công trình địa chất và bảng (hoặc file) tọa độ, độ cao các điểm đo chi tiết địa hình; Sơ đồ

lưới không chế mặt phẳng và độ cao; Bản đồ địa hình và mặt cắt địa hình (nếu có); (thành lập phụ lục riêng cho công tác trắc địa).

1.2. Công tác địa chất:

Gồm các dạng công việc: đo vẽ lập bản đồ địa chất khoáng sản và các dạng công việc khác như: địa hóa, trọng sa, nghiên cứu chuyên đề ... (nếu có).

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các dạng công việc đã thực hiện.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện, đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký địa chất và bản đồ hành trình kèm theo; Bản đồ/sơ đồ bố trí công trình (thực tế); Các sổ thống kê mẫu, thống kê công trình thăm dò; Ảnh chụp vết lộ quan trọng.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

1.3. Công tác địa vật lý:

a) Đối với công tác địa vật lý chung:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng, phương pháp tiến hành, máy móc-thiết bị sử dụng, chất lượng tài liệu, đánh giá kết quả đạt được và hiệu quả từng phương pháp.

b) Đối với công tác địa vật lý lỗ khoan:

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp đã lựa chọn; cách thức đo, ghi, biểu diễn biểu đồ địa vật lý lỗ khoan; phương pháp phân tích tài liệu, xác định chiều dày, vách, trụ, hàm lượng khoáng sản...theo từng phương pháp tương ứng; xác lập cột địa tầng địa vật lý lỗ khoan và so sánh với cột địa tầng thực tế khoan; mức độ sử dụng kết quả địa vật lý lỗ khoan trong việc xác định chiều dày và tính trữ lượng...

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đo các phương pháp địa vật lý thực hiện trong đề án (điện, từ, xạ, trọng lực...); Các tài liệu hiệu chuẩn, kiểm chuẩn thiết bị địa vật lý theo quy định; Các sổ đo kiểm tra, sổ đánh giá chất lượng tài liệu thực địa; Nhật ký đo carota lỗ khoan; Các file kết quả đo địa vật lý lưu trên thiết bị đo hoặc máy tính; Các tài liệu thực tế hàng ngày, từng hành trình biểu diễn dưới dạng đường cong, sơ đồ, đồ thị, mặt cắt tương ứng với từng phương pháp thi công thực tế.

- Tài liệu tổng hợp: báo cáo thuyết minh và các bản vẽ phân tích, xử lý tương ứng với từng phương pháp đã thi công theo quy định địa vật lý hiện hành (thành lập phụ lục riêng về công tác địa vật lý).

1.4. Thi công công trình thăm dò

a) Công trình khai đào:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và cơ sở bố trí công trình; khối lượng đã thực hiện; quy cách kỹ thuật áp dụng và đánh giá hiệu quả, kết quả từng loại hình công trình.

b) Công trình khoan:

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ và bố trí mạng lưới công trình khoan; thiết bị và công nghệ khoan, kết cấu và độ sâu các lỗ khoan; số lượng và khối lượng khoan, trạng thái lỗ khoan; tỷ lệ thu hồi mẫu lõi khoan qua đá, qua quặng (có thể tính theo trọng lượng hoặc thể tích đối với khoan lấy mẫu sa khoáng). Đánh giá hiệu quả công trình khoan lấy mẫu phục vụ công tác nghiên cứu địa chất và tính trữ lượng.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ đăng ký công trình; Thiết đồ công trình khai đào (vết lộ, hố, hào, giếng, lò); Sổ theo dõi địa chất lỗ khoan; Nhật ký khoan (sổ khoan); Thiết đồ lỗ khoan tổng hợp; Ảnh chụp mẫu công trình khai đào, mẫu lõi khoan.

- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

1.5. Công tác lấy, gia công và phân tích mẫu

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục đích, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của từng loại mẫu về các phương pháp lấy, gia công, phân tích mẫu đã áp dụng: chủng loại, số lượng, kích thước, khoảng cách giữa các mẫu, sơ đồ gia công mẫu phân tích định lượng, phương pháp phân tích, số lượng mẫu kiểm tra; kết quả kiểm tra, đánh giá sai số và khả năng sử dụng số liệu phân tích trong việc luận giải và tính trữ lượng khoáng sản.

b) Nội dung kỹ thuật

- Lấy mẫu: Mô tả chính xác quá trình lấy mẫu đã thực hiện. Đối với mỗi loại mẫu cần nêu được mục đích, vị trí, cách thức, khối lượng mẫu (kích thước), số lượng (tất cả quá trình này đều phải phù hợp với hồ sơ ghi chép thực tế).

- Gia công mẫu: nêu rõ quy trình gia công, sơ đồ rút gọn mẫu thực tế.

- Phân tích mẫu: nêu đầy đủ chỉ tiêu phân tích, phương pháp phân tích, số lượng mẫu, phòng thí nghiệm thực hiện đối với mỗi loại mẫu.

- Đánh giá chất lượng kết quả phân tích mẫu: tuân thủ theo các quy định hiện hành về loại mẫu kiểm soát, số lượng, bảng tính toán sai số.

c) Các sản phẩm

- Tài liệu nguyên thủy: Sổ lấy mẫu; Sổ đăng ký mẫu gia công, phân tích; Phiếu gửi mẫu; Phiếu chứng nhận kết quả thử nghiệm.

- Tài liệu tổng hợp: Sổ tổng hợp các loại mẫu; Phụ lục thống kê, đánh giá sai số theo biểu mẫu quy định.

2. Các vấn đề về bảo vệ tài nguyên, môi trường

Các loại mẫu đã lấy để thí nghiệm, xác định sự có mặt của các khoáng sản khác, khoáng sản quý hiếm, phóng xạ vv để đề xuất phương án thu hồi bảo vệ khi khai thác khoáng sản chính.

Ảnh hưởng của công tác thăm dò đến môi trường xung quanh được phản ánh thông qua mức độ biến đổi cảnh quan thiên nhiên trong vùng, sự thay đổi chế độ nước mặt, nước ngầm, sự nhiễm bản bầu khí quyển, thủy quyển và giảm độ phì nhiêu của đất trồng và các ảnh hưởng tiêu cực khác.

Các giải pháp làm giảm thiểu tác động môi trường đã được thực hiện.

3. Những thay đổi về diện tích, phương pháp, khối lượng: nêu rõ nguyên nhân và đánh giá tác động của sự thay đổi.

CHƯƠNG 4

ĐẶC ĐIỂM CHẤT LƯỢNG VÀ TÍNH CHẤT CÔNG NGHỆ CỦA KHOÁNG SẢN

1. Đặc điểm chất lượng khoáng sản

- Phân chia các loại, kiểu quặng tự nhiên và công nghiệp;
- Thành phần khoáng vật quặng chính, đi kèm và phi quặng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ.
- Các tính chất về cơ lý, cấu tạo, kiến trúc và các đặc điểm khác. Quy luật phân bố các loại, kiểu quặng tự nhiên, hạng quặng công nghiệp và tỷ lệ của chúng trong phạm vi mỏ (khoảnh mỏ) và trong từng thân khoáng. Sự biến đổi thành phần và tính chất cơ lý của quặng trong đới phong hóa (oxy hóa), độ sâu phát triển của đới này. Các tiêu chuẩn phân chia theo mức độ phong hóa.
- Thành phần hóa: Sự biến đổi thành phần chính theo mẫu đơn, theo khối tính trữ lượng của các loại quặng, thân quặng và toàn mỏ; hàm lượng các nguyên tố, thành phần có ích chính và tạp chất có hại. Xác định mối tương quan giữa các thành phần có ích chính và đi kèm. Đánh giá khả năng khai thác lựa chọn và chế biến các loại, kiểu quặng công nghiệp, các thành phần chính và đi kèm.

Đối với than, cần thống kê và đánh giá số lượng, chất lượng công tác lấy, phân tích mẫu. Đánh giá trạng thái tự nhiên và tính chất vật lý, thành phần thạch học của than theo từng vỉa than; phương pháp tính và xác định độ tro trung bình, độ tro hàng hóa; thành phần tro, độ nóng chảy của tro than, thành phần lưu huỳnh, photpho đối với than giàu lưu huỳnh, photpho... Tính chất cơ lý của than: Tỷ trọng, độ kiên cố, độ bền cơ học (riêng cho từng loại ôxy hóa và chưa ôxy hóa). Đối với vỉa phức tạp cần mô tả chi tiết thành phần, cấu tạo địa chất, đặc tính cơ lý các lớp đá kẹp; mức độ thay đổi thành phần và tính chất của than khi để ngoài trời; đánh giá sự có mặt các khoáng sản có ích trong than, lớp phủ, đá vây quanh (nếu có). Kiến nghị về phương pháp sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên than đã thăm dò; sản phẩm đi kèm (nếu có).

2. Tính chất công nghệ của quặng

- Phương pháp lấy mẫu và nghiên cứu thí nghiệm tính chất công nghệ của quặng. Tính đại diện của mẫu về khối lượng, vị trí không gian, thành phần vật chất, hàm lượng các thành phần có ích chính, đi kèm và các chỉ tiêu khác đối với thân khoáng sản, toàn mỏ.
- Kết quả nghiên cứu tính chất công nghệ của khoáng sản quy mô phòng thí nghiệm, phòng thí nghiệm mở rộng, bán công nghiệp vv.
- Các tổ chức thực hiện chương trình nghiên cứu và kết quả đạt được.
- Kết luận về tính chất công nghệ, khả năng làm giàu, chế biến và sử dụng trong công nghiệp.
- Đánh giá mức độ sử dụng kết quả nghiên cứu mẫu công nghệ để thiết kế sơ đồ công nghệ chế biến thu hồi tổng hợp các thành phần có ích. So sánh các thông số kinh tế - kỹ thuật thu được với các chỉ tiêu của xí nghiệp chế biến nguyên liệu khoáng có thành phần tương tự ở trong nước và ở nước ngoài.

CHƯƠNG 5

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA CHẤT THỦY VĂN, ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ ĐIỀU KIỆN KỸ THUẬT KHAI THÁC MỎ

1. Công tác đo vẽ ĐCTV-ĐCCT

a) Mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng

Nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, khối lượng cụ thể của các công tác nghiên cứu địa chất thủy văn (ĐCTV) và địa chất công trình (ĐCCT) đã tiến hành.

b) Nội dung công tác kỹ thuật

Mô tả cụ thể, đầy đủ cách thức tiến hành thực tế các công việc đã thực hiện (Đo vẽ lập sơ đồ/bản đồ ĐCTV-ĐCCT, Khoan ĐCTV- ĐCCT chuyên môn, Quan trắc đơn giản ĐCTV-ĐCCT, Quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm tại các trạm, Bơm nước thí nghiệm, Mức nước thí nghiệm, Công tác lấy, gia công, phân tích mẫu cơ lý đất đá, nước, vi sinh...), đánh giá các chỉ tiêu so với quy định và kết quả đạt được phục vụ công tác thăm dò.

c) Các sản phẩm:

- Tài liệu nguyên thủy: Nhật ký ĐCTV-ĐCCT và bản đồ tài liệu thực tế kèm theo; Các mặt cắt ĐCTV - ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV - ĐCCT; Các loại sổ liên quan đến các công tác ĐCTV - ĐCCT đã thực hiện (Sổ quan trắc ĐCTV-ĐCCT công trình khoan, khai đào; Sổ bơm nước thí nghiệm lỗ khoan; Sổ đổ nước thí nghiệm; Sổ quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm; Sổ tổng hợp Tài liệu khí tượng thủy văn; Sổ lấy mẫu cơ lý đất, Sổ lấy mẫu cơ lý đá, Sổ lấy mẫu nước, Sổ lấy mẫu vi sinh...).
- Tài liệu tổng hợp: quy định tại phần Phụ lục

2. Đặc điểm địa chất thủy văn

a. Đặc điểm nước mặt

- Mạng lưới sông suối, chiều dài, rộng và sâu của các dòng sông suối. Độ dốc lòng sông, mức độ uốn khúc, đặc điểm phù sa...
- Độ cao mực nước sông suối, lưu lượng nước vào mùa khô, mùa mưa, sự biến đổi hàng tháng.
- Chế độ lũ lụt và diện tích bị ngập nước. Đặc điểm các dòng chảy tạm thời như ao, hồ, đầm lầy v.v... và sự ảnh hưởng của chúng đối với khai thác mỏ.

b. Đặc điểm nước ngầm

- Phân chia phức hệ địa chất thủy văn, mô tả các đơn vị chứa nước theo thứ tự tuổi địa tầng từ trẻ đến già. Diện tích phân bố, thành phần thạch học, khoáng vật của đá, thành phần hạt, tính phân lớp, độ nứt nẻ, mức độ karst hóa, vật chất đầm lầy, hang hốc karst và khe nứt, sản trạng và chiều dày của lớp.
- Tính chất vật lý và tính thấm nước của đá chứa nước, độ phong phú của nước. Tính chất thủy lực (không áp, có áp). Chiều sâu mực nước ngầm (hay mực áp lực) và động thái của chúng. Mức độ chênh lệch của mực nước (mực áp lực) so với gốc xâm thực địa phương và so với mức sâu nhất dự kiến khai thác. Sự liên hệ thủy lực giữa các tầng chứa nước và giữa nước mặt và nước ngầm.

- Đặc tính ĐCTV của đới phong hóa, của đới phá hủy kiến tạo và các đứt gãy lớn cắt qua các thân khoáng.
- Đặc điểm các tầng (lớp) cách nước.
- Đánh giá các nguồn nước và dự tính lượng nước có thể chảy vào mỏ. Khi tính toán phải căn cứ vào đặc điểm nguồn nước và dựa vào các mặt cắt ĐCTV để chọn sơ đồ, phương pháp và công thức tính phù hợp. Khi trong vùng nghiên cứu có mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCTV tương tự với mỏ thăm dò thì nhất thiết phải sử dụng các số liệu thực tế về lượng nước chảy vào mỏ để đánh giá điều kiện ĐCTV của mỏ thăm dò. So sánh kết quả tính toán với số liệu thực tế để tìm hiểu nguyên nhân khắc phục. Đánh giá mức độ tin cậy của các số liệu tính toán.
- Dự đoán khả năng nước chảy vào mỏ khi hoạt động khai thác tiến đến gần sông, hồ, các công trình chứa nước hoặc các giếng khai thác cũ chứa nước. Khả năng bực nước chảy vào mỏ, biện pháp xử lý.
- Đánh giá các nguồn cung cấp nước sinh hoạt và nước kỹ thuật.
- Xác định số lượng và chất lượng của nguồn nước mặt và nước ngầm. Tính chất vật lý và thành phần hóa học của nước. Hàm lượng chất độc hại và lượng vi trùng trong nước. Đánh giá tính chất ăn mòn của nước đối với bê tông và kim loại. Khả năng sử dụng nước tháo khô mỏ vào mục đích cấp nước sinh hoạt. Điều kiện bảo vệ vệ sinh các nguồn nước cấp cho ăn uống.

3. Đặc điểm địa chất công trình

Khái quát về sự phân bố các loại đất đá theo diện và theo chiều sâu trong phạm vi thăm dò. Mô tả các loại đất đá theo thứ tự từ trên xuống dưới. Trạng thái đất đá khi còn tươi và khi đã bị phong hóa. Tính chất cơ lý của đất, đá nửa cứng, đá cứng, đặc biệt ở trụ và vách, quặng. Tính chất cơ lý của đất đá trong đới phá hủy, đới phong hóa. Phương pháp nghiên cứu thí nghiệm xác định các chỉ tiêu cơ lý, đánh giá mức độ tin cậy của các kết quả thu được. So sánh các kết quả thí nghiệm trong phòng và ngoài trời (nếu có). Đối chiếu các số liệu thí nghiệm với số liệu của mỏ đã hoặc đang khai thác có điều kiện ĐCCT tương tự.

Các hiện tượng địa chất tự nhiên và địa chất công trình.

Diện phân bố, quy mô và giai đoạn phát triển, điều kiện và nguyên nhân phát sinh (trượt lở, nương xói, karst, xói ngầm, bùng nền...). Các yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển các hiện tượng. Mức độ nguy hại của chúng đối với xây dựng và khai thác mỏ. Biện pháp ngăn ngừa và xử lý.

4. Điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ

- Khái quát cơ sở hạ tầng khu mỏ, mô tả các điều kiện địa chất - khai thác của mỏ ảnh hưởng tới phương pháp, công nghệ khai thác mỏ (địa hình, chiều dày và đặc điểm thạch học của trầm tích phủ, mức độ phức tạp về cấu tạo thân khoáng, chiều dày và sự biến đổi của chúng).
- Đối với mỏ dự kiến khai thác lộ thiên cần có các số liệu về tính chất, thành phần và chiều dày của đất đá phủ. Đặc điểm phong hóa, thành phần thạch học, đặc điểm phân lớp, hướng cắm và góc dốc của vỉa... làm căn cứ để tính toán xác định hệ số bóc trung bình, tối đa, góc dốc bờ tầng, bờ moong khai trường.

- Đối với mô dự kiến khai thác hầm lò, mô tả các tính chất cơ lý của đá vách, đá trụ và thân khoáng cũng như đất đá trong đới mềm yếu (đới phong hóa, karst, đới dập vỡ kiến tạo v.v...) cho phép tính toán, xác định áp lực đá lên nóc, đáy và hông lò và lên thành giếng mỏ. Các yếu tố khác làm phức tạp hóa trong quá trình khai thác như: mức độ karst, cát chảy, bụi nước, khí độc hại, mức độ chứa phóng xạ của quặng và đất đá vây quanh, sự có mặt của các hợp chất độc hại, mức độ độc hại của bụi khi tiến hành công tác khai thác và các yếu tố khác ảnh hưởng tới sức khỏe con người.

- Phạm vi diện tích không chứa khoáng sản cho phép bố trí các hạng mục công trình sản xuất và sinh hoạt cũng như sử dụng làm bãi thải.

CHƯƠNG 6

CÔNG TÁC TÍNH TRỮ LƯỢNG

- Chỉ tiêu dùng để tính trữ lượng theo Phụ lục báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản;
- Luận giải về tính hợp lý của phương pháp tính trữ lượng được áp dụng;
- Nguyên tắc, cách thức khoan nội thân khoáng tính trữ lượng;
- Phân khối và xếp cấp trữ lượng.
- Xác định các thông số tính trữ lượng.
- Kết quả tính trữ lượng khoáng sản chính, khoáng sản và thành phần có ích đi kèm (nếu có); khối lượng đất bóc, đá kẹp.
- Tổng hợp trữ lượng có khả năng khai thác lộ thiên, trữ lượng khai thác hầm lò (nếu có).

Trong trường hợp sử dụng phần mềm chuyên dùng để tính trữ lượng, cần phải mô tả phương pháp, quy trình tính toán đảm bảo khả năng xem xét, kiểm tra và hiệu chỉnh các cơ sở dữ liệu (database) như: tọa độ công trình thăm dò, hành trình lỗ khoan, các trường địa chất, vị trí và kết quả lấy mẫu. Nguyên tắc nội ngoại suy, kết quả xác lập mô hình hóa thân khoáng, mô tả các đặc trưng về tính dị hướng, biểu đồ variogram, xác định kích thước các vi khối tính trữ lượng và các thông số liên quan (chiều dày, hàm lượng, diện tích của chúng).

CHƯƠNG 7

HIỆU QUẢ CÔNG TÁC THĂM DÒ

- Chi phí chung cho công tác thăm dò, trong đó những hạng mục công việc chính được trình bày chi tiết;
- Giá thành thăm dò một tấn (một đơn vị tính) trữ lượng.
- Phân tích tính đúng đắn của các phương pháp công tác đã được áp dụng và những đề nghị để nâng cao hiệu quả thăm dò.

KẾT LUẬN

- Trình bày tóm tắt những nội dung công việc chính đã hoàn thành;
- Kết quả chính báo cáo thăm dò đã đạt được;
- Công tác nghiên cứu chất lượng và tính chất công nghệ của quặng;
- Kết quả tính trữ lượng;

- Điều kiện ĐCTV - ĐCCT;
- Đánh giá triển vọng chung của mỏ và kiến nghị công tác nghiên cứu tiếp theo.

NỘI DUNG BÁO CÁO LUẬN GIẢI CHỈ TIÊU TẠM THỜI TÍNH TRỮ LƯỢNG KHOÁNG SẢN

- Khái quát về mỏ và khu vực thăm dò khoáng sản;
- Đặc điểm cấu tạo địa chất mỏ;
- Công tác thăm dò đã tiến hành;
- Cơ sở lựa chọn các thông số chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản xác định trên cơ sở các số liệu về địa chất mỏ, thành phần vật chất và tính chất công nghệ của quặng, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ thu thập được trong quá trình thăm dò; các tiêu chuẩn nhà nước, tiêu chuẩn ngành, các yêu cầu công nghiệp và các chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng áp dụng cho các mỏ có cấu tạo địa chất, thành phần vật chất và điều kiện khai thác tương tự đang khai thác hoặc đã thăm dò trong vùng. Các thông số cần luận giải trong báo cáo:

a) Chỉ tiêu về chất lượng khoáng sản:

- Hàm lượng biên các thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng biên của các thành phần có ích quy định cho mẫu đơn khi ranh giới thân khoáng không rõ ràng;
- Hàm lượng công nghiệp tối thiểu thành phần có ích (hoặc quy đổi về hàm lượng của một thành phần có ích chính quy ước đối với mỏ tổng hợp). Hàm lượng công nghiệp tối thiểu quy định cho các khối tính trữ lượng khoáng sản. Trường hợp đặc biệt có thể quy định cho nhóm khối trữ lượng hoặc toàn mỏ;
- Hàm lượng tối đa đối với thành phần có hại. Chỉ tiêu này quy định cho mẫu đơn và khối tính trữ lượng hoặc toàn mỏ;
- Hệ số chứa quặng tối thiểu trong khối tính trữ lượng. Chỉ tiêu này áp dụng cho các mỏ có sự phân bố khoáng sản có ích không liên tục hoặc dạng ổ, khi trữ lượng đạt chỉ tiêu không thể khoan nổi riêng trên cơ sở các tiêu chuẩn địa chất hoặc điều kiện kinh tế kỹ thuật và việc tính trữ lượng phải thực hiện bằng phương pháp xác suất trong phạm vi đới quặng (vía quặng, thân quặng);

b) Chỉ tiêu về chiều dày tính trữ lượng:

- Chiều dày tối thiểu thân khoáng (vía, thân, mạch quặng, hoặc tích mét phần trăm tối thiểu (hoặc gam.met tối thiểu));
- Chiều dày tối đa cho phép của lớp đá hoặc quặng không đạt chỉ tiêu nằm bên trong thân khoáng được khoan vào ranh giới tính trữ lượng;
- Chiều sâu tối đa tính trữ lượng, chiều dày giới hạn của đá phủ hoặc hệ số bóc đất tối đa.

Ngoài các nội dung trên, tùy thuộc vào đặc điểm cấu tạo địa chất, điều kiện kỹ thuật khai thác mỏ, loại khoáng sản, thành phần vật chất khoáng sản, lĩnh vực sử dụng và yêu cầu công nghiệp cần bổ sung thêm các quy định vào chỉ tiêu cho phù hợp với từng đối tượng cụ thể.

Kết quả tính trữ lượng theo các phương án hàm lượng đã lựa chọn; so sánh và đề xuất chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng tối ưu cho mỏ.

DANH MỤC CÁC TÀI LIỆU THAM KHẢO

Liệt kê các tài liệu đã xuất bản, các nguồn lưu trữ và các nguồn khác đã được sử dụng khi thành lập báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản trình Hội đồng ĐGTLKSQG. Nêu tên tài liệu, tác giả, năm và nơi xuất bản (thành lập).

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO BÁO CÁO

1. **Phụ lục số 1:** Báo cáo luận giải chỉ tiêu tạm thời tính trữ lượng khoáng sản
2. **Phụ lục số 2:** Công tác trắc địa (toàn bộ nội dung công tác trắc địa)
3. **Phụ lục số 3:** Kết quả phân tích các loại mẫu
4. **Phụ lục số 4:** Kết quả tính toán (gồm sai số phân tích mẫu, thống kê hàm lượng, chiều dày theo mẫu đơn, công trình, thân quặng...)
5. **Phụ lục số 5:** Kết quả tính trữ lượng (gồm kết quả tính hàm lượng trung bình công trình, khối trữ lượng, thể trọng, trữ lượng, tài nguyên...)
6. **Phụ lục số 6:** Công tác ĐCTV-ĐCCT (bao gồm toàn bộ các hạng mục của thủy văn và công trình)
7. **Phụ lục số 7:** Công tác Địa vật lý (*nếu có*)
8. **Phụ lục số 8:** Kết quả thí nghiệm mẫu công nghệ
9. **Phụ lục số 9:** Tập thiết đồ công trình (khoan, hào, giếng, lò, vết lộ)

CÁC BẢN VẼ KÈM THEO BÁO CÁO

Các bản vẽ phải thành lập với số lượng ít nhất nhưng đảm bảo đưa vào đầy đủ nhất các tài liệu, thông tin, số liệu thăm dò và thể hiện được cấu trúc, hình dáng, kích thước và thể nằm của thân khoáng, đặc điểm địa chất, ĐCTV và ĐCCT của mỏ.

Bản vẽ phải thành lập rõ ràng, chính xác, chỉ dẫn đầy đủ, đảm bảo tính thống nhất.

Dưới đây là các bản vẽ chủ yếu trong một báo cáo:

- Bản đồ vị trí giao thông khu mỏ tỷ lệ 1:100.000 - 1.200.000 (đóng cùng thuyết minh);
- Sơ đồ lưới khống chế mặt phẳng và độ cao khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000;
- Bản đồ địa hình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất khu vực tỷ lệ 1:10.000 - 1:50.000 và mặt cắt qua mỏ (có thể đóng cùng thuyết minh);
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000);
- Bản đồ địa chất (hoặc địa chất - địa vật lý) khu mỏ tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000 (đối với các mỏ sa khoáng là bản đồ trầm tích đệ tứ, bản đồ địa mạo tỷ lệ 1:1000 - 1:10.000), kèm theo mặt cắt địa chất;
- Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ bản đồ địa chất;

- Bình đồ địa chất, bình đồ lấy mẫu theo tầng (trong trường hợp các công trình thăm dò bố trí theo tầng);
- Các bình đồ đồng đẳng trụ vỉa (thân khoáng), đồng đẳng vách (đối với mỏ khai thác lộ thiên). Bình đồ đồng đẳng hàm lượng thành phần có ích chính, đi kèm, tạp chất có hại. Bình đồ đồng đẳng chiều dày vỉa (thân khoáng), chiều dày đất phủ. Các bình đồ này có tỷ lệ tương ứng với bản đồ địa chất mỏ;
- Biểu đồ nghiên cứu địa vật lý mỏ, bình đồ đo vẽ địa vật lý chi tiết kèm theo vị trí các tuyến; các kết quả xử lý các dị thường đã phát hiện. Bình đồ tổng hợp các dị thường địa vật lý, tỷ lệ 1:2.000 - 1:10.000 dựa theo số liệu nghiên cứu, địa vật lý tổng hợp và ranh giới thân khoáng. Các mặt cắt địa vật lý - địa chất. Các giản đồ karota lỗ khoan;
- Các bình đồ phân khối tính trữ lượng, hình chiếu dọc và mặt cắt tính trữ lượng. Trên các bản vẽ tính trữ lượng phải thể hiện ranh giới các khối tính. Đối với từng khối phải ghi số hiệu và cấp trữ lượng. Con số trữ lượng, hàm lượng trung bình và trữ lượng các khoáng sản có ích chính và đi kèm hoặc các chỉ tiêu về chất lượng trung bình khác được quy định trong chỉ tiêu. Tại các mỏ đang khai thác, trên các bản vẽ này phải đưa ranh giới trữ lượng tính theo số liệu trắc địa mỏ;
- Bản đồ tài liệu thực tế địa chất thủy văn - địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5000
- Bản đồ địa chất thủy văn khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Bản đồ địa chất công trình khu vực thăm dò tỷ lệ 1:1000 - 1:5.000;
- Các mặt cắt ĐCTV, ĐCCT tỷ lệ tương ứng với bản đồ ĐCTV, ĐCCT.
- Các đồ thị khí tượng thủy văn, đồ thị quan trắc động thái nước mặt, nước ngầm. Đồ thị tổng hợp bơm nước thí nghiệm. Các đồ thị quan trắc địa chất công trình (quan trắc trượt lở, bùng nền lò, sụt lún mặt đất v.v...).

12. Thủ tục cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trao kết quả của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ và gửi văn bản xin ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 60 Luật khoáng sản.

- Bước 4. Trình hồ sơ cấp phép

Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ và đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh cấp phép hoặc không cấp phép.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; bản đồ khu vực khai thác khoáng sản; dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt.

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; Quyết định phê duyệt trữ lượng khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; văn bản xác nhận trúng đấu giá trong trường hợp đấu giá quyền khai thác khoáng sản tại khu vực đã có kết quả thăm dò; báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo quyết định phê duyệt của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Quyết định chủ trương đầu tư (đối với

trường hợp nhà đầu tư trong nước), Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài); các văn bản chứng minh vốn chủ sở hữu theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

Trường hợp đề nghị khai thác quặng phóng xạ, kèm theo hồ sơ còn có văn bản thẩm định an toàn của Cục an toàn bức xạ và hạt nhân thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định tại khoản 1 Điều 59 Luật khoáng sản và khoản 1 Điều 51 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP thì Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác khoáng sản chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị khai thác khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

- *Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản:*

+ Trong thời gian không quá 25 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác khoáng sản và kiểm tra thực địa;

+ Trong thời gian không quá 06 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường gửi văn bản lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan về việc cấp Giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 60 Luật khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường, cơ quan được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về các vấn đề liên quan. Sau thời hạn nêu trên mà không có văn bản trả lời thì được coi như cơ quan được lấy ý kiến đã đồng ý. Thời gian lấy ý kiến đến các cơ quan có liên quan không tính vào thời gian thẩm định;

+ Trong thời gian không quá 40 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến việc khai thác khoáng sản và xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- *Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện như sau:*

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh cấp phép quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cấp phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Thông báo và trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác khoáng sản

Trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận được kết quả của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định. Thời gian nêu trên không kể thời gian tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản làm thủ tục nộp tiền cấp quyền khai thác lần đầu.

Tổng thời gian: không quá 120 ngày làm việc.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản.

h) Phí, lệ phí:

Mức thu lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản áp dụng theo quy định tại Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08 tháng 11 năm 2016 của Bộ Tài chính. Cụ thể:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	1.000.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	10.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	15.000.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	15.000.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm	20.000.000

	vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	30.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	40.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	40.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	50.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	60.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	80.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	100.000.000

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 07: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 24, Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 24: Giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm...do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số... ngày... tháng... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Báo cáo kết quả thăm dò (tên khoáng sản)..... tại xã..... huyện...tỉnh... đã được (cơ quan phê duyệt) phê duyệt theo Quyết định số ngày.... tháng.... năm....

Trữ lượng(tên khoáng sản) được phê duyệt:(tấn, m³,...).

Đề nghị được cấp phép khai thác (tên khoáng sản)..... tại khu vực thuộc xã huyện..... tỉnh..... với các nội dung như sau:

Diện tích khu vực khai thác:.....(ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc: có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: (tấn, m³,...).

Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...).

Phương pháp khai thác: (Hầm lò/lộ thiên).

Công suất khai thác: (tấn, m³,...) /năm.

Mức sâu khai thác: từ mức ... m đến mức ... m.

Thời hạn khai thác: năm, kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là:....năm (tháng).

Mục đích sử dụng khoáng sản:.....

Đối với trường hợp đề nghị cấp phép khai thác nước khoáng, nước nóng thiên nhiên cần bổ sung thông tin về công trình khai thác theo các thông số:

Số hiệu,	C.sâu	Tọa độ	Lưu lượng	Hạ thấp	Mức nước	Ghi chú
GK	(m)	X Y	(m ³ /ngày)	Smax (m)	tính (m)	

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

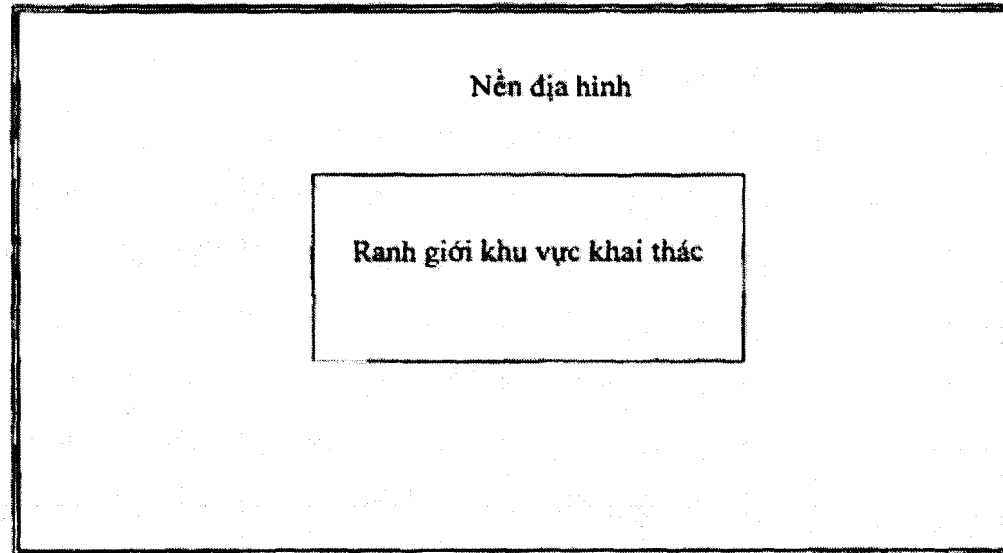
Mẫu số 24 - Phụ lục số 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND
 ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban
 nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trực...múi chiếu ...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích:...ha		



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiếu..., số hiệu..."

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC
KHOÁNG SẢN
(Bìa màu trắng)**

Số

Ngày cấp.....

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày.... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... thángnăm....;

Căn cứ Quy hoạch khoáng sản.....;

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Văn bản xác nhận trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản số ngày... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... (đối với các khu vực đấu giá quyền khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò khoáng sản)/Quyết định số ngày....thángnăm....của..... về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số..... ngày..... tháng.... năm..... của..... về việc phê duyệt trữ lượng ... trong Báo cáo kết quả thăm dò.....;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BTNMT/UBND... ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án Đầu tư xây dựng và khai thác mỏ ... (hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường và Phương án cải tạo phục hồi môi trường...);

Căn cứ ý kiến của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... tại Công văn số..... ngày tháng..... năm..... về việc..... (nếu có);

Căn cứ Giấy chứng nhận đầu tư số ... ngày ... tháng ... năm ... của cấp cho Dự án đầu tư khai thác mỏ ... của (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày tháng... năm.... của (tên tổ chức, cá nhân)..... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)... khai thác (tên khoáng sản) bằng phương pháp ... (lộ thiên; hầm lò ...) tại mỏ ... (tên mỏ) thuộc xã..... huyện... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm góc... có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức ... (m);

(*Đối với giấy phép khai thác nước khoáng, nước nóng cần quy định rõ:*

- *Vị trí công trình khai thác:*

- *Số hiệu giếng khoan, chiều sâu, tọa độ, lưu lượng*

- *Chế độ khai thác*).

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:(tấn, m³,...).

Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...).

Phương pháp khai thác:(hầm lò/lộ thiên/....)

Công suất khai thác: (tấn, m³,...)/năm.

Thời hạn khai thác:....năm..... tháng.

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) theo quy định;

3. Tiến hành hoạt động khai thác (*tên khoáng sản*)... theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.

4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ... để kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ... được ... phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.

6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ;

Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ ... và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

7. Việc quản lý, sử dụng khoáng sản khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;

8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật;

Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, (*tên tổ chức, cá nhân*)... phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định tại Giấy phép này; nộp cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố Sở Công Thương tỉnh/thành phố ... Thiết kế mỏ được người có thẩm quyền phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác, thông báo về giám đốc điều hành mỏ (*trừ trường hợp khai thác nước khoáng*), kế hoạch khai thác, chế biến tại cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo quy định./.

(Đối với giấy phép khai thác nước khoáng, nước nóng cần bổ sung quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện các biện pháp bảo vệ nguồn nước khỏi bị ô nhiễm. Định kỳ quan trắc động thái, kiểm tra chất lượng của nguồn nước và kịp thời khắc phục các biến động xấu; không khai thác quá lưu lượng cho phép và sử dụng nguồn nước theo chỉ định cho phép bằng văn bản của cơ quan Y tế có thẩm quyền).

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HDKS khu vực; (bản sao).

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

*(Kèm theo Giấy phép khai thác số /GP-BTNMT/UBND ngày tháng năm
 của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ... ha		

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

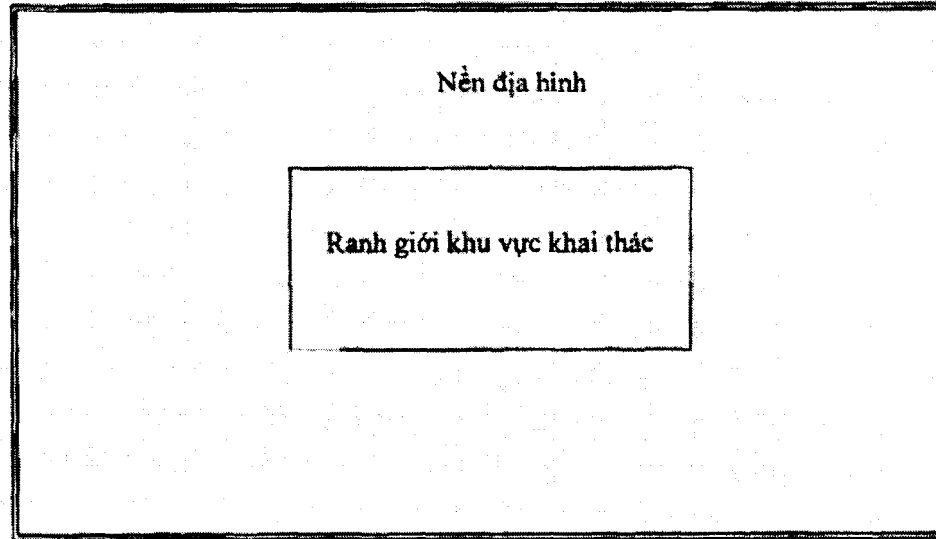
Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND
 ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban
 nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trục...múi chiều ...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích:...ha		



Khung tọa độ



Người thành lập
 (Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
 (Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu...”

13. Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Sở Tài nguyên và Môi trường. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả vào sổ tiếp nhận, trình hồ sơ tới Phòng chuyên môn để thẩm định hồ sơ theo quy định.

- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị gia hạn giấy phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả trả kết quả (giấy phép).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản; bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị gia hạn; báo cáo kết quả hoạt động khai thác tính đến thời điểm đề nghị gia hạn; bản đồ khu vực khai thác khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- *Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- *Thời gian thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

- *Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Trả kết quả giải quyết hồ sơ:*

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

Tổng thời gian: không quá 50 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân

- *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:* Không

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan phối hợp:* Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản

h) Phí, lệ phí: như biểu thu bên dưới:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	500.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	5.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	7.500.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	10.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	15.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	20.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	20.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	30.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	40.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	50.000.000

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 08: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 43: Báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 25, phụ lục số 02: Bản đồ khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

- Mẫu số 25: Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản được xem xét gia hạn khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 45 ngày; trong đó giải trình rõ lý do đề nghị gia hạn.

- Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác đã hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản, cụ thể:

+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

+ Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

+ Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản;

+ Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

- Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật có liên quan.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn, kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo phải phù hợp với Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác ... (tên khoáng sản) tại xã....., huyện....., tỉnh..... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ...)

Trữ lượng khoáng sản được phép khai thác: (tấn, m³,.....).

Trữ lượng còn lại đến thời điểm đề nghị gia hạn:..... (tấn, m³,.....).

Đề nghị gia hạn thời gian khai thác:năm, đến ngày ... tháng ... năm...

Lý do đề nghị gia hạn.....

(có kế hoạch khai thác kèm theo).

(Tên tổ chức, cá nhân) cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI
THÁC**

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp: (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh.....;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn)....., huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp khai thác:(lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:.....(m², ha, km²);
 - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức.....m;
 - Trữ lượng được phép khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
 - Công suất được phép khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn Giấy phép khai thác: (tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày tháng....năm ...
 - Cơ quan ban hành:
 - Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:.....;
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp tiếp tục khai thác: (lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m², ha, km²);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mứcm, đến mứcm;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
- + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
- + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
- Công suất được phép tiếp tục khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

...

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm..... (từ khi được cấp phép) đến ngày.... tháng.... năm....(thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)..... (VND);
2. Tổng vốn đầu tư:(VND);
3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND);
4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.... năm.....):..... (tấn, m³);
5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: (VND/tấn, m³);
6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế..... /thực tế:
7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
 - Khối lượng (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản nguyên khai/(tấn, m³) đưa vào tuyển, làm giàu;:
 - Khối lượng..... (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: (tấn, m³);
 - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: (tấn, m³);
8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);
9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: (tấn, m³);
10. Tổng doanh thu:(VND);
11. Nộp ngân sách Nhà nước: (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên: (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND);
- Thuế môi trường:(VND);
- Tiền thuê đất:(VND)
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (VND).
- Khác (nếu có):
12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản..... (VND).
13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):(tấn, m³).
15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng....năm....):..... (tấn, m³), trong đó:
- Trữ lượng địa chất được phép khai thác..... (tấn, m³);
 - Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận(tấn, m³);
16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):..... (tấn, m³).
17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;
18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;
19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền.....(VNĐ);
20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền..... (VNĐ);
21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày....tháng..... năm....
 2. Thời gian khai thác:..... tháng/năm.
 3. Sản lượng khai thác
- ... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

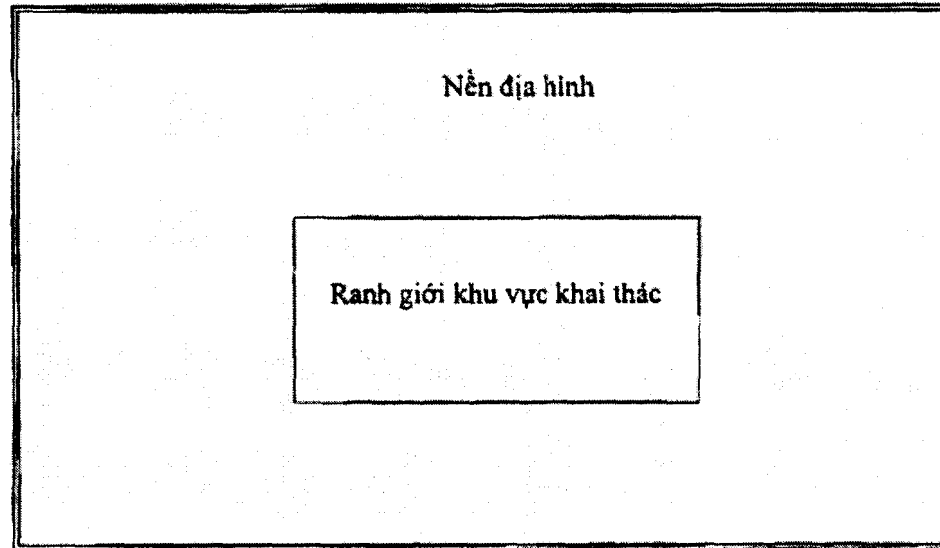
Mẫu số 25, Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND
 ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban
 nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ...ha		



Khung tọa độ



Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu...”

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(GIA HẠN)
BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... thángnăm ...

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... cấp cho ... (tên tổ chức, cá nhân);

Căn cứ Công văn số..... ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.... (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...) (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản của (tên tổ chức, cá nhân) ngày..... tháng..... năm..... nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố ...),

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... đề (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được tiếp tục khai thác (tên khoáng sản)... tại xã....., huyện ..., tỉnh ... đến ngày ... tháng ... năm ...

Điều 2. (*tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp gia hạn giấy phép khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;
2. Tiếp tục thực hiện khai thác trữ lượng còn lại của Giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm

3. Thực hiện đúng các quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản số .../GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm Kết thúc khai thác, thực hiện đóng cửa mỏ, cải tạo phục hồi môi trường theo quy định hiện hành.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký và là bộ phận không tách rời của Giấy phép khai thác khoáng sản số ... /GP-BTNMT/UBND ngày ... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

Phụ lục I

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC

*(Kèm theo Giấy phép khai thác /GP-BTNMT/UBND ngày tháng năm
của Bộ Tài nguyên và Môi trường/ Ủy ban nhân dân tỉnh/ thành phố ...)*

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ... ha		

**BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)**

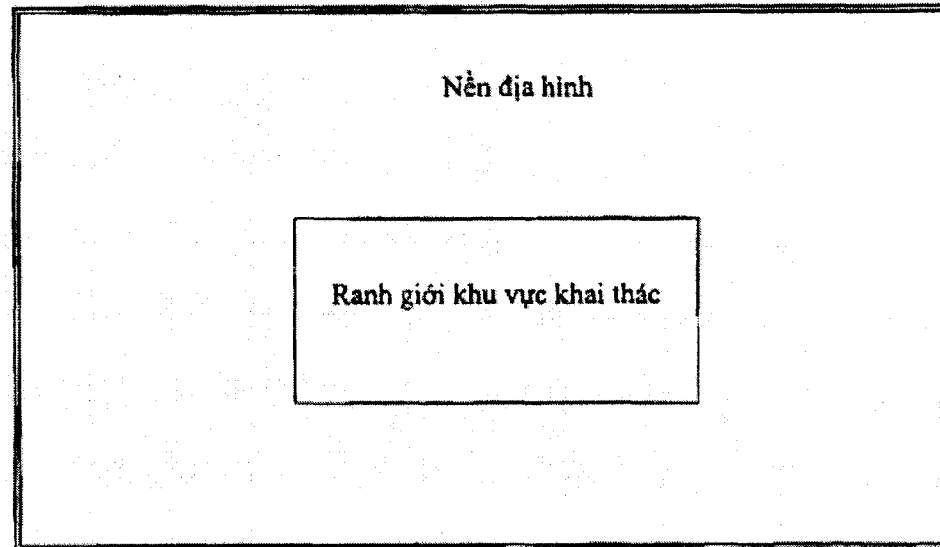
Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND
ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban
nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ...ha		



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trực..., múi chiều..., số hiệu...”

14. Thủ tục chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản

a) Trình tự thực hiện

- *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp chuyển nhượng giấy phép khai thác khoáng sản nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:*

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- *Bước 3. Thẩm định hồ sơ:*

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế vào sổ tiếp nhận, trình hồ sơ tới Phòng chuyên môn để thẩm định hồ sơ theo quy định.

- *Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị gia hạn giấy phép*

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc gia hạn hoặc không gia hạn Giấy phép khai thác khoáng sản

- *Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*

Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả trả kết quả (giấy phép).

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ

- Bản chính: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản; hợp đồng chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản, kèm theo bản kê giá trị tài sản chuyển nhượng; bản đồ khu vực khai thác khoáng sản; bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị chuyển nhượng; báo cáo kết quả khai thác khoáng sản đến thời điểm đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm chuyển nhượng của tổ chức, cá nhân chuyển nhượng;

- Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Giấy đăng ký hoạt động kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng; Giấy đăng ký đầu tư hoặc Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với trường hợp tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài)

* Số lượng hồ sơ: Một (01) bộ.

d) Thời hạn giải quyết

- Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Thời gian thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị chuyển nhượng Giấy phép khai thác khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến chuyển nhượng Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép chuyển nhượng Giấy phép khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng Giấy phép khai thác khoáng sản.

Tổng thời gian: không quá 50 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác khoáng sản

h) Phí, lệ phí: như biểu thu bên dưới:

Số TT	Nhóm Giấy phép khai thác khoáng sản	Mức thu (đồng/giấy phép)
1	Giấy phép khai thác cát, sỏi lòng suối	
a	Có công suất khai thác dưới 5.000 m ³ /năm	500.000
b	Có công suất khai thác từ 5.000 m ³ đến 10.000 m ³ /năm	5.000.000
c	Có công suất khai thác trên 10.000 m ³ /năm	7.500.000
2	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	
a	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm	7.500.000
b	Giấy phép khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác dưới 100.000 m ³ /năm hoặc loại hoạt động khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích dưới 10 ha và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, than bùn trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	10.000.000
c	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường có diện tích từ 10 ha trở lên và công suất khai thác từ 100.000 m ³ /năm trở lên, trừ hoạt động khai thác cát, sỏi lòng suối quy định tại mục 1 của Biểu mức thu này	15.000.000
3	Giấy phép khai thác khoáng sản làm nguyên liệu xi măng; khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường mà có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp; đá ốp lát và nước khoáng	20.000.000
4	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản lộ thiên trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 1, 2, 3, 6, 7 của Biểu mức thu này	
a	Không sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	20.000.000
b	Có sử dụng vật liệu nổ công nghiệp	25.000.000
5	Giấy phép khai thác các loại khoáng sản trong hầm lò trừ các loại khoáng sản đã quy định tại điểm 2, 3, 6 của Biểu mức thu này	30.000.000
6	Giấy phép khai thác khoáng sản quý hiếm	40.000.000
7	Giấy phép khai thác khoáng sản đặc biệt và độc hại	50.000.000

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 10: Đơn đề nghị chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 43: Báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 25, phụ lục số 02: Bản đồ khu vực tiếp tục khai thác khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng đủ điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 2 Điều 53 Luật khoáng sản, bao gồm:

+ Có đăng ký kinh doanh ngành nghề khai thác khoáng sản bao gồm: Doanh nghiệp được thành lập theo Luật doanh nghiệp; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập theo Luật hợp tác xã.

+ Có dự án đầu tư khai thác khoáng sản ở khu vực đã thăm dò, phê duyệt trữ lượng phù hợp với quy hoạch quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 10 của Luật khoáng sản. Dự án đầu tư khai thác khoáng sản phải có phương án sử dụng nhân lực chuyên ngành, thiết bị, công nghệ, phương pháp khai thác tiên tiến phù hợp; đối với khoáng sản độc hại còn phải được Thủ tướng Chính phủ cho phép bằng văn bản;

+ Có báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường hoặc *Kế hoạch bảo vệ môi trường* theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

+ Có vốn chủ sở hữu ít nhất bằng 30% tổng số vốn đầu tư của dự án đầu tư khai thác khoáng sản.

- Tính đến thời điểm chuyển nhượng, tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản đã hoàn thành công việc quy định tại khoản 1 Điều 66 và các nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, d, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản, bao gồm:

+ Đã hoàn thành công tác xây dựng cơ bản, đưa mỏ vào khai thác

+ Nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật;

+ Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ;

+ Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện;

+ Khai thác tối đa khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm; bảo vệ tài nguyên khoáng sản; thực hiện an toàn lao động, vệ sinh lao động và các biện pháp bảo vệ môi trường;

+ Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định;

+ Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra.

- Khu vực được phép khai thác không có tranh chấp về quyền và nghĩa vụ liên quan đến hoạt động khoáng sản.

- Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng đã nộp đủ hồ sơ cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khi thác khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 90 ngày.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29/5/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN KHAI THÁC KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

..... (Tên tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:.....

Được phép khai thác khoáng sản ...(tên khoáng sản) tại xã huyện... tỉnh.... theo Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày tháng ... năm của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố....)

Đề nghị được chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản cho:

..... (Tên tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng)

Trụ sở tại:

Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm....do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Hợp đồng chuyển nhượng số.... ký ngày... tháng... năm... và các văn bản khác liên quan.

Mục đích sử dụng khoáng sản.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân đề nghị chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

Tổ chức, cá nhân nhận chuyển nhượng
(Ký tên, đóng dấu)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI
THÁC**

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp: (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh.....;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn)....., huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp khai thác:(lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:.....(m^2 , ha, km^2);
 - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức.....m;
 - Trữ lượng được phép khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m^3),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m^3);
 - Công suất được phép khai thác: (tấn/năm, m^3 /năm, m^3 /ngày, đêm);
 - Thời hạn Giấy phép khai thác: (tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày tháng....năm ...
 - Cơ quan ban hành:
 - Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:.....;
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp tiếp tục khai thác: (lộ thiên/hầm lò/....);
 - Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m^2 , ha, km^2);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mứcm, đến mứcm;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
- Công suất được phép tiếp tục khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

...

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm..... (từ khi được cấp phép) đến ngày..... tháng.... năm....(thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)..... (VND);
 2. Tổng vốn đầu tư:(VND);
 3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND);
 4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.... năm.....):..... (tấn, m³);
 5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: (VND/tấn, m³);
 6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế..... /thực tế:
 7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
 - Khối lượng (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản nguyên khai/(tấn, m³) đưa vào tuyển, làm giàu;
 - Khối lượng..... (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: (tấn, m³);
 - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: (tấn, m³);
 8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);
 9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: (tấn, m³);
 10. Tổng doanh thu:(VND);
 11. Nộp ngân sách Nhà nước: (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên: (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND);
 - Thuế môi trường:(VND);
 - Tiền thuê đất:(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp (VND).
 - Khác (nếu có):
12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản..... (VND).
 13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):(tấn, m³).
15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng....năm....):..... (tấn, m³), trong đó:
- Trữ lượng địa chất được phép khai thác..... (tấn, m³);
 - Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận(tấn, m³);
16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):..... (tấn, m³).
17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;
18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;
19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền.....(VNĐ);
20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền..... (VNĐ);
21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày....tháng..... năm....
 2. Thời gian khai thác:..... tháng/năm.
 3. Sản lượng khai thác
- ... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

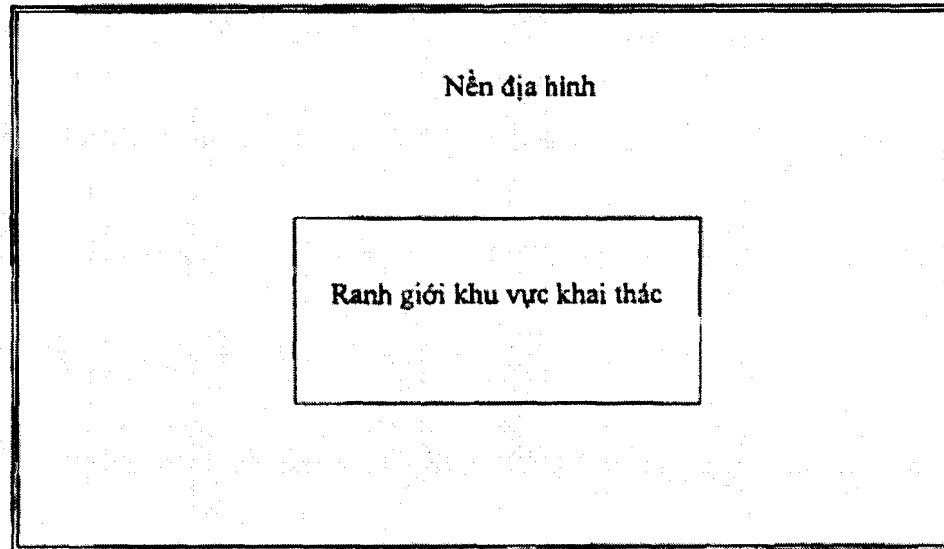
Mẫu số 25, Phụ lục 2

BẢN ĐỒ KHU VỰC TIẾP TỤC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Giấy phép khai thác số...../GP-BTNMT/UBND
 ngày.... tháng....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/Ủy ban
 nhân dân tỉnh/ thành phố ...)

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ...ha		



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

“Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu...”

15. Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ kiểm tra hồ sơ. Trường hợp:

+ Hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thì lập phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì hướng dẫn bổ sung, hoàn thiện hồ sơ.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả vào sổ tiếp nhận, trình hồ sơ tới Phòng chuyên môn để thẩm định hồ sơ theo quy định.

- Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị gia hạn giấy phép

Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định việc cho phép trả lại giấy phép khai thác khoáng sản hoặc không cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Văn phòng Tiếp nhận và Trả kết quả trả kết quả (giấy phép).

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản; bản đồ hiện trạng khai thác mỏ tại thời điểm đề nghị trả lại; Giấy phép khai thác khoáng sản; bản đồ khu vực khai thác khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại; đề án đóng cửa mỏ hoặc đề án đóng cửa một phần khu vực khai thác, trong trường hợp trả lại một phần diện tích khu vực khai thác.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết hồ sơ:

- *Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- *Thời gian thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

- *Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Trả kết quả giải quyết hồ sơ:*

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND tỉnh, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.

Tổng thời gian: không quá 50 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:* Không

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan phối hợp:* Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản hoặc trả lại một phần khu vực khai thác khoáng sản.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 09: Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác khoáng sản (hoặc trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 43: Báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 34, phụ lục số 2: Bản đồ khu vực trả lại một phần diện tích giấy phép khai thác và phần diện tích còn lại tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 34: Quyết định về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác (trả lại một phần diện tích khu vực khai thác) khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN
(HOẶC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại (Giấy phép khai thác khoáng sản số..... ngày.... tháng..... năm...../một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản của Giấy phép số ngày.... tháng năm.....) do Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh...) cấp tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã huyện tỉnh

Đối với trường hợp trả lại một phần diện tích khai thác cần phải có các thông tin sau:

- Diện tích khu vực khai thác:.... (ha, km²).

- Diện tích đề nghị trả lại: (ha, km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục khai thác:..... (ha, km²).

(Diện tích đề nghị trả lại và khu vực đề nghị được tiếp tục khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo).

Lý do đề nghị trả lại

.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI
THÁC**

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp: (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh.....;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn)....., huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp khai thác:(lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:.....(m², ha, km²);
 - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức.....m;
 - Trữ lượng được phép khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
 - Công suất được phép khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn Giấy phép khai thác: (tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày tháng....năm ...
 - Cơ quan ban hành:
 - Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:.....;
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp tiếp tục khai thác: (lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m², ha, km²);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mứcm, đến mứcm;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
- + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
- + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
- Công suất được phép tiếp tục khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

...

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm..... (từ khi được cấp phép) đến ngày..... tháng.... năm....(thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)..... (VND);
 2. Tổng vốn đầu tư:(VND);
 3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND);
 4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.... năm.....):..... (tấn, m³);
 5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: (VND/tấn, m³);
 6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế..... /thực tế:
 7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
 - Khối lượng (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản nguyên khai/(tấn, m³) đưa vào tuyển, làm giàu;
 - Khối lượng..... (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: (tấn, m³);
 - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: (tấn, m³);
 8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);
 9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: (tấn, m³);
 10. Tổng doanh thu:(VND);
 11. Nộp ngân sách Nhà nước: (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên: (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND);
 - Thuế môi trường:(VND);
 - Tiền thuê đất:(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp (VND).
 - Khác (nếu có):
12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản..... (VND).
 13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):(tấn, m³).
15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng....năm....):..... (tấn, m³), trong đó:
- Trữ lượng địa chất được phép khai thác..... (tấn, m³);
 - Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận(tấn, m³);
16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):..... (tấn, m³).
17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;
18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;
19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền.....(VNĐ);
20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền..... (VNĐ);
21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày....tháng..... năm....
 2. Thời gian khai thác:..... tháng/năm.
 3. Sản lượng khai thác
- ... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...)

Mẫu số 34, Phụ lục 2

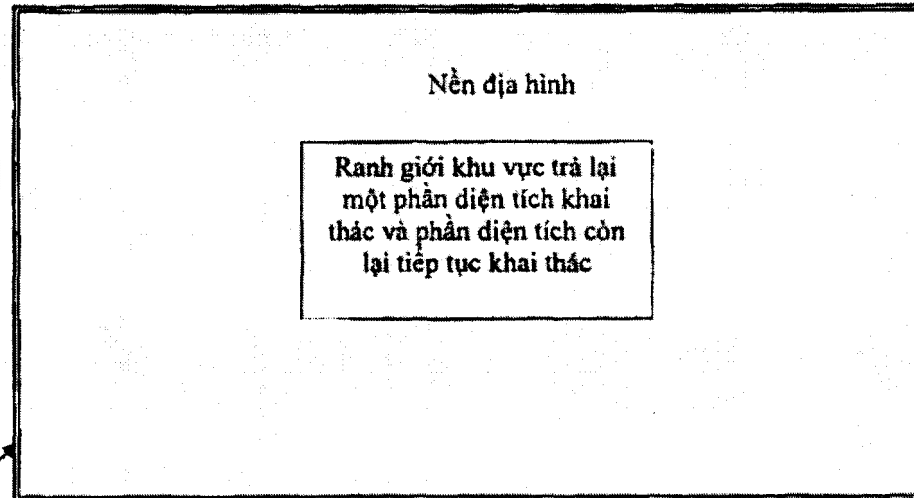
**BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH
 GIẤY PHÉP KHAI THÁC VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP
 TỤC KHAI THÁC**

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....
 (Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT/UBND ngày.... tháng ...
 năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố...

CHỈ DẪN

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục khai thác		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...,
 kinh tuyến trực...,múi chiều..., số hiệu..."

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(UBND TỈNH/THÀNH PHỐ ...)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/QĐ-BTNMT/UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cho phép trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....)

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Nghị định số .../.../ND-CP ngày ... tháng ... năm của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường (Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày ... tháng ... năm ...);

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản/một phần diện tích khai thác khoáng sản của (Tên tổ chức, cá nhân) ngày.... tháng....năm.... kèm theo báo cáo kết quả hoạt động khai thác nộp tại Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam/ Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/ thành phố;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Địa chất và Khoáng sản/Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... được trả lại Giấy phép khai thác khoáng sản số ngày tháng năm.... (trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản.... theo Giấy phép khai thác số....., ngày..... tháng... năm...)

Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản cần quy định cụ thể:

- Diện tích được phép trả lại (ha, km²); trữ lượng:..... (tấn, m³,.....).

- Diện tích tiếp tục khai thác..... (ha, km²), trữ lượng:..... (tấn, m³,...).

(được giới hạn bởi các điểm khép góc.... có tọa độ theo Phụ lục số 1 và Phụ lục số 2 Quyết định này).

- Thời hạn khai thác: năm, đến ngày... tháng... năm....

Điều 2. Kể từ ngày quyết định này có hiệu lực, *(Tên tổ chức, cá nhân)*..... phải chấm dứt hoạt động khai thác khoáng sản ở khu vực (theo Giấy phép đã trả lại hoặc trên diện tích khai thác đã trả lại) và có trách nhiệm:

1. Nộp báo cáo kết quả khai thác, tài liệu liên quan, mẫu vật địa chất (nếu có) cho Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...) theo quy định của pháp luật;

2. Thực hiện việc đóng cửa mỏ để thanh lý (hoặc để bảo vệ); các biện pháp phục hồi môi trường đất đai và các công việc khác liên quan theo quy định của pháp luật.

(Đối với trường hợp cho phép trả lại một phần diện tích khu vực khai thác cần quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong việc thông báo việc thực hiện Quyết định cho phép trả lại và kế hoạch khai thác, hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp tục tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật)

Điều 3. Trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

2. Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường) có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- Cơ quan cấp phép (bản chính);
- Cơ quan tiếp nhận hồ sơ (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao);
- Hội đồng ĐGTLKSQG (bản sao);
- Sở TN&MT tỉnh/thành phố...; (bản sao);
- Cục KS HĐKS khu vực; (bản sao).

BỘ TRƯỞNG
(TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ
CHỦ TỊCH)
(Ký tên, đóng dấu)

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...)

Mẫu số 34, Phụ lục 2

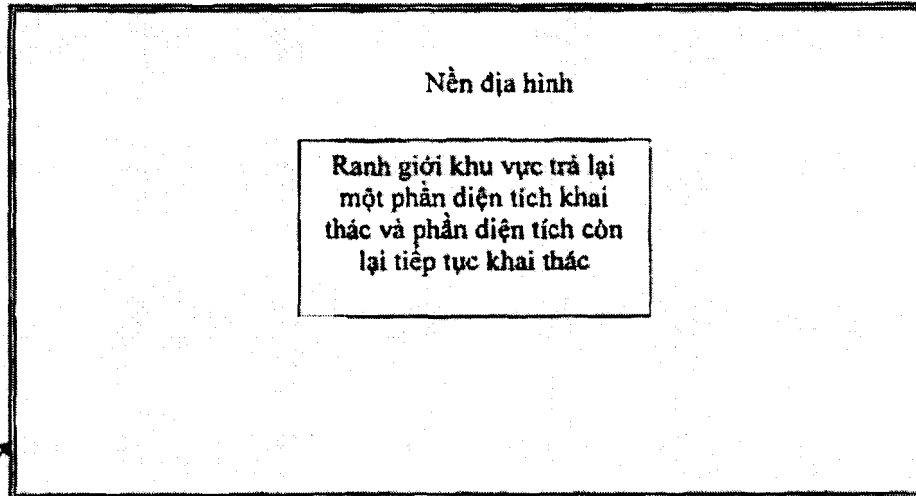
Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trực...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
Khu vực tiếp tục khai thác		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		
Khu vực trả lại		
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

BẢN ĐỒ RANH GIỚI KHU VỰC TRẢ LẠI MỘT PHẦN DIỆN TÍCH GIẤY PHÉP KHAI THÁC VÀ PHẦN DIỆN TÍCH CÒN LẠI TIẾP TỤC KHAI THÁC

(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....
 (Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT/UBND ngày.... tháng ... năm ... của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố...

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...., kinh tuyến trực...múi chiều..., số hiệu..."

16. Thủ tục cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ có văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết.

- Bước 4. Trình hồ sơ cấp phép

Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ và đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp phép hoặc không cấp phép.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

*** Thành phần hồ sơ**

- Bản chính: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản; dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo quyết định phê duyệt.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo quyết định phê duyệt hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường kèm theo văn bản xác nhận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

*** Số lượng hồ sơ: 02 bộ.**

d) Thời hạn giải quyết

- *Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ đề nghị khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường;

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 70 Luật khoáng sản và khoản 1 Điều 52 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ đề nghị khai thác tận thu khoáng sản chưa đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường chỉ thực hiện một lần.

- *Thẩm định hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản và kiểm tra thực địa;

+ Trong thời gian không quá 15 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến khu vực đề nghị khai thác tận thu khoáng sản.

- *Việc trình hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản thực hiện như sau:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cấp phép cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định việc cấp hoặc không cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cấp giấy phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Trả kết quả hồ sơ cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản:*

Trong thời gian 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ cấp phép khai thác tận thu khoáng sản từ UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

Tổng thời gian: không quá 35 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:* Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.
- Cơ quan phối hợp: Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

h) Phí, lệ phí: Khai thác tận thu: 5.000.000 đồng/01giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai

- Mẫu số 13: Đơn đề nghị cấp Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).
- Mẫu số 29, Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).
- Mẫu số 29: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.
- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.
- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.
- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.
- Thông tư số 27/2015/TT-BTNMT ngày 29 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:..... Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số... ngày... tháng... năm...do... (tên cơ quan) cấp; hoặc Giấy phép đầu tư số.... ngày.... tháng.... năm... do ... (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư) cấp.

Đề nghị cấp giấy phép khai thác tận thu (tên khoáng sản)..... tại xã.....huyện..... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:(ha, km²), được giới hạn bởi các điểm góc: có tọa độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:..... (tấn, m³,.....).

Trữ lượng khai thác: (tấn, m³,...)

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...)

Mức sâu khai thác: từ mức ... m đến mứcm.

Thời gian khai thác năm, kể từ ngày được cấp giấy phép.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....

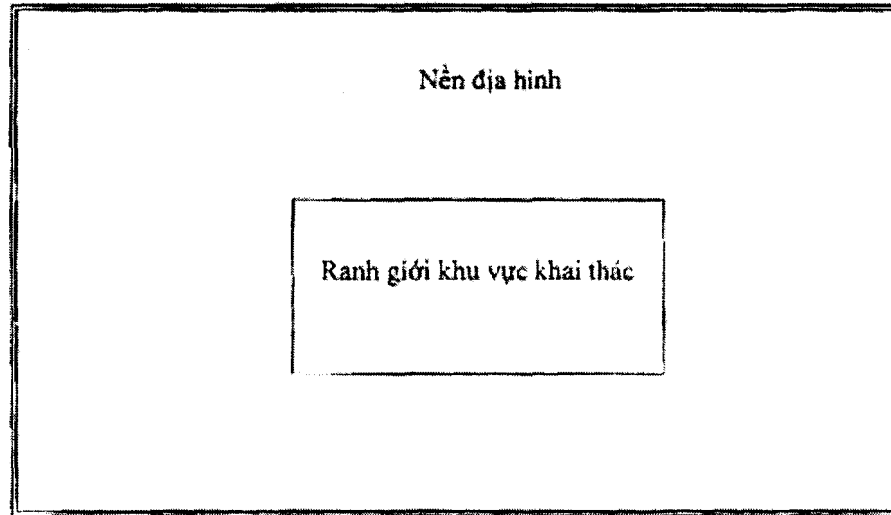
Mẫu số 29, Phụ lục 2

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

BẢN ĐỒ KHU VỰC KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh....
 (Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số...../GP-UBND ngày.... tháng.....năm.....của UBND tỉnh/ thành phố...)

CHỈ DẪN



Khung tọa độ



Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiều..., số hiệu..."

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....

(Quốc huy)

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC
TẶN THU KHOÁNG SẢN**
(Bìa màu trắng)

Số.....

Ngày cấp.....

UBND TỈNH/THÀNH PHỐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/GP-UBND

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

Căn cứ Luật khoáng sản ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày tháng ... năm

Căn cứ Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản; mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số ngày tháng....năm của..... về việc phê duyệt Báo cáo kết quả thăm dò.....;

Căn cứ Quyết định số.... ngày tháng....năm của về việc phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường/Kê hoạch bảo vệ môi trường và phương án cải tạo phục hồi môi trường;

Căn cứ Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản số ngày ... tháng ... năm ... của ...;

Căn cứ Giấy phép đầu tư số.... ngày... tháng... năm... của (Cơ quan cấp giấy phép đầu tư)..... (nếu có);

Xét Đơn và hồ sơ đề nghị cấp phép khai thác khoáng sản ngày..... tháng.... năm..... của..... nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép (*Tên tổ chức, cá nhân*)... được khai thác tận thu (tên khoáng sản) bằng phương pháp (lộ thiên, hầm lò ...) tại (tên khu vực).... thuộc xã..... huyện... tỉnh.....

Diện tích khu vực khai thác:..... (ha, km²) được giới hạn bởi các điểm góc... có tọa độ xác định theo Phụ lục 1 và Phụ lục số 2 Giấy phép này.

Mức sâu khai thác thấp nhất: đến mức..... (m);

Trữ lượng:

- Trữ lượng địa chất..... (tấn, m³,...);

- Trữ lượng khai thác..... (tấn, m³,...);

Thân khoáng

Công suất khai thác:..... (tấn, m³,...).

Thời hạn khai thác:....năm

Điều 2. (*Tên tổ chức, cá nhân*)..... có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp giấy phép khai thác khoáng sản, các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành;

2. Nộp tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản (tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) theo quy định;

3. Tiến hành hoạt động khai thác (**tên khoáng sản**)... theo đúng tọa độ, diện tích, mức sâu, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 của Giấy phép này.
4. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo đúng quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định; báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh ... (Sở Tài nguyên Môi trường...) kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cấm mốc giới phạm vi khu vực được phép khai thác; phải thực hiện thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật.
5. Thực hiện đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án ... được ... phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện việc ký quỹ phục hồi môi trường theo quy định.
6. Trong quá trình khai thác, phải thực hiện đúng và đầy đủ các phương pháp, quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn kỹ thuật, an toàn công trình mỏ, an toàn vật liệu nổ; phải có các biện pháp phòng, chống các sự cố, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ; Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ ... và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền;
7. Việc quản lý, sử dụng các sản phẩm khai thác, chế biến phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật hiện hành;
8. Thường xuyên thực hiện việc kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật; Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.
9. Thực hiện việc đóng cửa mỏ; phục hồi môi trường, đất đai sau khai thác; báo cáo định kỳ trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và các quy định khác có liên quan.

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trước khi tiến hành khai thác, (**tên tổ chức, cá nhân**)... phải nộp thiết kế mỏ, kế hoạch khai thác cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố..., ký quỹ môi trường, ký hợp đồng thuê đất và đăng ký hoạt động sản xuất kinh doanh tại các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- (Tên tổ chức, cá nhân) (bản chính);
- UBND tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Sở TNMT tỉnh/thành phố... (bản chính);
- Tổng cục ĐC&KS VN; (bản sao).

TM. UBND TỈNH/THÀNH PHỐ...
CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ...

Phụ lục 1

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC

(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số /GP-UBND ngày tháng năm của Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố...)

Điểm góc	Hệ tọa độ VN-2000 (Kinh tuyến trục ... múi chiếu...)	
	X (m)	Y (m)
1		
2		
...		
n		
Diện tích: ... ha		

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....

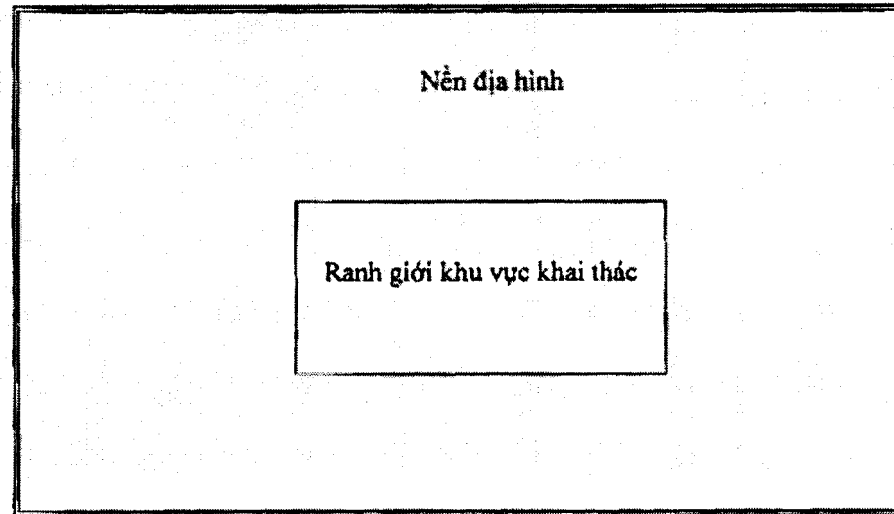
Phụ lục 2

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiếu...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		

**BẢN ĐỒ KHU VỰC
KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN**
(tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
(Kèm theo Giấy phép khai thác tận thu số...../GP-UBND ngày.... tháng.....năm.....của UBND tỉnh/ thành phố...)

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....

"Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ..., kinh tuyến trục..., múi chiếu..., số hiệu..."

17. Thủ tục gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1. Nộp hồ sơ

Tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Bước 2. Kiểm tra hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ khi hồ sơ đã đầy đủ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- Bước 3. Thẩm định hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết.

- Bước 4. Trình hồ sơ

Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính

Sở Tài nguyên và Môi trường trả kết quả giải quyết hồ sơ cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

*** Thành phần hồ sơ:**

- Bản chính: Đơn đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị gia hạn

*** Số lượng hồ sơ: 02 bộ.**

d) Thời hạn giải quyết:

- Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- *Thời gian thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- *Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Trả kết quả giải quyết hồ sơ:*

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Tổng thời gian: không quá 50 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:* Không.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan phối hợp:* Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản mới.

h) Phí, lệ phí: Gia hạn Giấy phép khai thác tận thu: 2.500.000 đồng/01giấy phép.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 14: Đơn đề nghị gia hạn giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban

hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 43: Báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Đã nộp đủ hồ sơ đề nghị gia hạn Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ khi Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản còn hiệu lực ít nhất là 15 ngày; trong đó giải trình rõ lý do đề nghị gia hạn.

- Có báo cáo kết quả hoạt động khai thác khoáng sản, trong đó chứng minh rõ đến thời điểm đề nghị gia hạn chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- Đến thời điểm đề nghị gia hạn, tổ chức, cá nhân được cấp phép khai thác đã hoàn thành các nghĩa vụ: Lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, thuế, phí và thực hiện các nghĩa vụ về tài chính khác theo quy định của pháp luật; Bảo đảm tiến độ xây dựng cơ bản mỏ và hoạt động khai thác xác định trong dự án đầu tư khai thác khoáng sản, thiết kế mỏ; Đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày bắt đầu khai thác với cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp giấy phép và thông báo cho Ủy ban nhân dân các cấp nơi có mỏ trước khi thực hiện; Thu thập, lưu giữ thông tin về kết quả thăm dò nâng cấp trữ lượng khoáng sản và khai thác khoáng sản; Báo cáo kết quả khai thác khoáng sản cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường; Bồi thường thiệt hại do hoạt động khai thác khoáng sản gây ra (quy định tại các điểm b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật Khoáng sản).

- Đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trong việc bảo vệ môi trường, sử dụng đất, nước, hạ tầng kỹ thuật trong hoạt động khoáng sản theo quy định của pháp luật về khoáng sản và pháp luật có liên quan.

- Tại thời điểm đề nghị gia hạn, kế hoạch khai thác khoáng sản tiếp theo phải phù hợp với quy hoạch khoáng sản đã phê duyệt: Quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản làm vật liệu xây dựng cả nước và quy hoạch khai thác, sử dụng từng loại, nhóm khoáng sản khác cả nước hoặc Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (quy định tại điểm c hoặc điểm d khoản 1 Điều 10 Luật khoáng sản).

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

- Thông tư số 191/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thăm định đánh giá trữ lượng khoáng sản và lệ phí cấp giấy phép hoạt động khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU
KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Được phép khai thác tận thu(tên khoáng sản)..... tại xã..... huyện.....
theo Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số ngày.... tháng... năm... của Ủy ban
nhân dân tỉnh/thành phố...

Đề nghị được gia hạn thời gian khai thác tận thu:năm, đến ngày ... tháng ... năm
...

Trữ lượng khai thác còn lại:(tấn, m³,...)

Lý do xin gia hạn.....

.....

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp
luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

**(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI
THÁC**

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp: (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh.....;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn)....., huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp khai thác:(lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:.....(m², ha, km²);
 - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức.....m;
 - Trữ lượng được phép khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
 - Công suất được phép khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đê);
 - Thời hạn Giấy phép khai thác: (tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày tháng....năm ...
 - Cơ quan ban hành:
 - Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:.....;
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp tiếp tục khai thác: (lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m², ha, km²);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mứcm, đến mứcm;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
- + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
- + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
- Công suất được phép tiếp tục khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

...

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng....năm..... (từ khi được cấp phép) đến ngày..... tháng.... năm....(thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)..... (VND);
2. Tổng vốn đầu tư:(VND);
3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND);
4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng..... năm.....):..... (tấn, m³);
5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: (VND/tấn, m³);
6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế..... /thực tế:
7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
 - Khối lượng (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản nguyên khai/(tấn, m³) đưa vào tuyển, làm giàu;
 - Khối lượng..... (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: (tấn, m³);
 - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: (tấn, m³);
8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);
9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: (tấn, m³);
10. Tổng doanh thu:(VND);
11. Nộp ngân sách Nhà nước: (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên: (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND);
- Thuế môi trường:(VND);
- Tiền thuê đất:(VND)
- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);
- Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
- Thuế thu nhập doanh nghiệp (VND).
- Khác (nếu có):
12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản..... (VND).
13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):(tấn, m³).
15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng....năm....):..... (tấn, m³), trong đó:
- Trữ lượng địa chất được phép khai thác..... (tấn, m³);
 - Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận(tấn, m³);
16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):..... (tấn, m³).
17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;
18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;
19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền.....(VNĐ);
20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền..... (VNĐ);
21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày....tháng..... năm....
 2. Thời gian khai thác:..... tháng/năm.
 3. Sản lượng khai thác
- ... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

18. Thủ tục trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản

a) Trình tự thực hiện

- *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ khi hồ sơ đã đầy đủ theo quy định.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc ban hành văn bản hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- *Bước 3. Thẩm định hồ sơ*

Sở Tài nguyên và Môi trường tiến hành thẩm định hồ sơ và lấy ý kiến của các cơ quan nhà nước có liên quan khi cần thiết.

- *Bước 4. Trình hồ sơ*

Sở Tài nguyên và Môi trường trình hồ sơ cho Ủy ban nhân dân tỉnh để Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- *Bước 5. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính*

Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản để nhận kết quả.

b) Cách thức thực hiện

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ

* Thành phần hồ sơ

- Bản chính: Đơn đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản; báo cáo kết quả khai thác tận thu khoáng sản tính đến thời điểm trả lại giấy phép; đề án đóng cửa mỏ.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại khoản 2 Điều 69 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị trả lại.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- *Việc tiếp nhận hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu theo đúng quy định thì cơ quan tiếp nhận ban hành phiếu tiếp nhận hồ sơ.

+ Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc dù nhưng nội dung văn bản, tài liệu trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, yêu cầu bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ của cơ quan tiếp nhận hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

- *Thời gian thẩm định hồ sơ thực hiện như sau:*

+ Trong thời gian không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày có phiếu tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn thành việc kiểm tra tọa độ, diện tích khu vực đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 30 ngày làm việc, Sở Tài nguyên và Môi trường phải hoàn thành việc thẩm định các tài liệu, hồ sơ và các nội dung khác có liên quan đến trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

- *Trình hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp phép:*

+ Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn thành các công việc nêu trên, Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hoàn chỉnh và trình hồ sơ cho UBND tỉnh cấp phép;

+ Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND tỉnh quyết định việc cho phép hoặc không cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản. Trong trường hợp không cho phép thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- *Trả kết quả giải quyết hồ sơ:*

Trong thời gian không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ của UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

Tổng thời gian: không quá 50 ngày làm việc.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- *Cơ quan có thẩm quyền quyết định:* Ủy ban nhân dân tỉnh.

- *Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện:* Không.

- *Cơ quan trực tiếp thực hiện:* Sở Tài nguyên và Môi trường.

- *Cơ quan phối hợp:* Không.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định cho phép trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản.

h) Phí, lệ phí: Không.

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 15: Đơn đề nghị trả lại giấy phép khai thác tận thu khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 43: Báo cáo về hoạt động khai thác khoáng sản và kế hoạch tiếp tục khai thác (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày

26/12/2016).

- Mẫu số 02: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/ 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

ĐƠN ĐỀ NGHỊ TRẢ LẠI GIẤY PHÉP KHAI THÁC TẬN THU KHOÁNG SẢN

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố

(Tên tổ chức, cá nhân)

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Đề nghị được trả lại Giấy phép khai thác tận thu khoáng sản số..... ngày.... tháng..... năm..... do Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... cấp tại mỏ (tên mỏ) thuộc xã huyện tỉnh

Lý do đề nghị trả lại:

.....
 (Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
 (Ký tên, đóng dấu)

(TỔ CHỨC, CÁ NHÂN ĐƯỢC
PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

Địa danh, ngày.... tháng.... năm

**BÁO CÁO
HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC KHOÁNG SẢN VÀ KẾ HOẠCH TIẾP TỤC KHAI
THÁC**

(Trong trường hợp gia hạn, điều chỉnh,... giấy phép khai thác)

Kính gửi: - Bộ Tài nguyên và Môi trường (1),
- Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....

I. Phần chung

1. Tổ chức, cá nhân:
2. Loại hình doanh nghiệp: (Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Doanh nghiệp khác...);
3. Địa chỉ:.....;
- Điện thoại:; Fax:
4. Người đại diện theo pháp luật:
 - Họ và tên
 - Năm sinh.....;
5. Giấy phép khai thác khoáng sản số:..... ngày... tháng.... năm.....
 - Loại khoáng sản được phép khai thác:
 - Cơ quan cấp phép
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường, thị trấn)....., huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp khai thác:(lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực khai thác:.....(m², ha, km²);
 - Độ cao khai thác: từ mức.....m, đến mức.....m;
 - Trữ lượng được phép khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
 - Công suất được phép khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày, đêm);
 - Thời hạn Giấy phép khai thác: (tháng, năm);
6. Giấy phép khai thác khoáng sản (gia hạn) số.... ngày tháng....năm ...
 - Cơ quan ban hành:
 - Loại khoáng sản được phép tiếp tục khai thác:.....;
 - Vị trí mỏ: thôn....., xã (phường), huyện (thị xã, thành phố), tỉnh (thành phố)
 - Phương pháp tiếp tục khai thác: (lộ thiên/hầm lò/.....);
 - Diện tích khu vực tiếp tục khai thác:..... (m², ha, km²);

- Chiều cao tiếp tục khai thác: từ mứcm, đến mứcm;
- Trữ lượng được phép tiếp tục khai thác:
 - + Trữ lượng địa chất(tấn, m³),
 - + Trữ lượng khai thác(tấn, m³);
- Công suất được phép tiếp tục khai thác: (tấn/năm, m³/năm, m³/ngày-đêm);
- Thời hạn được phép tiếp tục khai thác: (tháng, năm);

II. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản

II.1. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từng năm

...

II.2. Kết quả hoạt động khai thác, chế biến từ ngày.... tháng...năm.... (từ khi được cấp phép) đến ngày.... tháng... năm....(thời điểm báo cáo):

1. Tổng tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (hoặc tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản)..... (VND);
 2. Tổng vốn đầu tư:(VND);
 3. Tổng tiền đã ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản:(VND);
 4. Sản lượng khai thác khoáng sản theo thực tế từ khi được cấp phép (ngày...tháng... năm...) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng..... năm.....):..... (tấn, m³);
 5. Giá thành khai thác trung bình hàng năm: (VND/tấn, m³);
 6. Hệ số tổn thất trong khai thác trung bình: thiết kế..... /thực tế:
 7. Hoạt động tuyển, phân loại, làm giàu:
 - Khối lượng (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản nguyên khai/(tấn, m³) đưa vào tuyển, làm giàu::
 - Khối lượng..... (tấn, m³), hàm lượng khoáng sản sau tuyển, làm giàu: (tấn, m³);
 - Khối lượng khoáng sản đi kèm thu hồi được: (tấn, m³);
 8. Khối lượng khoáng sản đã xuất khẩu (nếu có):(tấn, m³);
 9. Tổng khối lượng khoáng sản đã tiêu thụ trong kỳ báo cáo: (tấn, m³);
 10. Tổng doanh thu:(VND);
 11. Nộp ngân sách Nhà nước: (VND);
- Trong đó: - Thuế Tài nguyên: (VND);
- Thuế xuất khẩu khoáng sản(VND);
 - Thuế môi trường:(VND);
 - Tiền thuê đất:(VND)
 - Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản/tiền trúng đấu giá quyền khai thác khoáng sản: (VND);
 - Phí bảo vệ môi trường trong khai thác khoáng sản: (VND);
 - Thuế thu nhập doanh nghiệp (VND).
 - Khác (nếu có):
12. Tiền ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản..... (VND).
 13. Hoàn trả chi phí điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản, chi phí thăm dò khoáng sản:..... (VND);

14. Trữ lượng địa chất đã khai thác từ khi được cấp phép (ngày...tháng.... năm....) đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng.....năm.....):(tấn, m³).

15. Trữ lượng địa chất còn lại tính đến thời điểm báo cáo (ngày...tháng....năm....):..... (tấn, m³), trong đó:

- Trữ lượng địa chất được phép khai thác..... (tấn, m³);

- Trữ lượng địa chất tăng giảm do thăm dò nâng cấp trong thời gian khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận(tấn, m³);

16. Tổng sản lượng khoáng sản nguyên khai đã khai thác từ khi cấp phép tính đến thời điểm báo cáo (ngày 31/12/20...):..... (tấn, m³).

17. Công tác bồi thường, hỗ trợ tái định cư cho tổ chức, cá nhân đang sử dụng đất bị thu hồi để thực hiện dự án khai thác khoáng sản.....;

18. Số lao động sử dụng (ghi rõ số lao động là người địa phương tại xã nơi có hoạt động khai thác khoáng sản) và thu nhập bình quân/năm.....;

19. Xây dựng hạ tầng kỹ thuật (đường sá, cầu cống...) quy đổi thành tiền.....(VNĐ);

20. Xây dựng công trình công cộng (trường học, nhà trẻ.....) quy đổi thành tiền..... (VNĐ);

21. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã áp dụng trong khai thác...../giải pháp phục hồi môi trường sau khai thác...

22. Đánh giá chung

Đánh giá chung về việc áp dụng công nghệ, thiết bị khai thác trong thực tế. Đánh giá về những biến động về chất lượng, trữ lượng khoáng sản thực tế trong thời kỳ báo cáo so với tài liệu địa chất đã được duyệt. Nếu có biến động (tăng/giảm) trữ lượng, thay đổi chất lượng phát hiện trong quá trình khai thác cần lập thành báo cáo với các tài liệu, bảng biểu kèm theo chứng minh cho các nhận định.

III. Kế hoạch, sản lượng (công suất) khai thác tiếp theo

1. Tiếp tục khai thác: từ ngày....tháng..... năm....

2. Thời gian khai thác:..... tháng/năm.

3. Sản lượng khai thác

... (dự kiến theo từng năm)

Tổ chức, cá nhân
(Ký tên, đóng dấu)

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

Địa danh, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG
SẢN
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, Năm 20...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ.....:

- Các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản có liên quan;
- Giấy phép khai thác khoáng sản số.....;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.... được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày tháng năm của.....;
- Thiết kế mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày tháng năm 20....của.....;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ.....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số.....ngày tháng năm của.....;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng, đơn giá trồng cây.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng cửa toàn bộ khu vực khai thác), trong đó làm rõ:

Đóng cửa mỏ để đưa mỏ trở lại trạng thái an toàn (như: Bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác... đối với khai thác lộ thiên; hay phá hủy toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển..., đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò); đóng cửa mỏ để bảo vệ do chưa khai thác hết trữ lượng trong khu vực đã cấp phép hay mục đích của việc lập Đề án là để thanh lý toàn bộ trữ lượng đã cấp phép?

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;
- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo đề án/dự án/phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong/lò khai thác), các công trình phụ trợ trên mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình...., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ

Nêu khái quát quá trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông tin cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của dự án đầu tư.

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa dự án đầu tư và thiết kế mỏ theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất-mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác

(tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết/Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép;

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Phương án đóng cửa mỏ

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án đóng cửa mỏ khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra (lưu ý: tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy moong kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
...	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án/cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản;
- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;
- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;
- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);

- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;
- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hóa học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (moong khai thác, đường lò chợ...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.
- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.

19. Thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản

a) Trình tự thực hiện

- *Bước 1. Nộp hồ sơ:* Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản nộp hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế.

- *Bước 2. Kiểm tra hồ sơ:* Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra văn bản, tài liệu có trong hồ sơ. Trường hợp văn bản, tài liệu có trong hồ sơ bảo đảm đúng quy định thì ban hành văn bản tiếp nhận hồ sơ.

Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ văn bản, tài liệu theo quy định hoặc đủ nhưng nội dung văn bản, tài liệu có trong hồ sơ chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ.

- *Bước 3. Thẩm định hồ sơ:* Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kết quả xem xét hồ sơ; tổ chức kiểm tra tại thực địa; lấy ý kiến nhận xét, phản biện của các chuyên gia về đề án đóng cửa mỏ khoáng sản lập tờ trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ.

- *Bước 4. Trình hồ sơ, đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:* Sở Tài nguyên và Môi trường căn cứ vào kết quả thẩm định hồ sơ, lập Tờ trình, trình hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

- *Bước 5. Trả kết quả phê duyệt đề án đóng cửa mỏ:* Trong thời gian không quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

- *Bước 6. Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt:* Tổ chức, cá nhân thực hiện nội dung đóng cửa mỏ theo đúng đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã được phê duyệt.

- *Bước 7. Nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:* Tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản sau khi hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc đóng cửa mỏ theo đề án đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt có văn bản báo cáo kết quả thực hiện đề án gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản và đề nghị nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ.

- *Bước 8. Trình hồ sơ đề nghị đóng cửa mỏ:* Trong thời gian không quá 05 (năm) ngày làm việc, kể từ khi kết thúc nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, Sở Tài nguyên và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình UBND tỉnh phê duyệt đóng cửa mỏ.

- *Bước 9. Quyết định đóng cửa mỏ:* Trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả của UBND tỉnh.

- *Bước 10. Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:* Trong thời gian không

quá 02 (hai) ngày làm việc, kể từ khi nhận được quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản từ UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ có liên quan theo quy định.

b) Cách thức thực hiện:

Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Thừa Thiên Huế hoặc đăng ký nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công Thừa Thiên Huế (website: <https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn>)

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

* Thành phần hồ sơ:

- Bản chính: Đơn đề nghị phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; đề án đóng cửa mỏ khoáng sản; bản đồ hiện trạng khu vực khai thác khoáng sản tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản báo cáo tình hình thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường đến thời điểm đóng cửa mỏ.

- Bản chính hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu: Giấy phép khai thác khoáng sản; phương án cải tạo, phục hồi môi trường, kèm theo quyết định phê duyệt; các văn bản chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ quy định tại các điểm a, b, c, đ, e và g khoản 2 Điều 55 Luật khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ.

* Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

d) Thời hạn giải quyết:

- Kiểm tra hồ sơ: tối đa 05 ngày làm việc.

- Thẩm định đề án đóng cửa mỏ:

+ Trong thời gian không quá 03 ngày kể từ ngày tiếp nhận, cơ quan tiếp nhận kiểm tra hồ sơ. Trường hợp hồ sơ đầy đủ và hợp lệ thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ viết Phiếu tiếp nhận hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định hoặc đủ nhưng chưa bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ. Việc hướng dẫn, bổ sung hồ sơ chỉ thực hiện một lần.

+ Trong thời gian không quá 10 ngày, kể từ ngày có Phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải gửi hồ sơ lấy ý kiến nhận xét phản biện của thành viên Hội đồng; mời đại diện thành viên Hội đồng tham gia kiểm tra thực địa (trong trường hợp cần thiết).

Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, tổ chức, cá nhân được gửi lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản về nội dung đề án đóng cửa mỏ và các vấn đề có liên quan. Sau thời hạn nêu trên, nếu không có văn bản trả lời coi như đã đồng ý.

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến nhận xét, phản biện, cơ quan tiếp nhận hồ sơ tổng hợp ý kiến góp ý, lập tờ trình báo cáo Chủ tịch Hội đồng thẩm định để tổ chức phiên họp Hội đồng.

Trong thời gian 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình của cơ quan tiếp nhận hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng quyết định thời điểm tổ chức phiên họp Hội đồng. Nội dung thẩm định đề án đóng cửa mỏ khoáng sản thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 45 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP.

+ Trong thời gian không quá 06 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp, Chủ tịch Hội đồng thẩm định hoàn thành Biên bản họp Hội đồng. Trường hợp phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ, trong đó nêu rõ lý do phải bổ sung, hoàn chỉnh hoặc chưa thông qua đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, kèm theo Biên bản họp Hội đồng thẩm định.

Thời gian tổ chức, cá nhân bổ sung, hoàn thiện hoặc lập lại đề án đóng cửa mỏ khoáng sản không tính vào thời gian thẩm định.

+ Trình phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản:

* Trường hợp đề án đóng cửa mỏ khoáng sản được Hội đồng thẩm định thông qua, trong thời gian không quá 08 ngày, kể từ ngày kết thúc phiên họp Hội đồng hoặc nhận được văn bản bổ sung, hoàn chỉnh đề án của tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có), cơ quan tiếp nhận hoàn chỉnh và trình hồ sơ phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản cho cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

* Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được Tờ trình, kèm theo hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản ban hành quyết định phê duyệt đề án; trường hợp không phê duyệt đề án, phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

* Trong thời gian không quá 02 ngày, kể từ khi nhận được quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

Tổng thời gian phê duyệt đề án đóng cửa mỏ: không quá 63 ngày làm việc.

- Thời gian và trình tự kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản

+ Sau khi hoàn thành các hạng mục và khối lượng công việc theo đề án đóng cửa mỏ khoáng sản đã phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản có văn bản báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản gửi cơ quan tiếp nhận hồ sơ đóng cửa mỏ khoáng sản để tổ chức nghiệm thu.

Thời gian kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và ban hành quyết định đóng cửa mỏ không quá 30 ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

+ Trong thời gian không quá 15 ngày kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ lấy ý kiến bằng văn bản cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản và cơ quan khác có liên quan trước khi tổ chức kiểm tra thực địa để xác minh kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

Kết quả kiểm tra thực địa việc thực hiện các hạng mục công trình trong đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và kết quả hoàn thành các hạng mục công trình cải tạo, phục hồi môi trường phải thể hiện trong Biên bản kiểm tra thực địa.

Tổng thời gian kiểm tra, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản: không quá 45 ngày làm việc.

- Trình tự ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản:

+ Trong thời gian không quá 05 ngày, kể từ khi kết thúc kiểm tra thực địa về kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ, cơ quan tiếp nhận hoàn thiện hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều này và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản;

+ Trong thời hạn không quá 07 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ của cơ quan tiếp nhận, cơ quan có thẩm quyền ban hành quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, trường hợp không đồng ý ban hành quyết định thì phải có trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

+ Trong thời gian không quá 03 ngày, kể từ khi nhận được Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thông báo cho tổ chức, cá nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản để nhận kết quả và thực hiện các nghĩa vụ khác có liên quan theo quy định.

Tổng thời gian ban hành quyết định đóng cửa mỏ: không quá 15 ngày làm việc.

Tổng thời gian phê duyệt đề án đóng cửa mỏ và quyết định đóng cửa mỏ: không quá 123 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân

e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được ủy quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện: Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Cơ quan phối hợp: Chi cục Bảo vệ môi trường trường, Ủy ban nhân dân cấp huyện.

g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt đề án đóng cửa mỏ khoáng sản và Quyết định đóng cửa mỏ khoáng sản.

h) Phí, lệ phí: Không

i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Mẫu số 21: Mẫu Đơn đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản) (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 02: Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

- Mẫu số 32 - Phụ lục số 2: Bản đồ khu vực đóng cửa mỏ khoáng sản (Ban hành kèm theo Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016).

k) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

- Tổ chức cá, nhân đề nghị đóng cửa mỏ khoáng sản phải lập đề án đóng cửa mỏ khoáng sản trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép khai thác khoáng sản quy định tại Điều 82 Luật khoáng sản phê duyệt trước khi thực hiện.

- Đã khai thác hết toàn bộ hoặc một phần trữ lượng.

- Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực nhưng chưa khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong khu vực khai thác khoáng sản.

l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoáng sản 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010.

- Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoáng sản.

- Nghị định số 19/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Địa danh, ngày... tháng... năm...

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN/ĐÓNG CỬA MỘT
PHẦN DIỆN TÍCH KHU VỰC KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Bộ Tài nguyên và Môi trường
(Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố.....)

(Tên tổ chức, cá nhân).....

Trụ sở tại:

Điện thoại:....., Fax.....

Thực hiện Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh/thành phố...) về việc phê duyệt Đề án đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Biên bản kiểm tra thực địa, nghiệm thu kết quả thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản do Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh/thành phố...) phối hợp với ... thực hiện ngày tháng năm

Đề nghị được đóng cửa mỏ khoáng sản/đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản số ... ngày.... tháng.... năm.... của Bộ Tài nguyên và Môi trường (UBND tỉnh/thành phố...) tại mỏ (tên mỏ).... thuộc xã... huyện..... tỉnh

Diện tích đề nghị đóng cửa mỏ: ... ha (km²)

(Đối với trường hợp đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác khoáng sản, cần bổ sung các thông tin sau):

- Diện tích đề nghị đóng cửa là:..... (ha, km²).

- Diện tích đề nghị được tiếp tục hoạt động khai thác là:..... (ha, km²).

Diện tích khu vực đề nghị đóng cửa và khu vực tiếp tục được hoạt động khai thác có tọa độ các điểm khép góc thể hiện trên bản đồ kèm theo.

(Tên tổ chức, cá nhân)..... cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan./.

Tổ chức, cá nhân làm đơn
(Ký tên, đóng dấu)

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

Địa danh, Năm 20...

(Tên tổ chức, cá nhân được phép khai thác khoáng sản)

ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

(tên loại khoáng sản, thuộc xã..., huyện..., tỉnh...)

**TỔ CHỨC, CÁ NHÂN
ĐƯỢC PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG
SẢN**
(Chức danh)

ĐƠN VỊ LẬP ĐỀ ÁN (nếu có)
(Chức danh)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Chữ ký, đóng dấu
(Họ và tên)

Địa danh, Năm 20...

NỘI DUNG CHÍNH CỦA ĐỀ ÁN ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN

MỞ ĐẦU

1. Cơ sở để lập đề án đóng cửa mỏ.....:

- Các văn bản quy phạm pháp luật về khoáng sản có liên quan;
- Giấy phép khai thác khoáng sản số.....;
- Dự án đầu tư công trình khai thác mỏ.... được phê duyệt tại Quyết định số..... ngày tháng năm của.....;
- Thiết kế mỏ.....được phê duyệt tại Quyết định số.....ngày tháng năm 20....của.....;
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (Báo cáo ĐTM)/Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác mỏ.....được phê duyệt/xác nhận tại Văn bản số.....ngày tháng năm của.....;
- Các báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Tập hợp bình đồ, mặt cắt hiện trạng được lập theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản hàng năm.....(có phụ lục liệt kê kèm theo);
- Các quy định của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, UBND cấp tỉnh (nơi khai thác khoáng sản) về định mức, đơn giá công trình xây dựng, đơn giá trồng cây.

2. Mục đích, nhiệm vụ công tác đóng cửa mỏ

2.1. Mục đích

Nêu mục đích của việc lập đề án đóng cửa mỏ (đóng cửa một phần diện tích khu vực khai thác hay đóng cửa toàn bộ khu vực khai thác), trong đó làm rõ:

Đóng cửa mỏ để đưa mỏ trở lại trạng thái an toàn (như: Bạt độ dốc bờ mỏ kết thúc, sườn tầng kết thúc khai thác... đối với khai thác lộ thiên; hay phá hủy toàn phần hoặc đưa vật liệu chèn lấp từ mặt đất xuống khu vực kết thúc khai thác, xử lý các đường lò thông gió, đường lò vận chuyển..., đối với trường hợp khai thác mỏ bằng phương pháp hầm lò); đóng cửa mỏ để bảo vệ do chưa khai thác hết trữ lượng trong khu vực đã cấp phép hay mục đích của việc lập Đề án là để thanh lý toàn bộ trữ lượng đã cấp phép?

2.2. Nhiệm vụ

Nêu khái quát và liệt kê các nội dung nhiệm vụ mà công tác đóng cửa mỏ phải đạt được theo mục đích nêu trên, trong đó làm rõ:

- Tổng hợp, thống kê trữ lượng khoáng sản đã khai thác, trữ lượng khoáng sản còn lại (nếu có) tính đến thời điểm lập đề án dựa trên tập hợp tài liệu công tác lập bản đồ hiện trạng, mặt cắt hiện trạng và thống kê, kiểm kê trữ lượng từ khi xây dựng cơ bản mỏ đến khi lập đề án;
- Xác nhận hoàn thành cải tạo, phục hồi môi trường sau khai thác theo đề án/dự án/phương án cải tạo phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản...đã được phê duyệt; hiện trạng khu vực khai thác (các moong/lò khai thác), các công trình phụ trợ trên mặt mỏ làm cơ sở xác định các hạng mục công việc, khối lượng công trình đóng cửa mỏ; công tác hoàn trả kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường đã ký quỹ trước đó;

- Tính toán, xác định cụ thể từng hạng mục, công trình; khối lượng của từng hạng mục, công trình đóng cửa mỏ; thời gian thực hiện; kinh phí thực hiện; các giải pháp cụ thể cần thực hiện trong quá trình thực hiện đề án.

CHƯƠNG I

ĐẶC ĐIỂM ĐỊA LÝ TỰ NHIÊN - KINH TẾ NHÂN VĂN

1. Đặc điểm địa lý, tự nhiên khu vực đóng cửa mỏ

Mô tả vị trí địa lý, tọa độ, ranh giới... của địa điểm thực hiện đề án đóng cửa mỏ. Điều kiện tự nhiên, hệ thống đường giao thông; hệ thống sông suối; đặc điểm địa hình...., điều kiện kinh tế - xã hội, dân cư và các đối tượng xung quanh khu vực khai thác khoáng sản.

2. Lịch sử khai thác mỏ

Nêu khái quát quá trình khai thác từ khi có Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ, kể cả lịch sử khai thác trước khi có Giấy phép khai thác khoáng sản (nếu có).

CHƯƠNG II

HIỆN TRẠNG KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Tình hình tổ chức khai thác khoáng sản

Mô tả quá trình tổ chức khai thác khoáng sản theo Giấy phép khai thác khoáng sản, theo đó làm rõ một số nội dung sau:

1.1. Các thông tin cơ bản của dự án đầu tư công trình khai thác mỏ

Nêu rõ các thông tin khu vực khai thác (tọa độ, diện tích, độ sâu, trữ lượng địa chất, trữ lượng huy động vào khai thác v.v...); các thông số hệ thống khai thác đã được tính toán, lựa chọn theo nội dung của dự án đầu tư.

1.2. Các thông số cơ bản của thiết kế khai thác mỏ

Nêu rõ các thông số của khu vực khai thác tương tự như nội dung mục 1.1. Ngoài ra, nêu rõ có sự sai khác, lý do của sự sai khác về trữ lượng huy động vào thiết kế, các thông số kỹ thuật như đã nêu trên giữa dự án đầu tư và thiết kế mỏ theo nội dung của thiết kế khai thác đã phê duyệt.

1.3. Kết quả tổ chức khai thác trong thực tế

Nêu rõ quá trình tổ chức khai thác theo dự án đầu tư và thiết kế mỏ đã được phê duyệt, những vấn đề phát sinh trong quá trình khai thác về điều kiện địa chất-mỏ, thay đổi về trữ lượng (tăng/giảm) lý do; những nội dung thay đổi so với thiết kế (nếu có) về công nghệ khai thác, thiết bị khai thác chính v.v... trong đó, làm rõ một số thông tin sau:

- Nêu khái quát về khu mỏ: tiến độ và khối lượng khai thác theo từng năm và toàn bộ thời gian khai thác, trữ lượng và tuổi thọ mỏ, chế độ;

- Thống kê chi tiết khối lượng mỏ đã thực hiện (bao gồm cả khoáng sản chính, khoáng sản đi kèm, đất đá bóc, đất đá thải ...) theo từng năm từ khi được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản đến thời điểm đóng cửa mỏ; đặc biệt cần làm rõ hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản thực tế hàng năm, sự (tăng/giảm) của hệ số tổn thất, làm nghèo khoáng sản so với dự án đầu tư, thiết kế mỏ đã duyệt. Trường hợp có sự sai khác

(tăng/giảm) trữ lượng khai thác thực tế và trữ lượng khoáng sản huy động vào thiết kế phải nêu rõ nguyên nhân; kèm theo các tài liệu chứng minh số liệu đã nêu;

- Nêu phương pháp khai thác, quy trình khai thác, công nghệ sử dụng trong khai thác. Trình tự và hệ thống khai thác, các thông số của hệ thống khai thác; công tác vận tải trong và ngoài mỏ; thông tin về hệ thống bãi thải của mỏ (nếu có) về vị trí, dung tích, tổng khối lượng đất đá thải v.v....;

- Nêu quá trình tổ chức xây dựng các công trình bảo vệ môi trường, các công việc phục hồi môi trường từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết/Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

- Đánh giá về quá trình tổ chức khai thác.

2. Hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ

Nêu hiện trạng về các công trình khai thác khoáng sản, bao gồm: Khu vực khai trường, khu vực sàng, tuyển, chế biến (nếu có), bãi thải, sân công nghiệp và phụ trợ...; các công trình bảo vệ môi trường, công trình xử lý môi trường trong quá trình khai thác, cụ thể:

- Mô tả hiện trạng cấu tạo địa chất, mực nước ngầm tại khu vực dự kiến sẽ đóng cửa mỏ. Đánh giá, dự báo khả năng sụt lún, trượt lở, nứt gãy tầng địa chất, hạ thấp mực nước ngầm, nước mặt, sông, hồ; sự cố môi trường... trong quá trình khai thác;

- Trữ lượng khoáng sản được duyệt; trữ lượng khoáng sản được huy động vào thiết kế để khai thác, trữ lượng thực tế đã khai thác, tỷ lệ tổn thất, làm nghèo khoáng sản tính đến thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ; tổng khối lượng đất đá thải và hiện trạng các bãi thải tại thời điểm đề nghị đóng cửa mỏ (nếu có);

- Nêu đặc điểm hình, địa mạo của khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;

- Hiện trạng khu vực dự kiến đóng cửa mỏ tại thời điểm lập đề án: Số lượng, khối lượng và mức độ an toàn các công trình mỏ;

- Hiện trạng các công trình bảo vệ môi trường, công tác cải tạo, phục hồi môi trường của dự án khai thác khoáng sản từ khi bắt đầu khai thác đến khi kết thúc khai thác theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Bản cam kết bảo vệ môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác đã duyệt.

3. Lý do đóng cửa mỏ (làm rõ các trường hợp sau):

- Đóng cửa toàn bộ hoặc một phần diện tích mỏ được cấp phép để thanh lý do đã khai thác hết trữ lượng khoáng sản trong diện tích được cấp phép;

- Đóng cửa để bảo vệ mỏ do chưa khai thác hoặc đã khai thác được một phần trữ lượng khoáng sản được cấp phép; lý do (do khai thác không hiệu quả, do tổ chức, cá nhân khai thác khoáng sản vi phạm pháp luật về khoáng sản hoặc pháp luật có liên quan...).

CHƯƠNG III

PHƯƠNG PHÁP, KHỐI LƯỢNG CÔNG TÁC ĐÓNG CỬA MỎ

1. Phương án đóng cửa mỏ

Căn cứ vào hiện trạng khu vực đề nghị đóng cửa mỏ, phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt, tổ chức, cá nhân đề xuất phương án đóng cửa mỏ phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, quy hoạch môi trường của địa phương; đảm bảo không để xảy ra các sự cố môi trường, sức khỏe cộng đồng và các quy định khác có liên quan.

Trường hợp phương án cải tạo, phục hồi môi trường đề xuất trong đề án đóng cửa mỏ khác với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt thì phải giải trình, làm rõ lý do thay đổi.

2. Khối lượng đóng cửa mỏ

Trên cơ sở phương án đóng cửa mỏ đã lựa chọn, tính toán cụ thể.

- Dạng, khối lượng công việc và các biện pháp thực hiện công tác đóng cửa mỏ, làm rõ các biện pháp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác (nếu có).
- Khối lượng công việc phải thực hiện nhằm đảm bảo an toàn sau khi đóng cửa mỏ và bảng thống kê kèm theo.
- Giải pháp, khối lượng cải tạo, phục hồi môi trường theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo phục hồi môi trường bổ sung đã được duyệt; giải pháp, khối lượng công việc cải tạo, phục hồi môi trường thay đổi so với phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt phù hợp với hiện trạng của mỏ tại thời điểm lập đề án.
- Lập bảng thống kê các thiết bị, máy móc, nguyên vật liệu cần huy động để thực hiện đề án đóng cửa mỏ.
- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.
- Rà soát, điều chỉnh các vị trí giám sát, các nội dung giám sát môi trường (đã được phê duyệt trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường, Giấy xác nhận công trình bảo vệ môi trường, phương án cải tạo, phục hồi môi trường) trong quá trình thực hiện đề án đóng cửa mỏ khoáng sản.

III. Tiến độ thực hiện

- Tiến độ thực hiện và thời gian hoàn thành từng công việc cụ thể.
- Xác định tổng thời gian thực hiện đề án đóng cửa mỏ.
- Đề xuất cơ quan tiếp nhận, quản lý, sử dụng các công trình mỏ, công trình bảo vệ môi trường sau khi có quyết định đóng cửa mỏ.

CHƯƠNG IV

DỰ TOÁN KINH PHÍ

Chi phí đóng cửa mỏ và cơ sở đảm bảo cho nguồn kinh phí đó, kể cả những khoản bồi thường thiệt hại do việc đóng cửa mỏ gây ra (lưu ý: tách riêng dự toán kinh phí để thực hiện các hạng mục công trình tại thời điểm lập đề án đóng cửa mỏ và chi phí đã thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường cho các hạng mục công trình theo phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung đã được phê duyệt).

CHƯƠNG V

TỔ CHỨC THI CÔNG

Trên cơ sở khối lượng, tiến độ thực hiện các công việc của đề án và thời gian hoàn thành đã tính toán đưa ra phương án tổ chức thi công đề án. Do tổ chức, cá nhân khai thác tự thực hiện hay thuê tổ chức, cá nhân khác? Cách thức tổ chức thực hiện cụ thể.

KẾT LUẬN

- Kiến nghị về việc bảo vệ hoặc sử dụng hợp lý các công trình mỏ và khu vực khai thác mỏ sau khi hoàn thành công việc đóng cửa mỏ.
- Các yêu cầu, kiến nghị khác (nếu có).

PHẦN PHỤ LỤC

1. Phụ lục các bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ
1	Bản đồ hiện trạng khu vực khai thác mỏ. Tỷ lệ 1:1.000 - 1:2.000
2	Bản đồ địa hình khu vực mỏ tại thời điểm được cấp phép khai thác
3	Bản đồ kết thúc từng giai đoạn khai thác theo Dự án đầu tư
4	Bản đồ tổng mặt bằng mỏ (thể hiện rõ các công trình khai thác mỏ và các công trình phụ trợ: nhà cửa, đường xá, cầu cống v.v..)
5	Bản đồ kết thúc khai thác mỏ theo Thiết kế mỏ
6	Các bản vẽ mặt cắt địa chất đặc trưng khu vực đóng cửa mỏ
7	Các bản vẽ thiết kế chi tiết các công trình đóng cửa mỏ, bãi thải
8	Sơ đồ vị trí lấy mẫu đáy móng kết thúc khai thác, hoặc tại các đường lò chợ v.v... (nếu có).
9	Bản đồ tổng thể khu vực sau khi thực hiện Đề án đóng cửa mỏ và thể hiện Bản đồ trên không gian ba chiều (3D)
...	Các bản vẽ khác (nếu có theo Phương án cải tạo, phục hồi môi trường)

2. Phụ lục các hồ sơ, tài liệu liên quan:

- Bản sao quyết định phê duyệt/giấy xác nhận Báo cáo đánh giá tác động môi trường/Kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường; Giấy phép khai thác khoáng sản; Phương án/cải tạo, phục hồi môi trường trong khai thác khoáng sản;
- Bản sao quyết định phê duyệt Dự án đầu tư khai thác mỏ và thiết kế cơ sở; quyết định phê duyệt Thiết kế mỏ;
- Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất;
- Bản đồ ba chiều (3D) hoàn thổ không gian đã khai thác đối với trường hợp Phương án/Dự án/Đề án cải tạo, phục hồi môi trường của tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường;
- Đơn giá, định mức của các bộ, ngành tương ứng; bản đồ quy hoạch sử dụng đất (nếu có);

- Toàn bộ bản vẽ bình đồ, mặt cắt hiện trạng kết thúc các năm khai thác kèm theo báo cáo định kỳ hoạt động khai thác khoáng sản;
- Tài liệu phân tích mẫu khoáng sản, đất đá (nếu có) tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ;
- Các số liệu liên quan đến chất lượng (hàm lượng, thành phần khoáng vật, hóa học, cơ lý v.v..) của khoáng sản tại khu vực đề nghị đóng cửa mỏ (moong khai thác, đường lò chợ...) kèm theo là bản đồ thể hiện vị trí các điểm lấy mẫu và kết quả phân tích mẫu.
- Các bảng biểu, tài liệu kèm theo như đã nêu trong các chương.



BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
(ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/ THÀNH PHỐ ...)

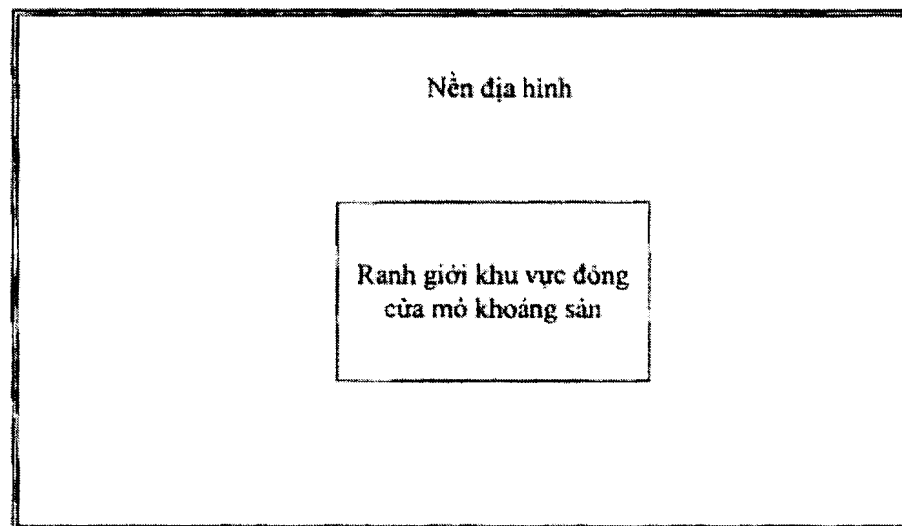
Mẫu số 32 - Phụ lục 2

Tọa độ các điểm khép góc

Điểm góc	Hệ VN 2000, kinh tuyến trục...múi chiều...	
	X(m)	Y(m)
1		
2		
...		
Diện tích: ... ha		

BẢN ĐỒ KHU VỰC ĐÓNG CỬA MỎ KHOÁNG SẢN
 (tên khoáng sản).....tại khu vực (mỏ)....., xã....., huyện....., tỉnh.....
 (Kèm theo Quyết định số...../QĐ-BTNMT/UBND ngày.... tháng.....năm....của Bộ Tài nguyên và Môi trường/UBND tỉnh/thành phố...)

CHỈ DẪN



Khung tọa độ

Người thành lập
(Ký, họ tên)

Tổ chức, cá nhân thành lập
(Ký, đóng dấu)

Tỷ lệ:.....
 "Được trích lục từ tờ bản đồ địa hình tỷ lệ...
 kinh tuyến trục...,múi chiều..., số hiệu..."